

15 THÁNG 6 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I . Đ Ạ I

năm mười một

LÊ VĂN SIÊU cuộc đàm đạo về truyền thống dân tộc *
CUNG GIỮ NGUYÊN ý-niệm quốc-gia trong thời-dại
mới * VIỆT PHƯƠNG tình trạng xã hội Nga-sô ngày
nay * VÕ QUANG YẾN cá heo học nói, biết hát *
TRÀNG THIÊN một đặc-san về Nguyễn-Du của Trường
Viễn đông Bác-cờ Pháp * TỬ TRÌ thế giới trong
những tuần qua * LÊ PHƯƠNG CHI nếp sống của
văn nghệ sĩ ; nhà văn Võ-Hồng * ĐỖ TIẾN ĐỨC má
hồng * LINH BẢO cô áo hồng * AKUTAGAWA
RYUNOSUKE bức Bình phong Hỏa ngục * TRẦN HUIỄN
ÂN — HỮU PHƯƠNG thơ * BÁCH - KHOA THỜI -
ĐẠI đọc sách giúp bạn , **SINH HOẠT** sinh
hoạt văn hóa của Tổng
hội sinh viên Sài Gòn .
đàm thoại về kịch .

251





L'aisance respiratoire



Asthme Emphysème

CORTIDASMYL

broncho-dilatateur
anti-allergique
anti-inflammatoire

dyspnées
chroniques

asthme à dyspnée chronique
emphysème, sclérose pulmonaire, bronchite chronique

dyspnées
subaiguës

asthme léger ou moyen
pneumopathie aiguë chez un insuffisant respiratoire
poussées aiguës des pneumopathies chroniques

états allergiques
respiratoires

coryza spasmodique, toux spasmodique

Boîte de 20 comprimés dosés à

prednisone	1,5 mg
théophylline	80 mg
phénobarbital	10 mg
chlorhydrate d'éphédrine	10 mg
par comprimé.	



Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 251 ngày 15 - 6 - 1967

LÊ VĂN SIÊU <i>cuộc đàm đạo về truyền-thống dân-tộc</i>	3
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>ý - niệm quốc - gia trong thời-đại mới</i> <i>(Quốc-gia là ai? Quốc-gia trên hết? Chủ nghĩa quốc gia</i> <i>vẫn mạnh...)</i>	13
VIỆT PHƯƠNG <i>tình trạng xã hội Nga-sô 50 năm sau khi Cách</i> <i>mạng tháng 10 thành công</i>	17
VÕ QUANG YẾN <i>cá heo học nói, biết hát</i>	26
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	30
AKUTAGAWA RYUNOSUKE <i>bức Bình phong Hỏa ngục (CHƯƠNG</i> <i>NGỌC dịch theo bản Pháp ngữ)</i>	41
LÊ PHƯƠNG CHI <i>nếp sống hôm nay của văn nghệ sĩ : nhà</i> <i>văn Võ-Hồng.</i>	50
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	56
TRÀNG THIÊN <i>một đặc-san về Nguyễn Du của Trường Viễn-đông</i> <i>Bác-cờ Pháp</i>	61
LINH BẢO <i>cô áo hồng (truyện ngắn)</i>	67
TRẦN HUIỄN ÂN <i>trước mặt rừng đêm (thơ)</i>	73
HỮU PHƯƠNG <i>chuyện ngàn năm ; thủy triều (thơ)</i>	74
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn (Gió nổi cát bay ;</i> <i>Mẫu hệ Chàm ; Tân Châu ; Chú Thổ-đế ; Triết học hiện sinh)</i>	75
SINH HOẠT	
— <i>Đàm thoại về kịch</i>	82
— <i>Sinh hoạt văn hóa, báo chí của Tổng Hội Sinh Viên Saigon</i>	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 2 3 số : Giá gấp đôi

SÁCH MỚI

— **Tân Châu** (1870 - 1964) của Nguyễn-văn-Kiểm, loại sách sưu khảo, do tác-giả xuất bản và gửi tặng.

Sách dày 430 trang trình bày những tài liệu phong phú về sử địa, phong - tục tập - quán, kinh - tế, tín ngưỡng, nhân văn và giải trí của Tân-Châu với rất nhiều hình ảnh. Giá 150đ.

— **Thế-giới-quan Phật - giáo** của T.T. Thích - Mật - Thê do Vạn-Hạnh xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 110 trang là một tài liệu rất giá trị gồm « những nhận định của đạo Phật về Vũ trụ và Con người », Bản đặc biệt — Giá bán thường 50 đ.

— **Gió nổi cát bay** truyện dài của Nguyễn-Ái-Lữ do Trang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 144 trang. Bản đặc biệt — Giá bán thường 60 đ.

— **Vẽ phác một chân dung con người** (Quyển trên) của Lê-văn-Hảo, do Trình Bầy xuất bản và nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 4 chương: Tiến hóa vật sống và gốc gác con người; Quá trình tiến-hóa hội-sống loài người; Lao-động và kỹ-thuật; Lễ lạc trong đời người. Bản đặc biệt — Giá bán thường 55 đ.

Phật - hội Pháp - hoa Việt-Nam Nội-san xuất bản nhân ngày Phật-đản 8-4 Đinh-Mùi. Mỗi tập khổ 19 x 25, in ronéo 2 mặt dày 50 trang.

Chú thỏ để truyện thiếu-nhi của Bích-Thủy, do Anh-Huy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang, thuộc tủ sách Tuổi Hoa, bìa in offset rất đẹp. Giá 30 đ.

Một kiếp giang hồ nguyên tác Knulp của Herman Hesse, bản dịch Võ-Toàn do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang. Bản đặc biệt. Giá bán thường 30 đ.

— **Thiền-học Việt-Nam** của Nguyễn-đăng-Thục do Lá Bối xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày ngót 490 trang trình bày « điển tịch tâm linh » của một số Thiền sư Việt-Nam đã thực hiện trên đất Giao chỉ thời Bắc thuộc và thời bắt đầu trở nên lãnh thổ Đại-Việt ». Trình bày rất trang nhã. Bản đặc biệt không để giá — Bản thường giá 190 đ.

Đàn bà đàn ông tiểu luận của Minh-Đức Hoài - Trinh, do Triều-Dương xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm những chương sau đây: Đàn bà; Đàn ông; Nghệ-thuật giữ nàng và vợ; Nghệ-thuật tấn công người đẹp theo binh pháp Tôn-tử — Giá 100 đ.

CÁO LỖI

Vì bị cắt điện nhiều lần nên Bách-Khoa Thời-Đại số này ra trễ mất hai ngày. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tòa-soạn Bách-Khoa Thời-Đại

CUỘC ĐÀM ĐẠO VỀ truyền thống dân tộc

(Xin xem BK.TĐ. số 250)

Hoàn cảnh địa dư.

Hồi cách đây khoảng ba, bốn ngàn năm, ta nhớ rằng đồng bằng sông Mã và sông Nhị chưa được bồi xa đến như ngày nay. Các hang động núi non ở Thanh Hóa còn là những hải-đảo bán-đảo. Và nước biển Đông còn lênh láng tới Việt Trì bây giờ.

Đất để trồng trọt cây cấy còn hiếm hoi lắm. Nhất là ở sông Mã, chỉ thuận tiện cho việc chài lưới, đi biển; cùng tiện cho các thuyền ngược xuôi ngoài biển ghé vào. Hoặc để mua các thổ sản như dưa hấu của An Tiêm, mà hiện hãy còn bãi An Tiêm, hoặc để bán các hải sản; hoặc nữa để cướp bóc đánh phá. Bất cứ một vùng duyên hải và hải khẩu nào ở thời xưa, cũng đều phải chịu đựng cảnh ngộ ấy. Bởi thuyền đi lênh đênh ngoài biển mà thiếu lương thực thì người không muốn ăn cướp cũng thành hải khấu, nếu không mua được lương thực của người trên bờ. Và người trên bờ, vì lẽ không dư dật, cũng phải chiến đấu dữ dội để bảo vệ lương thực và tài sản của mình.

Do đó mà người ở vùng Hồng Lĩnh, sông Mã đã có tinh thần chiến đấu bền bỉ để truyền thống còn mãi tới ngày nay.

Những hang động rất nhiều: Hồ Công Từ Thức, Kim Sơn, Hàm Rồng, Lục Vân, Long Quang,... cùng với các núi đủ kiểu, đủ tên gọi tới bảy mươi ba ngọn, với đường vào đường ra hết sức hiểm trở, xen lẫn với rừng già, suối nước, thác ghềnh, hiện vẫn còn lại để chứng thực những trận chiến ghê hồn đã có thể diễn ra tại đây trong thời quá khứ xa xưa.

Thêm ngoài biển lại có những xoáy nước mà nguy hiểm nhất là cửa Thần Phù, đã làm cho người ta sợ hãi cho đến tận hồi gần đây, với câu ca dao: «Lênh đênh qua cửa Thần Phù, khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm». Cửa bề ấy hẳn đã đánh đắm nhiều thuyền bè, và đìm sâu nhiều sinh mạng của dân định cư ở địa phương cũng có, mà dân ngoài muốn tấp vào bờ cũng có.

Ta thấy người xưa ở đây đã từng phải chiến đấu vừa với kẻ thù nghịch, vừa với thiên nhiên, lại vừa với thú dữ, nên bảo rằng khí thiêng sông núi ở đây đã tạo nên nhiều anh hùng hào kiệt thì

sợ có người cho là nói mơ hồ, chớ thực thì hoàn cảnh địa dư ấy nhất định phải làm nảy sinh những nhân vật ấy để thích ứng và tồn tại.

Còn vùng đồng bằng sông Nhị, căn cứ mới của nền văn minh nông nghiệp Văn Lang ở Phong Châu, thì tuy hồi ấy cũng là khu đất ven biển, cũng có nhiều núi non, nhưng không hùng vĩ bằng vùng sông Mã, lại có ruộng đất nhiều để trồng trọt cấy cấy hơn. Đường từ biển đi sâu vào lầy lội rất khó đi vì phù sa bồi đắp, khi nước triều lớn thì lên sáng khắp cả không biết chỗ nào nông lâu để đi vào. Khi nước rút thì các cây xú cây bần (giống cây mọc ở vùng nước mặn) sẽ chồi cả lên. Đó chính là những phòng ngự thiên nhiên chống với giặc biển muốn xông vào cướp phá. Phần những bộ lạc thù nghịch ở phía nam cũng không vượt núi băng rừng để tới tận đây làm gì. Phần những bộ lạc khác ở rừng núi phía bắc cũng còn thưa thớt. Nhờ vậy mà khu vực Phong Châu thành *khu vực an toàn để lập quốc*, và con người sống yên ổn nhàn hạ, nhàn nhàn với nghề nông trong những thời gian hết sức dài.

Đất phù sa càng bồi thêm thì ruộng đồng càng mở rộng dần để đời sống càng sung túc. Con người không lúc nào phải chiến đấu chống thiên nhiên cả. Họ chưa có kỹ thuật ngăn nước mặn và rửa đất phèn để mở rộng đất canh tác ra thật nhanh, nên cả khu vực đất tân bồi còn lầy lội và nhiều hơi độc, vẫn bị bỏ hoang (Đời Mã Viện sang đánh Hai Bà Trưng, đến vùng Lãng Bạc còn thấy khí độc bốc ở bãi lầy lên, đến nỗi quạ đương bay phải rút xuống

mà chết).

Nhưng khu vực đất đã thuộc vẫn dư sức cung cấp lương thực nuôi một số dân chưa lấy gì làm đông đảo quá.

Sợ rằng ở hồi đầu này, kỹ thuật canh tác cũng chỉ mới là lối trồng lúa tía mà người miền Thượng còn giữ để trồng ở các sườn đồi. Cho tới khi có đoàn người miền Nam Trung Hoa tràn tới, mang theo một kỹ thuật canh tác tiến bộ hơn, thì bấy giờ mới có việc cấy ruộng và cấy lúa.

Mặc dầu vậy, dưới sự *ưu đãi của thiên nhiên*, người Giao Chỉ Văn Lang vẫn đã rất an nhàn sung sướng để sẵn sàng sống rất cởi mở với hết thảy mọi giống dân khác.

Khí hậu

Khí hậu bốn mùa rõ rệt, nói chung là dễ chịu.

— Mùa Xuân thì ấm áp, hơi lạnh về đêm, còn suốt ngày dịu mát. Mặt trời không nắng gắt lắm. Thỉnh thoảng loe ra vào buổi trưa một lúc rồi lại có mây mờ dày đặc che phủ. Ngày có gió nồm đầy hơi nước từ miền Nam tới thì không khí ẩm ướt. Ngày có gió bắc nổi tiếp mùa đông từ một, chập thì khô và lạnh làm cho nẻ mặt và xước mắng dỏ ở ngón tay. Mưa lất phất không đủ ướt đất tưới nhẹ cho cây cối. Trong khi đất ruộng khô nứt ra vì từ tháng mười không còn những trận mưa lớn, lại qua một mùa đông lạnh gió hút hết hơi nước trên mặt đất.

Cây cối ra hoa và lá non. Nhưng ruộng đồng nứt nẻ thì đành chịu. không cấy và đập đất mệt nhọc quá được, nên không cấy được vụ chiêm.

Vì vậy bắt buộc tháng giêng phải là *tháng ăn chơi*. Người siêng năng mấy cũng chỉ cuốc và đập đất được những mảnh ruộng nhỏ để trồng đậu, trồng khoai trồng cà, về tháng hai.

— *Mùa Hạ* bắt đầu khoảng giữa tháng ba. Trời ít mây. Mặt trời ló lói từ sáng đến trưa thì nắng gắt, và càng về chiều nắng xiên khoai lại càng khó chịu. Trời oi ả thỉnh thoảng mới được ngọn gió nam mát mẻ. Còn thường gió tây nóng bức hầm hập như trong lò lửa. Nhưng cách vài ngày thì lại có mây đen với mưa rào thật là nhiều nước, ngập các ruộng đồng cho đất mềm ra. Đề "Tháng tư đi tậu trâu bò, đề ta sắp sửa làm mùa tháng năm." Ấy là vì không có mưa rào đất không mềm thì không cấy được.

Nhưng vì mưa bất thần, điều kiện thì giờ làm việc đồng áng phải từ hết sức sớm, đề khi mặt trời lên khỏi ngọn tre là nghỉ, rồi đến chiều tà nắng xiên khoai, mới lại làm cho đến tối. Nên ruộng đồng bắt buộc phải *gần nhà*, chỉ chu vi ba bốn cây số là nhiều, thêm phải có cái quán giữa đồng hay cây đa để trú mưa và nghỉ trưa. Nền văn minh nông nghiệp của người Giao Chỉ Văn Lang, có cái quán giữa đồng, cái cây đa đầu làng ấy là một đặc điểm vậy.

— *Mùa Thu* vào khoảng cuối tháng bảy với những trận mưa ngẫu tầm tã, không lớn nhiều nhưng dai dẳng đến nửa ngày có khi cả ngày đề sau đó thì trời dịu mát và thỉnh thoảng có những trận mưa nho nhỏ là mưa rươi.

Ngày thì trời quang, đêm thì trăng sáng, nhất là rằm tháng tám, trời không có một vẩn mây, trăng sáng rực như ban

ngày. Vào dịp này, người ta gọi "Tháng ba ngày tám" là những ngày mà nhà nông rảnh rang công việc đồng áng chỉ ngồi nhà thảnh thơi chờ lúa chín thì gặt, người ta chơi *Tết Trung Thu*. Nhưng cũng vẫn phải lo sợ nước lũ từ trên nguồn tràn về làm ngập lụt mất mùa, hay những cơn bão làm đổ cửa đồ nhà.

— Qua *Mùa Đông* gặt hái rồi mới chắc dạ *Mùa đông* bắt đầu khoảng tháng mười, hết mưa lớn, nhưng thỉnh thoảng có mưa phùn. Nắng nhạt không gay gắt nhưng hanh, vì gió bắc không mang hơi nước lại. Đất ruộng sau vụ gặt khô và nứt nẻ dần. Nước sông ngòi cũng cạn dần.

Công việc của nhà nông chỉ còn là gặt lúa, mang về nhà đập và phơi rồi cất lúa vào bồ đề nghỉ ngơi sửa soạn ăn Tết và đón xuân, mà bắt đầu lại một vòng tuần hoàn như cũ.

Tuy có rét lạnh nhưng thường cũng khoảng lạnh nhất là 7,8 độ trên không độ. Không đến nỗi lạnh quá không chịu nổi.

Khí hậu ấy, cùng với điều kiện làm việc như vừa kể, đã khiến người Giao Chỉ Văn Lang sống định cư thành làng ở giữa một vùng đồng ruộng khoảng ba bốn cây số là nhiều. Nếu phải du canh theo với diện tích đất ruộng mở rộng thêm của phù sa bồi đắp, thì người ta cũng du canh đến đặt một cái làng mới vào giữa khu đất ruộng ấy.

Cái làng với tổ chức của nó chính là một đặc điểm nữa của nền văn minh nông nghiệp. Sự đi theo ruộng mà du canh cũng là một đặc điểm khác của tinh thần thực dân canh nông, còn

truyền thống đến bây giờ. Ấy là thứ tinh thần của nông dân thấy đất ruộng thì bám chặt lấy, rồi dựng làng, sống hòa đồng với người, để làm ăn rất hợp pháp, hợp tình, hợp lý, để cuối cùng là quân đội đi sau và sự giao thiệp giữa hai lân bang về pháp luật sẽ đi sau nữa để thừa nhận những sự chiếm hữu đã rồi. Cả một cuộc Nam tiến của dân tộc ta và hiện nay đương có một cuộc Tây tiến, đều đã và đương được thực hiện với tinh thần thực dân canh nông ấy. Nó khác hẳn với tinh thần và lễ lối thực dân thương mại của người Trung Hoa, thực dân kỹ nghệ của người Pháp, thực dân tài chính của người Mỹ.

Rồi thông thả chúng ta sẽ xem nó kỹ hơn. Nay hãy tiếp tục tìm nguồn gốc truyền thống dân tộc trong lịch sử.

Quá khứ lịch sử.

Hoàn cảnh địa dư khí hậu và tương quan kỹ thuật đã tạo những đặc-tính cho con người. Bất cứ con người nào, thuộc giống nào sống trong hoàn cảnh và điều kiện ấy cũng đều có những đặc tính ấy.

Sau này cuộc sống xã hội tiến hóa hơn, có thể có nhiều những thêm thắt từ xa tới hay từ sự vật lộn của chính bản thân mình để thích ứng những hoàn cảnh lịch sử mới. Đó là những đặc điểm thuộc về linh hồn thiêng liêng được gọi cho dễ hiểu là truyền thống dân tộc mà không thể có dân tộc nào giống với dân tộc nào cả.

— 1). Thời thượng cổ, gốc của ta như giả thuyết vừa trình bày, là một nhóm bộ lạc thất trận, tình cò được đưa tới một địa bàn an toàn để no đủ

và lập quốc. Cuộc sống an nhàn thanh thoi khiến con người gần với thiên nhiên, hòa hợp tâm tình với hoàn cảnh thiên nhiên hiền dịu, để có một thái độ sống triết nhân, không chiến đấu gay gắt, thế nào cũng được, xong chuyện thì thôi. Sử cũ của Tàu còn chép : « Dân ta tính tình thuần phác, thắt nút để ghi nhớ công việc » Quả có thể như thế được. Vì ngoài việc đồng áng và vui sống với nhau trong cái làng thân mật, với những tục lệ diễn tiến đều đều với năm tháng, người ta sẽ không còn việc gì cả để quan tâm.

Bộ lạc Hùng Vương có lẽ là bộ lạc lớn hơn, nhiều đức độ hơn, định cư tại địa điểm trung tâm và được nhìn nhận đủ khả năng tinh thần thông cảm với thần linh mà cầu cho mưa thuận gió hòa trăm họ âu ca thái bình. Còn các bộ lạc khác thì ở rải ra thành những làng xóm xung quanh, mà ngoài những liên hệ tôn giáo (mỗi năm có thể một vài kỳ), đã không cần có liên hệ pháp lý, kinh tế, quân sự, hay thuế má gì cả. Mỗi làng là một nước nhỏ, có đời sống biệt lập về sau này, có lẽ bắt nguồn ngay từ hồi khởi thủy. Cuộc sống của con người thu hẹp vào đơn vị một làng, một họ một nhà (mà không biết đến tổ chức quốc gia); có lẽ cũng đã có gốc ngay từ đây.

— 2) Khi các giống dân miền Nam Trung Hoa chạy loạn Xuân Thu chiến quốc tới sống chung với dân chúng các làng, người vẫn còn thưa thớt, thì cũng không có sự đụng chạm quyền lợi nào đáng kể để thành xích mích.

Các giống dân ấy đến với tư cách nương nhờ, không phải tư cách xâm lấn, vì không có quân đội.

Mặt khác lòng thương người trong cảnh ngộ không may, của người dân no đủ, cũng đã rất dễ dàng cởi mở. Thành ra tình mến thương chân thành của đôi bên, làm cho cuộc sống chung êm đẹp và tiến bộ để tạo nên một nền văn minh mới : Văn Minh Lạc Việt.

Kỹ thuật canh tác mới, đắp bờ giữ nước trong ruộng cho lúa no nước : và nhiều hạt, mà tăng gia sản lượng : đắp đê ngăn nước mặn, tát nước rửa phèn để mở rộng diện tích canh tác ; dùng trâu và lưỡi cày để cày vỡ cày ải cho sức người đỡ mệt nhọc . . . đó là những điều tiến bộ mà người di cư mang lại làm quà cho người bản xứ.

Món quà thứ hai là *mở tiếng nói Phong phú* hơn mà người di cư nói uốn lưỡi theo người bản xứ để hóa hợp ngôn ngữ cũ từ gốc sông Mã thành ngôn ngữ Lạc Việt.

Món quà thứ ba là *chữ viết*, do các dân tộc cổ Trung Hoa sáng chế để đọc theo giọng Lạc Việt mà giữ cái gốc căn bản không bị hóa theo Trung Hoa về sau này.

Món quà thứ tư là *ý niệm quốc gia dân tộc* gồm cương lĩnh cả miền Nam Hoa của các giống Việt từ Vân Nam tới Đông Hải tuy trên thực tế không có gì rõ ràng, nhưng trong ý thức đã bắt đầu nảy nở một ý nghĩ muốn dứt khoát về quốc thổ đối với ngoại tộc Trung hoa. Sử chép đời Hùng có việc vua Hùng đem quân vào đánh dẹp ở vùng sông Mã, lại có giặc Ân xâm lăng phải nhờ Phù Đổng Thiên Vương đánh dẹp. Chứng tỏ cuộc sống hóa hợp với thiên nhiên cũ, không thích có gì rộn ràng phiền nhiễu, đã bắt đầu thay đổi thành phiền tạp hơn. Và quyền uy của vua

thiên tử Hùng Vương ở Phong Châu đã bắt đầu đòi hỏi thành một thực quyền. Ấy cũng là do người di cư quen với thể chế quốc gia của những nước Sở, Ngô, Việt v.v. đã mang lại cái đòi hỏi ấy.

— 3) Tuy nhiên, những lỏng lẻo của đời sống canh nông đã mấy nghìn năm, đem ghép với những điều kiện sống trên yên ngựa để đấu tranh mới nhập cảnh, chỉ tạo nên chế độ *lính làm ruộng* (không chuyên môn và không tổ chức) để trị an và dẹp những loạn nhỏ thôi. Còn đương đầu với những trận giặc qui mô hơn thì không hi vọng thành công. Cho nên họ Hùng Vương phải bị dứt để nhường chỗ cho họ Thục, quen chiến trận hơn và tràn từ các vùng núi xuống

Những trận giặc xâm lăng này chính đã được đời sống canh nông phú túc của Phong Châu kêu gọi và gọi từ bốn phương tới. Không có họ Thục, ắt lịch sử cũng có họ khác làm công việc của họ Thục. Và sau họ Thục đến họ Triệu, tất cả chỉ càng chứng tỏ vùng đồng bằng sông Nhị đã phì nhiêu khiến khắp nơi phải thêm thuồng.

Điều đáng nên lưu ý là *chiến thuật du kích phá hoại* và chống đối dai dẳng đã khởi từ đời Thục này, khiến vua Thục bao nhiêu lần xây thành Cồ Loa gần xong lại đổ, và cuối cùng phải dùng chiến thuật lợi dụng lòng tin dị đoan để dọa ma quỷ thì mới xây xong. Điều đáng lưu ý thêm là *nhân vật Thần Kim Quy* ẩn náu ở vùng Hồng Lĩnh giúp vua Thục xây thành và cho nó Thần để giữ thành, ắt là một khách giang hồ hảo hán của Tàu đã dùng vùng đất hiểm trở ở đây để tích cỏ đồn lương phòng khi có dịp phục hồi cổ hươg tranh bá đồ vương

thì có nhà Thục trợ giúp. Vậy là từ đời Thục đã biết có *khu đất chiến lược* ấy để thua trận thì lui về. Không trách nhà Trần về sau gặp quân Nguyên quá mạnh cũng bỏ miền Bắc lui về đây, và khi khuyên tướng sĩ đứng nản lòng, Hưng Đạo Vương cũng đã nói :

Cối kê cự sự quân tu ký

Hoan Diên do tồn thập vạn binh.

Tỏ rằng người xưa coi vùng sông Mã là đất Cối Kê để phục quốc.

Điều đáng nên lưu ý là đến hồi này đường thủy, đường bộ từ Trung Hoa tới vùng đồng bằng Nhị Hà phi nhiều đã thuận tiện lắm. Đất phù sa đã bồi xa có lẽ tới Hưng Yên. Các *thuyền bè* đã len lỏi vào sâu trong đất liền được để những bãi lầy không còn trở ngại; việc tiến quân của Lâu Thuyền tướng quân khi theo Mã Viện sang đánh Hai Bà Trưng nữa. Sự buôn bán với Trung quốc cũng đã có những chợ ở biên giới để sau này khi vua nhà Hán cấm bán trâu dê cái cho Giao Chỉ thì Triệu Vũ Vương đem quân đánh vào quận Tráng Sa. Và trong những người dân vùng Nam Hoa di cư, đã có cả những nhân vật như *Thần Kim Quy*, mà cũng có cả những *Nho sĩ* chống Hán chạy qua ẩn náu để dạy học cho dân chúng.

Trong thời khoảng lịch sử từ sau Hùng Vương đến hết nhà Triệu, người Lạc Việt đã có dịp rèn luyện chiến thuật du kích và củng cố tinh thần quốc gia chống Hán Triều. Nhưng cũng phải đợi đến hồi bị nội thuộc nhà Hán thì tinh thần ấy mới có dịp thử lửa.

— 4) Bắt đầu từ ngày bị mất quyền

tự chủ, người Lạc Việt nảy óc nghi ngờ chính quyền đô hộ và chống đối tiêu cực bằng cách thu gọn đời sống vào gia đình và cái làng. Làng không những chỉ là một đơn vị cư trú, mà còn là nơi trú ẩn lúc lo sợ bạo quyền, nơi ấp ủ lấy nhau những khi đau buồn tủi nhục.

Tổ chức của làng với ít hàng rào tre lưa thưa, không đủ lì phòng ngự kiên cố như những hang động thiên nhiên, đã khiến nảy ra *chiến thuật chiến đấu mềm dẻo* và uyển chuyển linh động, Nửa ra chiều uốn mình theo lệnh người đô hộ, nửa ra ý bướng bỉnh chống đối, nửa chân thành cộng tác, nửa ra không. Thực hư lẫn lộn, giả trá không phân. Trong cái vẻ ngoài đơn giản của cái làng đã có cả một cái gì phức tạp khó hiểu.

Ấy là *khi giới tự vệ của kẻ yếu*. Ấy là nguồn an ủi tinh thần khi phải chịu đựng cái kiếp nghiệp đau thương của giống dân mất nước. Ấy cũng là khởi đầu của giòng truyền thống chống đối bạo quyền đô hộ.

Và gia đình, nơi duy nhất có thể mở được tâm tình với nhau, cũng từ đây mà nhuộm thêm một *tính chất thiêng liêng tôn giáo* giữa kẻ còn người mất, kẻ sống người chết, trong những trường hợp bất khả kháng.

— 5) Đến khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, toàn dân cùng vươn mình theo. Sau khi đuổi được thái thú Tô Định của nhà Hán để tự chủ trong vòng 3 năm ngắn ngủi, Giao Chỉ lại bị Mã Viện đem đại đội binh mã qua đánh trả thù và tàn sát dân chúng khắp trong nước.

Với cột đồng khắc chữ «*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*» Mã Viện đã dùng chữ diệt để cho thấy tính chất tàn ác đã

man của cuộc đàn áp này.

Người còn sót lại đã đau thương đến chừng độ nào! Và cái hận thù kẻ đô hộ đã cao tựa núi, sâu tựa biển.

Nhưng một lần nữa, người dân Giao Chỉ uốn mình xuống chịu cho kẻ đô hộ chà đạp. Lần này chính là vì khôn sau khi đã cân nhắc lực lượng. Lần này chính là vì cần bảo toàn mạng sống đề chờ thời, chính là vì đã có những bài học kinh nghiệm đắt giá cũ. Nên người dân Giao Chỉ đã tự tạo cho mình một *thái độ giả trá kinh khủng* trong cuộc sống.

Giả trá để chiều nịnh, để lấy lòng, để yên thân, để cầu lợi, để chửi bới, để phá hoại, có khi để đi ám sát kẻ đô hộ, rồi vẫn khoác vẻ mặt hiền từ làm ăn ngoan ngoãn.

Đàng sau vẻ hiền lành của cái làng mới thực có những gì dữ dằn ghê gớm, không thể ngờ được. Cái chân chất ấy của làng vẫn còn lại cho đến ngày nay. Và chân chất của người nông dân nghi ngờ chính quyền đô hộ và giả trá thì không ai phủ nhận được là không còn nguyên vẹn truyền thống cũ.

Người đô hộ và người bị đô hộ càng gần giống nhau về điều kiện sinh sống, càng dễ hiểu nhau về lời nói, thái độ, cử chỉ, và càng sống chung đụng với nhau, thì người bị đô hộ càng phải gia tăng mức độ giả trá.

Cho nên cái hoàn cảnh lịch sử bị mất quyền tự chủ dài trên một ngàn năm, đầy rẫy đau thương, xét theo khía cạnh tìm tòi truyền thống, chính đã phải kể là cái lò luyện thép để tạo cho con người Việt Nam thành một con người đặc biệt như ngày nay.

— 6) Đến khi có dịp bút xiềng đô hộ ở cuối thế kỷ X, người dân Việt đã vươn lên đề bẹp Chiêm Thành ở phía Nam, và ở phía Bắc, coi nhà Tống của Tàu đã không hơn gì mình về phương diện văn hiến, võ công, kiến tạo và xây dựng quốc gia. Mặc dầu không còn một chút mặc cảm tự ty nào đối với họ, nhưng người thời ấy vẫn nép mình chịu thể thần phục triều đình của họ. Ấy là cái khôn của một dân tộc đã trưởng thành để tránh việc can qua và có điều kiện mưu đồ việc ích dân lợi nước. Chịu thiệt về cái danh hư để đổi lấy cái lợi thực cho sự sống, đó chính là bài học lịch sử quý giá của dân tộc.

Trong thời đại tự chủ, uy quyền quốc gia trong tay các vị vua có đạo ở đời Lý, đời Trần, và guồng máy chính quyền trong tay những nhân vật tài ba lỗi lạc như Trần Thủ Độ, nhưng vẫn không thay đổi được nếp sống riêng của dân trong các làng. Sự tạo thêm ra cái đình chỉ là củng cố thêm cho cuộc sống riêng ấy. Tinh thần của «*hương đảng tiểu triều đình*» và «*phép vua thua lệ làng*» đã mặc nhiên nhìn nhận một sự phân quyền hợp tình hợp lý giữa làng và nước. Làng lo bảo vệ đời sống tình cảm. Nước lo bảo vệ đời sống chính trị và tinh thần. Làng trực tiếp khuôn nắn dân bằng thuần phong mỹ tục, dư luận, và dây rề họ hàng. Nước gián tiếp đến với dân qua những hương chức được dân tín nhiệm

Có thể nói đây là những nét phác chính yếu của một thứ *thể chế liên bang*, một thứ tổ chức theo thiên tính, của thiên triều và các nước chư hầu, của những nền văn minh nông nghiệp.

Triều đình ở trung ương làm việc

phải thì chur hầu hết lòng ủng hộ. Mà làm việc không phải thì chur hầu thờ ơ, rút về tiêu cực đối khoáng.

Nông thôn vẫn có vai trò quyết định cho mọi thành công hay thất bại của các chính sách. Nhưng chính ra thì phần quan yếu nhất lại vẫn là ở phía triều đình biết hay không biết việc kinh bang tế thế.

— 7) Gặp những vận hội đen tối của lịch sử như bị quây Mông Cổ xâm lăng, quân triều đình chạy dạt về Hoan Diển để bảo toàn chủ lực, nhưng dân các làng vẫn nằm lại để đánh du kích địch quân. Những làng thờ thần ăn trộm, thần ăn mày, thần hốt phân, v.v... ắt là thờ những người có công trong cuộc chiến để giữ làng, giữ xóm và cứu dân. Những làng có tục khuyến khích sự sinh đẻ, nuôi dưỡng tinh thần đấu tranh, sùng thượng văn công hay võ nghiệp... ắt là tất cả những cách bù đắp vào những thiếu thốn mà chỉ làng mới biết, nước không thể can thiệp để nhất loạt hóa tục lệ được.

— 8) Gặp những vận hội đen tối khác vì hôn quân ngu muội, sinh loạn lạc không yên, thì sự tranh bá đồ vương ở triều đình khó mà làm nổi cho dân làng tham gia. Và ông vua thời cuối Lê chạy loạn qua sông, chú lái đò vẫn lấy tiền đồ như mọi người khác, vua không sẵn tiền thì chú bắt phải cởi áo ra mà thế. Tỏ rằng tương quan giữa dân làng và chính quyền trung ương đã tùy theo chính sự hay dở mà chặt chẽ hay lỏng lẻo.

— 9) Cho đến triều Nguyễn thống nhất giang sơn, đời sống của nông dân ở các làng vẫn như thế. Người dân Việt lưu lạc vào miền Trung miền Nam làm ăn cũng vẫn tạo nên những cái làng theo

truyền thống ấy.

Và đến thời Pháp thuộc, những cố gắng cải lương hương chính cũng vẫn không đi đến đâu cả. Mà qua thời loạn ly hiện tại thì làng ở những nét chính cũng vẫn lại như từ những thuở nào.

Ảnh hưởng thời cuộc mới

Nền cai trị của Pháp tổ chức khoa học chu đáo hơn của Nam triều, đã có một lợi thế về chủ trương chia để trị, vô tình phù hợp với bản chất thích sống biệt lập của các làng và nông dân, nó đẩy mạnh thêm sự nghi ngờ đối với Nam triều trong khi nghi ngờ luôn cả chính quyền bảo hộ.

Càng gieo rắc thêm tư tưởng tự do dân chủ với những lễ thói tranh đấu theo kiểu Tây phương, người ta càng thêm chia rẽ nghi ngờ nhau và càng giả trá theo truyền thống cũ.

Những tổ chức quân đội bỏ túc cũ của Pháp, những giáo hội tôn giáo, những chi phái tu đạo, những tổ chức chính đảng, những cơ quan ngôn luận tranh đấu về văn hóa văn nghệ. v.v.. ắt là tất cả hình ảnh của những sứ quân cũ với những lãnh địa mới. Nó khiến cho quốc gia cứ phải rầy rụa mãi trước vận hội mới mà chưa thấy đường thoát.

Vận hội chung của quốc gia.

Trái vận hội may hồi thế kỷ thứ X, nhà Tống lục đục và Chiêm Thành suy yếu, Đại Việt mới vọt lên được để xây dựng nên một quốc gia hùng mạnh. Qua vận hội rủi, mất nhất trí tinh thần từ cuối triều Trần đến đầu triều Nguyễn gần 500 năm, khiến trong nước loạn lạc, Nam Bắc phân tranh, dân cứ tự động đi mở nước rộng ra trên đà Nam tiến, mà chính quyền thì không kịp có tài ba để

ứng phó. Đề cho cái rủi ấy dặt theo cái rủi khác phải mất nước vào trong tay thực dân Pháp. Và đề cuối cùng bây giờ, vẫn cái đà xuống dốc của sự rủi ấy, dặt nước lại chia hai đề *nội chiến kéo dài*, kéo luôn cả sự tranh chấp quốc tế vào nội địa.

Vận hội chung của quốc gia dân tộc, tức là cái cộng nghiệp chung, đã là cái khuôn cứng rắn của một thứ núi Ngũ Nhạc mà bàn tay Phật Bà Quan Âm chụp lên đầu Tôn Hành Giả. Chịu đựng cộng nghiệp thì đã đành, nhưng cũng không thể chịu đựng một cách quá thụ động. Còn rầy rụa đề vượt ra ngoài tạo lấy một kiếp vận mới cho mình, thì trước hơn hết là phải nhìn nhận có *cộng nghiệp* ấy đề nhận định rõ nó như thế nào, thì mới tìm ra được lối thoát.

Bởi vậy khi tìm tòi truyền thống dân tộc, không thể bỏ qua được yếu tố này để có căn cứ nhận định những phản ứng chung của dân tộc và riêng của các cá nhân trước thế sự. Một phần là đề khỏi lằm khi xử đoán quá khứ. Một phần nữa là đề bắt đúng mạch của hiện tại mà có thái độ thỏa đáng.

Chẳng hạn như vua Quang Trung tính chuyện tiến binh đòi Lưỡng Quảng trong khi các nước tư bản đế quốc Tây Phương đã bắt đầu dòm ngó thị trường

Á Đông, ấy là không biết vận mệnh chung của quốc gia mà chỉ nghĩ đến muốn thỏa mãn anh hùng tính cá nhân của mình.

Sự *trinh khôn, mềm dẻo* của một quốc gia nhỏ bé, yếu đuối, nằm giữa những khối văn minh khổng lồ, trên trục giao liên quốc tế, phải khiến được người ta ý niệm chân xác với cái rủi và cái may hết sức, là những tối đa, thì ta chỉ có thể đến được mức nào, đề hạn bớt cao vọng, kiêu căng, ngổ ngáo đi, mới mong nương được theo trào lưu mà sống.

Cái *truyền thống hiền triết* của ta, trước những thành bại đặc thất, thành trụ hoại không, đã chẳng phải những lý thuyết trừu tượng và tiêu cực. Mà trái lại đã rất thực tế.

Tóm lại cho dễ nhớ, chúng ta không thể tìm truyền thống dân tộc ở hình thức những vật thể như y phục, ẩm thực, gia cư. Cũng không thể tìm được nó căn cứ vào những phong tục, tập quán, ngôn ngữ. Cái bản chất chính của dân tộc nó dung nạp một tục lệ, xướng xuất một lễ thói và tạo nên một đặc tính đã nằm ở hoàn cảnh địa dư và lịch sử cũng như ở những phản ứng chung trong những vận hội chung.

(Còn tiếp 1 kỳ)

LÊ-VĂN-SIÊU

Vừa phát hành :

ẢO ẢNH

của VÕ-PHIẾN.

do THỜI MỚI Xuất bản

Giá 70 đ.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.92 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P. O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road
TSIM SHA TSUI — Milton
Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới

Quốc gia là ai ?

Lãnh-thở, dân-tộc, tôn-giáo, văn-hóa, không một yếu-tố nào còn đủ hiệu-năng để cấu thành một quốc-gia. Tất cả cũng không đưa đến mục-phiêu đó, nhưng dĩ nhiên một quốc gia vẫn dựa vào những thật-trạng xã-hội ấy để sinh-trưởng và tồn tại.

Chỉ có yếu-tố vô hình lại làm cho những yếu-tố trên đượm thêm vẻ đẹp, làm nổi bật sự cần thiết, đó là ý muốn chung của một đám người, đó là hồn nước, đó là ý-thức cộng-đồng.

« Một quốc gia là một linh-hồn, một nguyên-tắc tinh-thần ». Sau khi tự hỏi cái gì làm nên quốc-gia, và sau khi nhận thấy không có một yếu-tố nào có giá-trị tất định, Renan, trong một bài diễn-thuyết lừng danh, đã đi đến kết-luận trên. Kết-luận ấy bấy lâu nay được nhắc đi nhắc lại như một định-thức có giá trị. Chắc hẳn giá-trị câu của Renan không giảm đi với sự thay đổi khung cảnh xã-hội, vì chẳng có gì giới hạn một linh-hồn, và một nguyên-tắc tinh-thần vẫn có khả-năng biến dịch.

Theo Renan, một quốc-gia không tạo thành một cách ngẫu nhiên, việc tạo thành là kết-quả của một dĩ vãng lâu dài.

Những người trong một nước đã đi đến sự đồng tình căn cứ trên hai điểm, một là trong dĩ vãng, hai là trong hiện-tại. Điểm thứ nhất, khi san sẻ một gia-tài kỷ-niệm chung ; điểm sau, khi thỏa thuận để sống chung với ý-chí tiếp tục phát-triển của-cải chung mọi người được tiếp hưởng. Bất cứ xã-hội nào cũng có ý-thức chung. Xã hội nào cũng có truyền thống. Nhưng không phải xã-hội nào cũng trở nên một quốc-gia. Muốn có quốc-gia, thì sự chấp nhận lý-tưởng chung phải rời khỏi thái-độ mặc nhiên thụ động để đi đến sự gia-nhập tự-ý, tình-nguyện. Sự bắt đầu của quốc-gia, là ý-thức về quốc-gia. Tinh-thần quốc-gia nói lên nguyên-tắc hợp-đồng. « Một lúc nào đó người ý-thức được xã-hội, ý-thức được những điều kiện và định-tắc luận-lý và tinh-thần. Người nghĩ đến cộng đồng như một dụng cụ cho cuộc sống chung. Người xem cộng đồng như tài-vật được mọi người mong muốn và chấp nhận. Vì cộng-đồng bảo-đảm cho sự tương-thân. Cộng-đồng định đoạt những mục-dích chung và lối trao đổi dịch vụ. Nghĩa là con người ý thức về cộng đồng như những điều ràng buộc lẫn nhau, như có một giao kèo. Đời sống của quốc gia không khác một sự trưng cầu dân-ý xảy ra mỗi ngày, như thể đờ

sống cá-nhân là một sự tin-tưởng quá quyết thường xuyên về sự sống.» (6)

Do đó, quốc-gia đã được sùng kính, đã được phục vụ với tình luyện thương đầy tri-ân. Nhưng có lòng yêu nước tự-nhiên và lòng yêu nước được tổ-chức nhờ tuyên-truyền, khẩu-hiệu, thi ca, nhờ pháp-luật và áp-lực dưới mọi hình-thức. Lòng yêu nước tự-nhiên thành thật và bền bỉ hơn. Lòng yêu nước đã tỏ rõ trong lịch-sử các dân-tộc bằng những sự hy-sinh vô bờ bến, từ cử chỉ anh-hùng của chiến-sĩ chống xâm lăng đến công trình kín đáo của lao động tay chân hay trí óc.

Chủ-nghĩa quốc-gia đã khai thác tình thương quê-hương chân chính, đã hướng sự hy-sinh sẵn có của lương-dân vào những mục-phiêu hay mưu đồ không cần thiết cho nhân-dân, không được nhân-dân tán-thành. Chủ nghĩa quốc-gia đã làm cho tình yêu quê-hương mất tính-chất xây dựng và yên hòa, để mượn một hình thức đố kỵ, thù hằn, tàn sát. So sánh cái chết của người gìn giữ ruộng vườn, bảo vệ gia-đình thân yêu với cái chết của người xâm lăng cướp nước, thì thấy khác-biệt giá-trị của mỗi thứ hy-sinh. Sở dĩ có biến-chuyển tai-hại ấy, là vì nguyên-tắc tinh-thần làm nên quốc-gia không được tuân theo, vì hợp-đồng làm nên đơn-vị chính-trị không được tôn-trọng. Có thể vì tư-lợi hay uy-quyền căm dỗ, có thể vì chính-sách và khả-năng thấp kém không đương đầu được với những sự đòi hỏi của thời cuộc, những cá-nhân hay nhóm cầm quyền, quên hẳn sự ràng buộc tinh-thần giữa mình với vận mệnh nhân dân, vận mệnh đất nước, xem «quốc-gia là Ta», hay «quốc-gia là Chúng Ta», thay vì giữ cho dân-chúng hạnh-phúc và tự-do, lại đưa chúng đến chỗ điêu linh khốn khổ. Lịch-sử gần đây không thiếu gì thí-dụ về sự thất bại của

chủ-nghĩa quốc-gia và sự tai hại của chủ-nghĩa ấy đối với con người và đối với loài người.

Quốc-gia trên hết ?

Khi một nước lâm nguy, những quyền lợi riêng rẽ của cá-nhân, của phe nhóm không thể lấn áp quyền lợi chung của cộng-đồng. Khi ý-thức được sự cần thiết góp sức để làm nên sức mạnh, những người dân tất nhiên phải xem cộng-đồng là quan-trọng, phải chấp nhận một số nhân nhượng về quyền lợi và một số nhiệm-vụ cần-thiết cho sự sống còn của tất cả mọi người.

Y đầu tiên về địa-vị ưu-thắng của quốc-gia là như thế. Chủ-nghĩa quốc-gia lại dựa vào ý ấy để làm nên một triết-lý chính-trị. Quốc-gia trở thành một thần-tượng. Khẩu hiệu *quốc-gia trên hết* trở thành một tín-điều không thể bàn cãi hay nghi-ngờ, một phương-châm có giá-trị tuyệt-đối và toàn-diện. Cửa đã mở cho những lối áp-dụng phản dân, phản nước, cho những cuộc phiêu-lưu chính-trị của số người cầm vận-mệnh quốc-gia.

«Quốc-gia trên hết» là một quan niệm vô-thần. Theo đó, những tôn-giáo, và cả Thượng-Đế, Đấng Chí-Tôn (danh-từ tùy theo mỗi tôn-giáo) mà người tôn thờ, phải nhường bước, hoặc trở thành những phương-tiện tô-điêm cho quốc-gia tối-thượng kia. Không cần nói đến tánh-cách phạm-thượng, bất kính — những người theo thuyết duy-vật còn có những lời nói và hành-vi khinh-miệt mạnh mẽ hơn nữa đối với Thượng Đế — không cần phật ý về thái-độ tự phụ đối với tôn-

(6) D. Parodi, *Le problème politique et la démocratie*. PUF. Paris. 1945

giáo, người ta chỉ nên nhận định sự sai lầm và nghịch-lý của quan-niệm trên. Vì với quan niệm ấy, mọi giá-trị đã bị đảo ngược, điều cao cả và vinh-viễn làm tôi đòi cho cái nhỏ bé và nhất thời, ý-hướng tốt đẹp và thanh-khiết phải để cho cái tương đối và tuế toái chà đạp, phương-tiện trở thành mục-dịch, thành phần trở thành toàn thể, và trừu tượng thay thế cho xác thật. Điều do người làm nên trở lại khinh thị và huỷ diệt con người.

Quan-niệm thần-thánh-hóa quốc-gia cho phép và hợp thức hóa sự lường gạt nhân dân. Dù bằng cách nào, thừa kế, hay tiếm-quyền, hay công cử, một người hay triệu-số người đã cướp đoạt quyền của toàn dân khi tự xem mình là quốc-gia và buộc toàn dân phụng thờ mình, tuân theo mệnh lệnh mình, vì lẽ mình là quốc-gia và quốc-gia là trên hết. Với lối ảo-thuật chính-trị dựa trên sự lạm dụng danh-từ và một lập-luận ấu-trì, quyền-hành đòi hỏi sự từ bỏ bản-ngã của mỗi người dân, trình bày cảnh vong-thân ấy như là sự hy-sinh cao đẹp và cần thiết. Huyền thoại thời thượng-cổ đã bắt những người trẻ đẹp đem tế sống cho thần, huyền-thoại quốc-gia tối-thượng trong thời cận-đại và hiện-đại cũng bày ra một thứ tế-lễ tương-tự. Hương khói của lễ nghi, hoa-mỹ của văn-chương khích-lệ và tưởng lệ, sức mạnh của tập-tục, của luật pháp hay của khí giới đặt nạn-nhân trong tình-thế phục tòng không ngõ thoát, trừ phi có những đấng như thánh Georges giết được ác-xà trong thời xa xăm. Bao nhiêu ác-xà tái-sinh còn chờ đợi những gươm linh trù khử.

Chủ-nghĩa quốc-gia vẫn mạnh

Phải chờ một thời gian khá lâu nữa

sau khi ý-thức được tánh cách lỗi thời của những tổ-chức cũ-kỹ người ta mới xây dựng nổi những hình-thức mới, giải quyết được cơn khủng hoảng đang lay chuyển thế-giới và hăm dọa đến vận mệnh chung.

Hình-thức quốc-gia không phải loại bỏ, vì dù sao, một sự kết-hợp rộng lớn cũng bắt đầu với những đơn-vị sẵn có. Ý-niệm quốc-gia có thể sai lầm, nhưng quốc-gia là thể hiện cụ thể. Chủ-nghĩa quốc-gia cực-đoan, tuy được nhận định là nguy hiểm, nhưng còn tiếp tục ngự chế hành động của những người cầm quyền và dân chúng nhiều nước,

Sự bành-trướng cần thiết cho phạm-vi hoạt động kinh-tế của một số nước buộc họ phải dựa vào tinh-thần quốc-gia của dân-chúng để bảo-vệ quyền lợi của nước mình nơi đất đai và biên giới nước khác. Sự xung đột giữa những quốc-gia đồng minh, giữa những nước « anh em », tôn sùng một chủ-nghĩa, mượn sự tranh-chấp về lý-thuyết để che đậy những mâu-thuẫn giữa những quốc-gia dân tộc.

Chính những tham vọng, công khai hay thầm kín, của những quốc-gia có khả năng xâm lăng đàn áp, lại duy-trì chủ-nghĩa quốc-gia tại những nơi bị hăm-dọa. Từ chỗ vùng lên để tự-vệ, để chặn đứng những sự xâm phạm chủ-quyền đất nước, tinh-thần ái-quốc không tránh được khuynh-hướng quá khích, bài ngoại. Đó là phản-ứng tất nhiên đối với những hiện-tượng đế-quốc thực-dân, kiêu cũ hay kiêu mới.

Ngoài những lý do ấy, chủ-nghĩa quốc-gia còn được sùng bái tại những nước mới dành lại được chủ-quyền, và vì mặc-cảm tự-ty, cần phải dùng hình-

thức quá-dáng để được sự kính nể, để dành một vị-trí xứng đáng trong hàng ngũ các quốc-gia độc-lập. Chủ-nghĩa quốc-gia còn thúc đẩy những nhóm người, tự cho mình đủ điều-kiện để đòi quyền «dân-tộc tự-quyết», tách ra khỏi những cộng-đồng quốc-gia đã có, để làm thành ra những đơn-vị mới. Vì quyền lợi hơn là vì lý-tưởng, những cường-quốc, luôn luôn có mặt hay đã đổ đầu cho những sự phát huy tinh-thần dân-tộc hay bộ lạc. Khả-năng phân-hóa thế-giới sẽ vô cùng vì làm sao dừng lại, lúc nào, cho hạng dân-tộc nào việc áp-dụng nguyên-tắc phát sinh ra những quốc-gia trước ?

Những sự-kiện trên có thể chứng

minh cho giá-trị chủ-nghĩa quốc-gia, và ý-niệm hiện-thời về quốc-gia. Nhưng nếu xét thực-trạng của các quốc-gia như thế, nếu quan-tâm đến một trào-lưu khác dẫn đến sự liên-kết, liên-minh, nếu cho rằng trào-lưu này hợp với đường tiến-hóa cần thiết cho nhân-loại, thì tiếng hò hét vinh vang của chủ-nghĩa quốc-gia chỉ là một thứ tiếng hát bạch-nga.

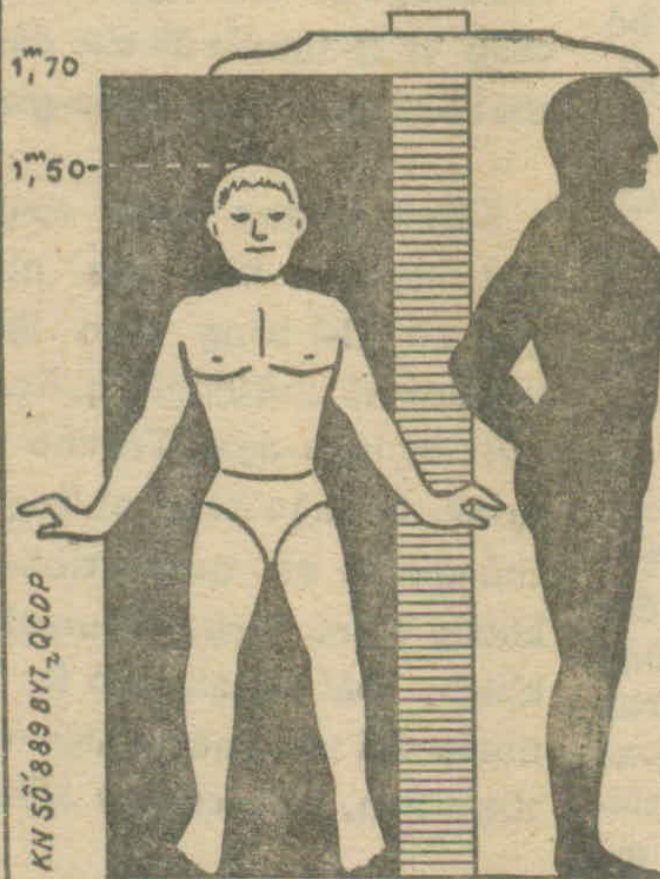
(Còn tiếp 1 kỳ)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Kỳ tới: Thực-trạng của nhiều quốc-gia ngày nay

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



KN SỐ 889 877, QCDP

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI

- CỨNG XƯƠNG.

- MẠNH KHOẺ.

- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.

- ÍT ĐAU RĂNG.


- BỆNH YẾU PHỔI.

- HO - MỆT MỎI.

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC, CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

Tình-trạng xã-hội Nga-sô 50 năm sau khi Cách-mạng tháng 10 thành công

Muốn hiểu tại sao ngày nay các nhà cầm quyền Đảng và Nhà Nước Nga-sô phải đi vào con đường mà Trung Cộng lên án là "xét lại" và « theo đuôi tư bản chủ nghĩa», ta cần nhìn thẳng vào thực trạng của xã hội Nga sô ngày nay.

Nga sô ngày nay không còn phải là một nước nông nghiệp lạc hậu như cách đây 50 năm về trước. Trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc với phát xít Đức và hai lần trùng tu đất nước, Nga sô ngày nay đã lớn mạnh hơn  cùng Hoa Kỳ chạy đua về mọi mặt : vũ trang, nguyên-tử, không-gian, khoa-học, kinh-tế.

Muốn cho cuộc chạy đua đó khỏi phải sút kém, Nga sô đã tập trung mọi nỗ lực phát triển của mình vào một số ngành khoa học, kỹ nghệ đề tiến lên hàng đầu : khoa-học không-gian nguyên tử, kỹ nghệ sản xuất các dụng cụ sinh sản.

Do đó mà ta thấy nền kinh-tế Liên-xô phát triển không đều. Có những khu vực

kỹ nghệ rất tiến triển nhưng trái lại cũng có những khu vực kỹ nghệ phát triển không đầy đủ để thỏa mãn nhu cầu mỗi ngày một tăng của nhân dân.

Thật vậy, nhân dân Nga chịu hy sinh thất lưng buộc bụng từ bao năm nay, bây giờ thanh bình thịnh vượng đã trở lại, họ có xu hướng muốn được hưởng-thụ nhiều hơn. Một thể-hệ mới đang trưởng thành, không phải chịu đựng những thiếu thốn của chiến tranh, đang đòi hỏi một cuộc sống bình thường hơn đầy đủ hơn. Do đó mà những yêu sách xã hội mỗi ngày một nhiều, những bất mãn ngấm ngấm nhiều khi được bộc lộ trên những hình thức văn hóa. Những bất phục tùng của thanh niên đối với chế độ mỗi ngày một tăng.

Các nhà cầm quyền Sô viết không thể dùng hình thức khủng bố trắng trợn để xóa bỏ những bất mãn, bất phục tùng vì bộ máy khủng bố do Staline dựng lên đã bị đập tan.

Đề thỏa mãn đòi hỏi của dân, các nhà cầm quyền đã phải hướng một phần nào

nền kỹ nghệ vào việc sản xuất các tiêu thụ phẩm. Nhưng vẫn chưa đủ. Do đó mà họ phải hướng về các nước Tây Âu, phát triển thương mại để lấp bớt cái lỗ trống của nền kinh tế. Nhưng mở rộng buôn bán với Tây Âu, họ lại vấp phải khó khăn sau: hàng hóa Tây-Âu tràn ngập vào thị trường Nga làm cho người dân Nga, nhất là thanh niên, thấy rõ sự chậm tiến của nền kinh tế nước họ, càng có thêm những thèm muốn mới: ví dụ như họ thèm có một xe hơi du lịch riêng, họ thèm có máy TV riêng để trong một phòng riêng, những thèm muốn mà các nhà lãnh đạo Nga sô trước kia gọi là tư sản, nhưng các nhà lãnh đạo Nga sô ngày nay đang cố gắng thực hiện để thỏa mãn sự đòi hỏi mỗi ngày một tăng của người dân Nga mà chính họ cũng cho là chánh đáng.

Vì thế mà đường lối của Nga sô mỗi ngày một khuynh hướng theo chính sách sống chung hòa bình với các nước tư bản phương Tây. Chính sách sống chung hòa bình đó đã dần dần thay đổi bộ mặt xã hội Nga sô. Bức màn sắt từ từ hạ xuống.

Người dân Nga ngày nay không phải len lét tránh xa những nhà du lịch của các nước tư bản như xưa. Trái lại họ còn muốn lại gần để hỏi thăm về tình hình sinh hoạt ở Hoa kỳ, Anh, Đức hay Pháp, Ý. Các thiếu nữ Nga đã biết chú trọng đến thời trang của Balê, còn thanh niên thì cũng thích nhạc Jazz của Hoa kỳ và truyện trinh thám James Bond.

Xã hội Nga ngày nay đã bắt đầu là một xã hội hưởng thụ, đang cố gắng đi cùng một nhịp với các xã hội tiên tiến khác. Do đó mà Trung Cộng, một nước cách mạng cuồng

nhiệt vì nghèo nàn và thiếu thốn, đã lên án Nga sô đang trượt trên con đường tư bản hóa và phản bội cách mạng vô sản.

Dưới đây, để chứng minh những đòi thay rộng lớn, tôi xin trình bày một vài hình ảnh của xã-hội Xô viết ngày nay. Những hình ảnh này do một phóng viên của báo Newsweek tên là Robert Korengold ghi lại sau khi đã tận tụy làm việc và nhận xét trong 6 năm trường ở Moscou. Qua bao cuộc điều tra và phỏng vấn, ông đã xây dựng nên một hình ảnh mới của xã hội Liên-xô.


Sự thèm khát sống của thế hệ đang lên, sự lãng mạn của tuổi trẻ, sự thích đòi thay của giới trí thức đã tạo nên một bộ mặt mới cho xã hội Nga khác hẳn bộ mặt chính thức, kiêu hãnh và đăm chiêu vì lý tưởng.

Phong trào xã hội này sẽ đưa Nga sô đến đâu? Ảnh hưởng của nó đến chế độ chính trị như thế nào? Không ai có thể biết rõ. Nhưng chắc chắn lúc nào cũng sẽ có những sự đòi thay có ảnh hưởng lớn đến vận mạng của thế giới ngày nay. Hòa bình hay chiến tranh cũng do đó mà ra.

Thanh-niên Liên-xô

Mạc-tư-Khoa, nằm bên bờ sông Mos-cova, có 6 triệu rưỡi dân cư, là thủ đô của Liên-bang Xô-viết (232 triệu dân), thành lập từ năm 1147.



Tại những con đường lớn như Gorki, Karl Marx, chạy thẳng ra Công trường Đỏ, người đi tấp nập, xúm quanh những cửa tiệm, chen chúc nhau dưới đường métro  hoặc dưới những đường hầm đưa đến Công trường Đỏ.

Tại tiệm cà phê «Thanh niên» ở đường Gorki, ánh đèn rực rỡ, có cả hàng trăm thanh niên, phải nhanh chân lắm mới chiếm được một chỗ ngồi. Họ nhắm nháp những chiếc sandwich jambon với rượu trắng lạnh và nghe ban nhạc tài tử chơi những bản nhạc nghe ở đài tiếng nói Hoa-kỳ. Trên cái piste nhỏ sù, có chừng một chục cặp đang nhảy. Bỗng nhiên có một chàng thanh niên, có lẽ là một đảng viên cộng sản, mặc một bộ quần áo màu sẫm, cắt đẹp, nhảy vào biểu diễn một điệu nhảy «hully gully» rất táo bạo, rồi y kêu lên : «Các đồng chí hãy xem tôi đây và học cho kỹ». Đây là một cảnh tượng chứng tỏ là các nhà cầm quyền Nga cũng chú trọng đến phong trào thanh niên và muốn hướng dẫn phong trào đó. Nhưng nó cũng chứng tỏ là họ đã không theo kịp phong trào. Vì trong nhiều tiệm cà phê ở Mạc-tư-khoa như kiểu tiệm nói trên, chẳng cần ai dạy bảo, đã vượt điệu nhảy «hully gully» đến các điệu nhảy khác như là «shake» và «monkey» còn táo bạo hơn. Có nhiều người Nga đứng tuổi khi đã đi thăm qua những tiệm cà phê đó đã phải kêu lên rằng : «Không biết tôi có còn đang ở Liên-xô nữa không » ?

Tuy vậy dưới con mắt người Tây Phương, thanh niên xô-viết vẫn còn rất dễ bảo, chăm chỉ và nhiều thiện chí. Phần đông thanh niên Nga vẫn còn tin rằng chế độ cộng sản là tốt. Họ vẫn tận tụy với nghĩa-vụ khi được giao phó cũng như các thanh niên Hoa-kỳ.

Tuy nhiên giữa các thế hệ đã có nhiều sự khác biệt. Đối với thanh niên mới, tôn thờ chủ nghĩa cộng sản không có nghĩa là cứ nhắm mắt theo những cái mà các nhà cầm quyền cộng sản đang làm. Họ thiếu tin tưởng vào những khẩu hiệu đề ra.

Một nhóm sinh viên Đại-học Mạc-tư-khoa đã chất vấn một lý-thuyết-gia cộng sản như sau : «Cái mở danh từ đó có nghĩa lý gì ? Nếu nó vô nghĩa, sao ông cứ tiếp tục dùng nó mãi ? »

Nhưng cái khác nhau chính là thanh niên ngày nay có những khát vọng mới, không phải cao xa gì mà rất tầm thường. Ví dụ như họ thích điệu nhạc Jazz, thích đọc tiểu thuyết trinh thám loại James Bond, thích tác giả J.D Salinger của Hoa-kỳ, thích những đĩa hát Beatles, thích những áo lót của Đức, chiếc áo mưa của Ý. Tóm lại họ thích tất cả những cái gì của ngoại quốc.

Đã thế họ lại không chịu nhận những sự phê bình của Đảng. Một thanh niên Nga 17 tuổi, lâu nhàu : «Đảng không còn việc gì khác hay sao mà cứ cấm chúng tôi thích Beatles.» Thực ra, các nhà cầm quyền cộng sản cũng đáng lo lắng thật, vì nếu cứ để cho thanh niên họ thích Beatles, biết đâu sau này chẳng phát sinh ra nhiều tư tưởng đầu độc khác. Và những cái đó cũng đã xảy ra rồi. Một kỹ sư trẻ tuổi Nga đã nói như sau với một du khách : «Tôi biết rằng chế độ của chúng tôi tốt nhưng tôi thấy chế độ của các ông cũng có nhiều cái lợi. Chúng tôi thêm cái mức sống của các ông. Chúng tôi cũng thêm cái chế-độ tự do thông tin của các ông. Các ông phát biểu tư tưởng tự do và tranh luận tự do. Đối với chúng tôi thì còn khó».

Một nhạc sĩ lại còn chua chát hơn : «Ở xứ này, chỉ có một cách để nói. Nếu anh nói tốt cho chế độ thì tất cả đều hay, nếu không thì . . . » anh ta đưa ngón tay chỏ ngang cổ.

Phần lớn các thanh niên Nga dù có cảm nghĩ khác cũng phải nói thuận. Lúc thi cử họ trả lời rất đúng theo những tiêu - chuẩn mác-xít lê-nin nít. Họ tránh gặp các nhà cầm quyền, có nhiều người tỏ vẻ chán ghét chính trị. Có nhiều người lại dám công khai chế độ chế độ. Phần đông mất hết tin tưởng và tự hỏi lý tưởng đóng vai trò gì ở Liên-xô. Thái độ bi quan yếm thế đó của tuổi trẻ lại phát triển đúng vào lúc họ được tự do phát biểu tư tưởng. Họ thường có dịp xúm xít quanh những thi sĩ «phản động» như Vazensensky để nghe họ đọc thơ và nghe những điệu hát có phụ nhạc chống chế-độ như của Bulat Okudzhava. Họ nghe một cách chăm chú để cố tìm ra những đoạn hiểu ngầm.

Còn có một thiểu số thanh niên Liên-xô khác, có nhiều người là con cái của giới thượng lưu xã hội Nga đã sa ngã vào con đường tội lỗi : rượu chè, đi bộm, giết người. Tháng 6 năm 1966, có một cuộc thanh toán nhau giữa hai nhóm thanh niên ở ngay giữa Công trường Đỏ. Các nhà cầm quyền Xô viết không công bố những thống kê về thanh thiếu niên phạm pháp. Nhưng chỉ riêng việc cầm thanh niên dưới 16 tuổi không được đi lang thang ngoài phố ở Mạc tư khoa sau 10 giờ đêm mà không có người lớn đi cùng, cũng đã nói rất nhiều.

Đứng trước tình trạng đó, biện pháp mạnh chưa chắc gì có kết quả tốt. Sự thực phũ phàng là thanh niên cảm thấy họ bị áp bức, vì chính quyền Nga thiếu thông cảm những nguyện vọng của họ.

Phụ nữ Liên-xô

Chính phủ Nga từ lúc đầu đã nâng cao địa vị của người đàn bà lên ngang hàng địa vị của đàn ông. Họ có tất cả những quyền lợi thì họ cũng phải có tất cả những nghĩa vụ. Người đàn ông không có nhiệm vụ phụ giúp đỡ đàn bà cho họ nữa. Cái cảnh tượng một người đàn bà hi hục thay lấy cái bánh xe hơi của mình trước con mắt thờ ơ của các người qua đường đủ chứng tỏ điều đó. Thực ra chủ trương ấy đã giải phóng phụ nữ khỏi sự che chở của nam giới. Ngày nay ở Nga 48% nhân công là đàn bà, 1/3 số kỹ sư cũng là đàn bà.

Nhưng người đàn bà Nga ngày nay không phải chỉ hùng hục sản xuất nữa. Họ đã chịu nghĩ đến làm đẹp. Nhiều cô đã biết tìm những tạp báo «Vogue» hay là «Elle» để xem về thời trang ở Âu Châu. Nhiều bà đã bỏ hàng giờ để đi tìm trong nhà hàng bách-hóa Goum (cũng giống như Printemps hay La Fayette của Paris) những mẫu áo mình thích. Để thỏa mãn nhu cầu của phụ nữ, chính quyền Nga đã tăng gia sản xuất phấn son, tất nylon v.v.. Nhiều tiệm sửa sắc đẹp mọc lên ở Mạc tư khoa và các tỉnh khác, với giá-biểu đại khái như sau : lau da mặt : 2 quan, sửa mũi : 125 quan.

Bà chủ bút tạp san «Phụ nữ Liên xô» 60 tuổi nói : Tình trạng phụ nữ nước chúng tôi đã khá hơn. Nếu ông được biết trong thời kỳ chiến tranh ông sẽ thấy khác, phụ nữ ngày nay ai cũng muốn làm đẹp. Ngay cả đến tôi, già như thế này rồi mà cũng vẫn thích trang điểm.

Những cuộc thi sắc đẹp được tổ chức ở nhiều nơi, nhất là ở các bãi biển. Báo chí thường cũng cho nữ độc giả những lời khuyên về trang điểm sửa sắc đẹp, giữ những đường cong mỹ thuật.

Thời trang cũng thay đổi luôn luôn, nhiều khi cũng phỏng theo thời

trang của các nước Tây phương nhất là của Paris.

Vào thời Staline, một thiếu nữ để nhiều thời giờ vào việc sửa sắc đẹp, sẽ bị phê bình nặng. Hồi đó ai cũng chỉ nghĩ đến làm việc, chứ ít ai nghĩ đến làm đẹp. Làm việc 7 giờ một ngày rồi lại còn công việc nội trợ thì còn ai nghĩ đến làm đẹp nữa.

Thanh niên Nga ít khi chiều chuộng phụ nữ vì họ coi phụ nữ như ngang hàng với họ rồi, khỏi phải giúp đỡ. Trong những gia đình Nga, nhiều khi chồng đi vắng, vợ đi vắng. Trong những buổi tiếp tân, nhiều khi chồng đi một mình không đem vợ đi theo, vì vợ đã có những công việc khác. Đến nay người phụ nữ Nga mới thấy rằng mình bị thiệt thòi nếu mình không trở lại truyền thống phụ nữ nghĩa là làm đẹp và bắt đàn ông phải chiều chuộng mình hơn. Một phụ nữ Nga đã cho biết là cần phải giữ nghề nghiệp của mình vì nếu không có nghề nghiệp thì sẽ bị phụ thuộc vào chồng, nhưng cũng đề nghị giảm bớt giờ làm việc để cho họ có thời giờ làm đẹp và săn sóc nhà cửa, con cái. Bà ta nói một cách chua chát: "Theo quan-điểm của tôi, cái khác nhau chính giữa phụ nữ chúng tôi và phụ nữ của thế giới tư bản là chúng tôi thiếu mất 7 giờ mỗi ngày để làm việc nội trợ."

Giải trí ở Liên-xô

Người Nga làm việc 7 giờ một ngày, chỉ nghỉ có ngày Chủ nhật, không có nghỉ chiều thứ Bảy, lại thêm sinh hoạt chính trị nữa nên họ rất ít thời giờ nhàn rỗi. Có chút thời giờ nào là họ hưởng dụng đến cùng. Một người Nga vào hạng trung lưu rất thích hội họp ăn uống. Ngoài những dịp ma chay, cưới xin, những ngày phát lương họ cũng họp nhau để

uống. Họ uống Vodka như uống nước, nhiều khi thâu đêm suốt sáng. Nhưng họ lại chỉ thích giải trí ở nhà, rất ít đi ăn cơm tiệm vì cơm tiệm rất đắt. Hai người đi ăn không cũng mất 75 quan (gần 3.000đ. VN). Có một cặp vợ chồng Nga, 15 năm mới đi ăn tiệm có 3 lần.



Sinh-hoạt của một gia - đình trung-lưu Liên-xô.

Ta hãy lấy điển hình là gia đình Kozlov. Kozlov 34 tuổi, vợ là Antonina, 32 tuổi, và đứa con trai nhỏ Aliocha, 6 tuổi, ở một căn hai buồng, lầu 5, của một chung cư tại khu vực kỹ nghệ Mạc-Tư-Khoa. Cả hai vợ chồng đều đi làm. Mỗi buổi sáng Antonina đi làm trước vào 7 giờ 40. Năm mươi phút sau, Kozlov đem con gửi đến nhà bà nội (nếu không có thì gửi tại Nhà coi trẻ do nhà nước lập).

Chiều, sau giờ làm việc, Kozlov phải đi họp. Antonina đi đón con, rồi chạy đi mua bán lật vặt, thường thường ở tiệm tạp hóa Gostronom gần nhà, ít khi đi chợ kolkhoz cách nhà 15 phút xe buýt. Mỗi tháng gia đình Kozlov tiêu 875 quan tiền ăn. Lương hai người cộng lại là 260 rúp (khoảng 1450 quan). Sau khi chi tiêu còn thừa 325 quan để may quần áo và vui chơi.



Họ không có xe riêng, không có máy giặt. Nhưng nhà họ có đồ đạc đầy đủ, đẹp đẽ, có một máy vô tuyến truyền hình. Chỉ phải cái chật chội, mỗi phòng có 9 thước vuông. Tuy vậy còn là may, vì có hàng triệu gia đình Nga khác, nhiều gia đình phải chung nhau một căn, lúc tính tiền điện, tiền nước rất phiền phức. Chỗ ở khó khăn chật chội như vậy, nên ở Nga có nhiều cặp ly dị là vì vậy. Trong vòng 10 năm nay, số người xin ly dị tăng gấp đôi. Cũng vì ở nhà chật chội nên người Nga rất thích thể thao ở ngoài trời. Họ rất thích săn bắn, câu cá, cắm trại, leo núi. Có nhiều người thợ ở Mạc tư Khoa cố để dành tiền thuê hoặc mua một cái datcha (căn nhà nhỏ) ở thôn quê, để đến dịp nghỉ thường niên (vào mùa hạ) họ về chơi.

Họ cố gắng sản xuất thật nhiều vật phẩm, nhưng cho tới nay dân Nga vẫn có vẻ thiếu hơn là thừa. Cái cảnh tượng một thanh niên Nga, đứng

Đề thỏa mãn nhu cầu của người dân Liên-xô

Họ cố gắng sản xuất thật nhiều vật phẩm, nhưng cho tới nay dân Nga vẫn có vẻ thiếu hơn là thừa. Cái cảnh tượng một thanh niên Nga, đứng

Họ cố gắng sản xuất thật nhiều vật phẩm, nhưng cho tới nay dân Nga vẫn có vẻ thiếu hơn là thừa. Cái cảnh tượng một thanh niên Nga, đứng

sờ mó, ngắm nghía một chiếc xe du lịch ngoại quốc là một chuyện rất thường.

Vì lối sản xuất ở Nga không phải là sản xuất cho thị trường mà sản xuất theo chương trình, nên có tình trạng là nhiều vật phẩm tìm mấy cũng không ra nhưng mấy tháng sau lại thấy đầy rẫy.

Vì thế nên người tiêu thụ Nga khi thấy xuất hiện một thứ hàng mới là vô lấy ngay, sợ rồi sau này sẽ kiếm không ra.

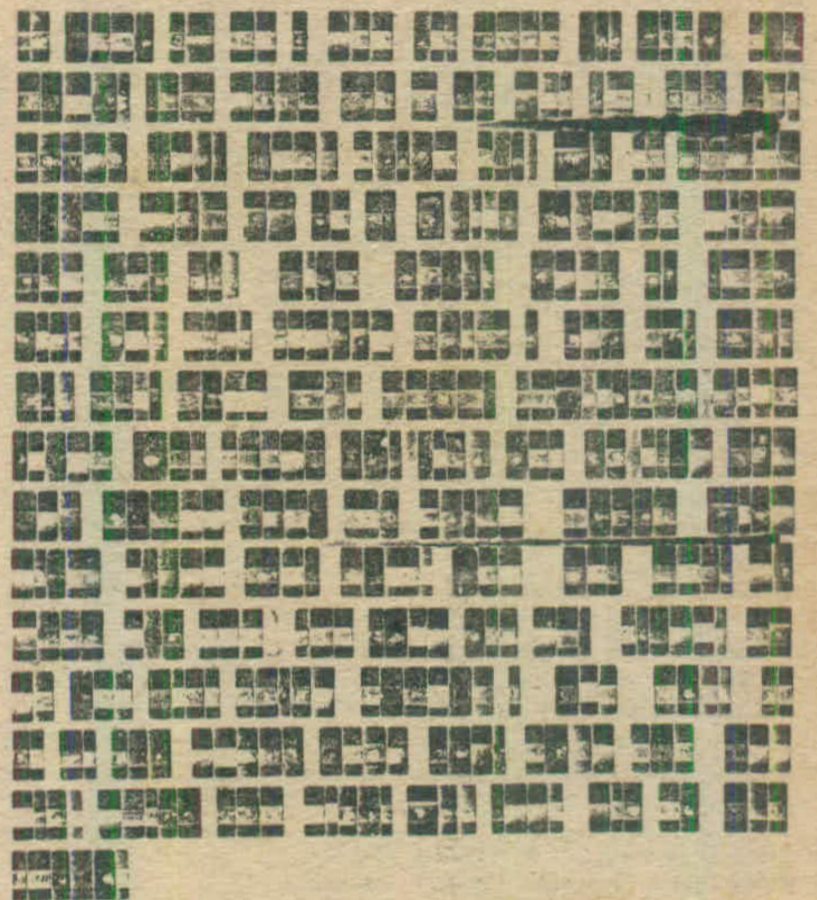
Vì có nhiều thứ cần dùng khó kiếm nên người Nga thường có lối đi công hậu, nhờ bà con quen thuộc mua giùm những thứ họ kiếm không ra. Họ gọi lối đó là « blat ». Ví dụ họ muốn sơn căn phòng của họ theo một màu mà họ kiếm không ra. Họ phải nhờ một người bạn quen ở một hãng sơn mua giùm. Khi người nhỏ bé, muốn kiếm một bộ đồ mặc vừa ở tiệm bách hóa của nhà nước mà không ra, họ phải nhờ một người làm công ở đó kiếm hộ, tự nhiên là có liền. Cố nhiên là phải có một quà tặng hay một món tiền trà nước. Có nhiều kẻ thông đồng ăn cắp ở các kho của nhà nước để đem tiêu thụ. Họ cho rằng ăn cắp của nhà nước không phải là ăn cắp. Có lần cảnh sát khám phá ra cả một xưởng chế tạo sáp môi bằng nguyên-liệu ăn cắp của một công xưởng. Chính phủ Nga cũng hết sức cố gắng giải quyết tình trạng thiếu thốn đó như họ đã cho phép dân quê bán rau ở chợ kolkhoz. Họ ký giao kèo với hãng Fiat (Ý) và gắn đây với hãng Renault (Pháp) để lập những xưởng đóng xe Fiat và Renault ở Nga. Họ cũng nhờ người Pháp sửa lại những xưởng đóng xe Mosvick (loại xe nhỏ của Nga) cho sản xuất được nhiều hơn và tốt hơn. Trước đây mấy năm, không bao giờ họ chịu làm như vậy, vì nó

phạm đến uy tín của nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhất thế giới. Những điều trên đây chứng tỏ các lãnh tụ đảng và nhà cầm quyền Nga sô ngày nay chú trọng đến những tiêu chuẩn sản xuất để cải thiện nền kinh tế hơn là đến những giáo điều chính trị. Vì thế cho nên họ bị Trung Cộng kết án là bọn theo chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa xét lại. Nhưng có một điều chắc chắn là nếu họ cứ theo đường lối này thì chỉ trong một thời gian nữa, mức sống ở Nga sẽ được cao lên một mức đáng kể.

Giới thượng - lưu của xã - hội Liên-xô.

Các công chức bự của đảng và chính phủ Liên xô thường đi những xe lớn, có màn cửa, có tài xế lái. Họ mặc những bộ quần áo bằng vải hóa học dệt bên Mỹ, những chiếc áo khoác ngoài bằng lông lạc đà mua ở bên Anh. Các phu nhân họ mặc những bộ áo thời trang Balê. Họ đọc những tác phẩm Pháp mới nhất, in hạn chế, họ xem những phim Ý quay ở nhà riêng. Họ thuộc nhóm người Nga nắm quyền lãnh đạo chính trị ở Liên-xô.

Họ được hưởng rất nhiều quyền lợi: có xe riêng, có nhà ở trung tâm thành phố, có một nhà mát rất đủ tiện nghi, được quyền mua ở những tiệm của nhà nước bán hàng ngoại hóa mà dân chúng thường không có quyền mua. Họ được lương cao. Một bộ trưởng Nga kiếm được 4.500 quan một tháng. Nhưng với tiền đó họ đâu có được mua nhà, mua xe riêng. Làm như vậy là sai. Và lại chính phủ đã cung cấp cho rồi.



Giới thượng lưu đó thường thường nảy sinh do tài năng và tham vọng, sống như là thuộc một giai cấp riêng biệt. Con cái họ thường lấy lẫn nhau. Một khi đã bước vào giới đó rồi thì tất cả những phiền phức và thiếu thốn của dân chúng nói chung đều rơi rụng hết.

Tiền tác quyền ở ngoại quốc cho phép họ được mua ở những tiệm riêng, chỉ nhận ngoại-tệ, những thứ hàng mà dân chúng không tìm đâu thấy. Vợ họ đến các tiệm uốn tóc, các tiệm may áo không phải sắp hàng chờ đợi. Các con họ đều chắc chắn vào Đại-học.

Lợi nhất cho họ là vấn đề nhà ở. Đến cấp bực đó rồi, thường họ được chánh phủ cấp cho một căn nhà rộng rãi mà họ có thể trở nên sở hữu chủ nữa.



Pravda thì một người thợ Nga, lúc sáng dậy phải đọc một chương sách của Lénine, trong ngày cố gắng làm việc vượt mức, mỗi buổi chiều sinh hoạt chính trị và buổi tối trước khi lên giường phải đọc thêm một chương của Lénine nữa. Nhưng dân Nga vốn là một dân tộc bướng bỉnh, đời nào chịu như vậy. Tuy vậy sự chống đối của họ cũng không có gì nguy hiểm cho chính quyền. Nhóm chống đối đông đảo nhất là nhóm tôn-giáo, những phần tử theo Thiên-chúa giáo hay Hồi-giáo bây giờ lại có vẻ nhiều hơn xưa, mặc dầu chính phủ Sô- viết chủ trương vô thần.

Nhưng nhóm chống đối nhà cầm quyền Nga lo ngại nhất chính là nhóm văn-nghệ-sĩ thuộc thành phần thanh niên trí thức. Họ cũng mặc áo chun cò lọ, cũng để tóc dài như ở Tây phương. Nhiều người ở thôn quê trốn lên tỉnh, lang thang không có chỗ ở vì sợ sẽ bị bắt về. Dần dà rồi họ cũng kiếm được một nghề nuôi thân. Lúc rảnh, họ vẽ và làm hồ. Túng tiền họ đem bán. Ở Mạc-tư-khoa có tới 5000 văn nghệ sĩ như vậy. Nói chung ở các thành phố lớn của Nga, có hàng trăm bài thơ nay bản kịch viết tay, truyền từ người nọ cho người kia. Có cả những bản nhạc Jazz thu thanh.

Mặc dầu có đủ các lợi quyền rồi, cũng như tất cả các người Nga khác, họ cũng có chân trong một tổ chức nghề nghiệp: Hội các nhà soạn nhạc hay Liên-đoàn kiến trúc sư. v.v.. Mỗi tổ chức này thường dành cho các hội viên một câu-lạc-bộ thường đóng ở một căn nhà cổ từ hồi tiền cách mạng. Ở đó, người ta được ăn ngon hơn ở bất cứ một tiệm ăn nào ở Mạc-tư-khoa và người ta có thể nhờ câu-lạc-bộ mua hộ cho những vé hát khó kiếm nhất.

Giới thợ lưu Sô viết cũng có những phiêu lưu tình cảm, những thảm trạng gia đình, những cuộc ly dị. Nhưng tất cả những cái đó đều xảy ra rất kín đáo. Báo chí không được phép đăng. Người Nga bình thường không lấy gì làm bất bình trước tình trạng đó. Họ cho thể là thường và thường nói với nhau: « Dù sao họ cũng không thể sống như thợ thuyền được ».

Những sự chống đối trong xã-hội Liên-xô ngày nay. Đúng theo như ý muốn của báo

Pravda thì một người thợ Nga, lúc sáng dậy phải đọc một chương sách của Lénine, trong ngày cố gắng làm việc vượt mức, mỗi buổi chiều sinh hoạt chính trị và buổi tối trước khi lên giường phải đọc thêm một chương của Lénine nữa. Nhưng dân Nga vốn là một dân tộc bướng bỉnh, đời nào chịu như vậy. Tuy vậy sự chống đối của họ cũng không có gì nguy hiểm cho chính quyền. Nhóm chống đối đông đảo nhất là nhóm tôn-giáo, những phần tử theo Thiên-chúa giáo hay Hồi-giáo bây giờ lại có vẻ nhiều hơn xưa, mặc dầu chính phủ Sô- viết chủ trương vô thần.

Nhưng nhóm chống đối nhà cầm quyền Nga lo ngại nhất chính là nhóm văn-nghệ-sĩ thuộc thành phần thanh niên trí thức. Họ cũng mặc áo chun cò lọ, cũng để tóc dài như ở Tây phương. Nhiều người ở thôn quê trốn lên tỉnh, lang thang không có chỗ ở vì sợ sẽ bị bắt về. Dần dà rồi họ cũng kiếm được một nghề nuôi thân. Lúc rảnh, họ vẽ và làm hồ. Túng tiền họ đem bán. Ở Mạc-tư-khoa có tới 5000 văn nghệ sĩ như vậy. Nói chung ở các thành phố lớn của Nga, có hàng trăm bài thơ nay bản kịch viết tay, truyền từ người nọ cho người kia. Có cả những bản nhạc Jazz thu thanh.

Các giới văn nghệ sĩ trẻ tuổi này thường hay hội họp ở dưới chân tượng của nhà ách mạng lão thành Maiakosky. Họ đọc những bài thơ họ đã làm cho một số quần chúng hiếu kỳ nghe. Thường thường là họ bị giải tán, có khi bị tù vì tội « ăn hại ». Đề bồi họ họ, báo chí gọi họ là bọn « thi sĩ lưu manh ». Khi viết về nhà văn Youri Galanskov, báo Komsomolskaia Pravda đã buộc tội ông này là đầu độc thanh niên,

báo Molodoi Kommunist (thanh niên CS) coi ông như loài rắn rết. Galanskov bị đuổi ra khỏi trường Đại học (1962). Tháng 4-1965 có một cuộc biểu tình, cũng ở công trường Maiakosky. Lúc đầu có 200 người dự. Hội SMOG (một hội kín của thanh niên tranh đấu đòi tự do văn nghệ) đưa một bản kiến nghị lên hội các nhà văn đòi được công khai thừa nhận và có một cơ quan ngôn luận. Bản kiến nghị đó bị dăng đi dặt lại. Sau có một người chạy xuống kêu to : «Những ai không phải là kẻ hèn và yêu chuộng văn nghệ Nga hãy theo theo tôi». Lúc đó trong số 900 người tham dự, có 300 người xuống đường căng biểu ngữ, có những khẩu hiệu đại khái như : «Nghệ thuật không đi đôi với chính trị». Cảnh sát can thiệp giải tán. Nhiều sinh viên bị bắt và 6 người bị đuổi khỏi trường Đại học.

Tờ Pravda ngày 27-6-1965 viết : «Kẻ thù của chúng ta tìm cách reo rắc sự ngờ vực, thất vọng, vào lương tâm của thanh niên chúng ta. Họ hình dung sự thực theo ý muốn của họ. Mấy chục tên vô lại tụ tập lại và tự xưng là một hội mới thành lập. Lập tức báo chí Tây phương coi đó là một phong trào của cả một thế-hệ mới.

Tháng 7-1965 một cuốn nội-san của nhóm SMOG lấy tên là *Sphinx* ra đời và tranh đấu đòi tự do nghệ thuật, trong đó có câu : Văn chương không sống trong bí mật. Người ta có thể viết mà không xuất-bản được, nhưng người ta không thể viết đề mà không xuất bản.»

Nhóm này bị chính phủ Nga coi là «đồ ăn hại», tuy nhiên phát triển khá mạnh ở Mạc tư Khoa và cả các tỉnh nữa.

Vào tháng 12-1965, có một cuộc biểu tình khác đòi thả các người bị bắt, đòi đưa họ ra xử công khai... Có nhiều người bị bắt, trong số đó có một nhà thi-sĩ kiêm vật-lý-học Essenine Volpine, sau lại được thả ra, chỉ có 3 người thủ xướng là bị bắt giữ, đều là những thanh niên dưới 20 tuổi. Ngoài nhóm SMOG ra, còn nhiều nhóm thanh niên hoạt động khác nữa.

Trong năm 1966 nhóm SMOG tăng gia hoạt động. Vào ngày kỷ-niệm Staline (6-3-1966), họ cũng tổ chức biểu tình nhưng bị giải tán. Tháng 9, họ định tổ chức một cuộc đại-hội. Nhưng phụ huynh của các hội viên SMOG đều được cảnh sát báo trước để giữ con em của họ. Tháng 11-1966, một quyền bạch-thư của nhóm này viết về vụ án Siniavski-Daniel lọt vào tay Tây phương và được công bố nguyên văn. Một quyền bạch thư đó cũng đến tay ông Podgorny, chủ tịch Xô-viết tối cao Liên xô. Tháng 1-1967, một tài liệu khác «Phoenix 66» dày 376 trang cũng đến tay Tây Phương do chính Galanskov viết, trong đó có cả văn chương, triết học, sử ký, chính trị, tôn giáo.

Chính quyền Nga rất lo lắng vì sự phát triển này nên phải ra một đạo-luật trừng phạt những kẻ chống đối ghi vào trong bộ luật hình. Những tội chống đối đó như là phao đồn tin thất thiệt, làm nhục cờ và huy hiệu Liên-xô đều có thể bị phạt tù ít nhất là 2 năm, sau đó phải một năm khổ sai. Nếu là tội biểu tình phá rối trị an thì phải tù 3 năm và một năm khổ sai. Tất cả đều bị phạt tiền 100 rúp.

Giới trí thức rất bất mãn với đạo luật này và nhóm SMOG cũng không chịu thua. Galanskov viết trong Phoenix 66 : «Các ông thắng trận này nhưng rồi các ông sẽ thua trận cuối cùng.»

Những sự việc xảy ra ở trên chứng tỏ là giới thanh niên Nga ngày nay rất khao khát tự do. Mục sống họ đã cao hơn trước, họ không biết chiến tranh là gì. Họ chỉ cảm thấy bị gò bó và thiếu thốn. Do đó mà họ tranh đấu đòi tự do. Chính phủ Nga, dù muốn hay không, cũng phải mở rộng tự do một phần nào đi đôi với việc nâng cao mức sống. Nhưng làm như vậy, xã hội Nga sẽ dần dần xích gần lại phía tư bản chủ nghĩa và do đó cuộc tranh chấp ý-thức-hệ với Trung Cộng một ngày một thêm sâu sắc.

Cá heo học nói, biết hát

• VÕ - QUANG - YẾN

Hè 1966. Vườn bách thú Dusseldorf năm nay tấp nập lạ thường. Lần đầu tiên một rạp xiếc được dựng lên cạnh hai mảnh hồ dành riêng cho cạp và khi. Mà đâu có phải một rạp xiếc tầm thường : giữa các hàng ghế, một bề cạn khổng lồ với hai cánh cửa ra, vào. Vật ra làm trò sẽ không phải là voi, cạp hay khi, gấu mà là một loại kinh ngư, nôm na gọi là cá heo (dauphin). Nói cho đúng cá heo không phải là cá mà là một loại động vật có vú, kích thước lớn, sống thành đoàn trong những đại dương các vùng ôn và nhiệt đới. Cách đây hơn 2000 năm, sử sách đã có nói đến cá heo, thuật chuyện một đứa bé hằng ngày được nó chở vượt qua một eo biển ở Hắc-hải. Nhưng chỉ từ những năm gần đây công chúng mới nghe nói đến và được mục kích trong những rạp xiếc biển.

Nó biết làm đủ thứ trò, từ nhảy vọt, đuôi bắt, đến chơi bóng rổ, phóng qua vòng lửa và có khi ca, hát ! Về thành tích thể lực, nó có thể cống hiến sức mạnh lớn gấp 10 lần so với mỗi cân bấp thịt, vượt hẳn mọi động vật khác, kể cả chó và người. Như vậy, nó có thể phóng ra khỏi nước, nhảy lên đến 4 thước để đớp lấy đồ ăn một cách dễ dàng. Thêm vào đấy, nó rất lanh lẹ và có một cặp

mắt vô cùng linh động, trong một khoảnh khắc phần ngàn giây có thể hướng quả bóng đèn đưa vào rõ trong lúc đang vượt qua mặt phẳng lưỡng chất nước, không khí. Với những đặc tính ấy, cá heo còn biết hát ! Tiếng nói của nó thật đã là một bí ẩn cho những nhà động vật học.

Cá heo bơi lanh, nhảy cao.

Cuộc dạy dỗ cá heo bắt đầu từ cuối trận thể chiến vừa qua. Một người Đức, Adolph Frohn di cư qua Mỹ, muốn dùng làm xiếc một con cá heo mũi hình chai (*Tursiops truncatus*). Ông nhận thấy rất dễ thuần hóa cá heo. Mặc dầu hai hàm răng sắc bén của nó, người ta có thể cho nó ăn từ tay mình mà chẳng có gì đáng sợ. Cá heo thích được vỗ về và lại biết nghe. Trong trò nhảy qua một cái vòng đặt giữa với hai con cá heo ở hai đầu bề cạn, người dạy đứng ở ngoài nghĩa là chẳng trực tiếp tiếp xúc với chúng, vậy mà chỉ một tiếng hô là đủ để cả hai con đồng bộ tiến lại và nhảy qua cùng một lượt. Cá heo biết thông hiểu đúng cử chỉ và lời nói của người dạy nên một mối liên quan mật thiết và âu yếm đã được tạo ra giữa người và vật. Cũng nên biết một nguyên tắc của người dạy là chỉ thưởng mà không bao giờ phạt khi nó làm sai.

Ngày nay, cuộc chạy đua cá heo vượt khỏi phạm vi hát xiếc và các cường quốc đều có cơ quan khảo cứu, nhằm mục đích dùng nó làm hướng đạo dưới lòng biển, chở người, phòng vệ, tìm mìn, theo dõi tàu lặn... Người ta cố gắng tìm hiểu những cơ chế đã được thích ứng đầy đủ trong những điều kiện sống khi rất phức tạp: tốc độ bơi lớn, sức nhảy cao, thính giác nhạy, thị giác tinh vi trong nước cũng như ngoài khí trời, ... Ngành sinh vật điện-tử-học tìm cách ứng dụng thành-tích của động vật vào máy móc, không ngớt theo dõi những kết quả của cuộc khảo cứu này.

Khi chú ý xem xét cử chỉ của cá heo trong lúc nhảy, người ta thấy từ trong nước nó đã ở vị trí đứng thẳng, nhằm đích rời vận dụng thể-lực để phóng ra khỏi nước.

Như đã thấy nó có thể đạt đến 4 thước đồng thời nó có thể thi hành một cử động rất chính xác như bẻ gãy một điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay của người dạy. Như vậy là nó đã biết sửa chữa hướng nhảy trong lúc đầu đang vượt qua mặt phẳng chia đôi hai môi trường khác nhau là nước và không khí và đuôi đang còn ở trong bề cạn. Đề giảng nghĩa khả năng này, người ta bảo cặp mắt cá heo đã có một cơ chế phản ứng có thể sửa chữa tính lồi của thấu kính mắt và từ đấy tức khắc xét định độ sai. Có người cho rằng có thể sự sửa chữa ấy là tự động và từ trong nước cá heo đã biết nhắm đúng đích nằm ở ngoài khí trời.

Một điểm khác cũng khá quan trọng là đặc tính thủy-động-học của cá heo. Nó có thể bơi nhanh và rất lâu. Muốn được dai sức, nó chỉ cần dùng một năng lượng tương đối rất nhỏ để thắng sức

cản của nước. Ở ngoài biển cả, cá heo có thể đạt tốc độ 50-60 cây số / giờ. Những thủy lôi cùng kích thước chỉ di chuyển với tốc độ 50% kém hơn. Như vậy, cũng như những động vật có vú khác sống dưới nước, cá heo có một kiến-tạo riêng biệt để tránh những giắc loạn của nước khi di chuyển ở tốc-độ lớn, kiến-tạo mà không một tàu bè nào của con người đã bắt chước được.

Khảo cứu cận kề da nó, người ta đã tìm ra một cấu tạo đặc cách giải thích tính chất bơi lội dễ dàng. Bì phu giống một tấm nệm gồm có những tổ chức tiếp hợp mà những thớ thịt hướng theo giòng nước khi cá bơi và rất nhiều mạch máu để da tiện việc thay đổi nhiệt độ nhờ nghịch lưu giữa động mạch và tĩnh mạch. Theo nhà động vật học Scholander, hiện tượng này đã giúp nó đưa nhiệt độ da lên vùng dễ thoát khi nó bơi, sưởi nóng lớp nước bao bọc quanh mình, từ đấy cho giảm xuống vừa sự cọ xát vừa tính giắc loạn của nước. Một ngày mai đây ta chẳng lạ khi thấy con người bận bộ áo sưởi nóng để bơi được nhanh và xa.

Cá heo phát âm, dò đường

Còn có một phương diện sẽ rất có ích cho những người sống trên mặt biển là cách tiêu hóa của cá heo. Cũng như những chim biển hay những loài hải cẩu cá heo uống nước mặn và ăn những chất chứa đựng nhiều muối. Vậy mà cơ thể nó không hề bị đầu độc. Người ta nhận thấy thận nó không phải độc nhất mà là gồm có gần 500 cái nhỏ góp lại thành chùm. Tuy chưa thấu hiểu cách vận dụng của những chùm thận này, người ta cũng đã đoán tác dụng biến-thể của chúng đã giúp cá heo thải loại muối và ứng dụng

hiện tượng này sẽ giúp những người bị đắm tàu uống được nước biển !

Trong số các đặc tính của cá heo, các nhà khảo cứu hiện nay đang chuyên chú về một hiện tượng khác vô cùng thú vị là hệ-thống sonar (Sound Navigation And Ranging) mà người ta đã tìm thấy ở nhiều loại chim, dơi và tương tự như hệ thống radar đã được ứng dụng nhiều trên các tàu bè, máy bay, . . . Nguyên-tắc hệ-thống này là cá heo cho phát ra những dấu hiệu âm thanh (hay siêu âm) gặp phải một chướng ngại gì thì dội trở lại và mách cho nó biết cấu tạo, độ cách, phương hướng, ... của chướng ngại. Người ta đã thí nghiệm dùng cao su bịt mắt cá heo và thả nó bơi lội trong bể cạn chứa đựng nhiều vật-thể đủ kích thước : nó bơi tránh hầu hết trừ những sợi giây nhỏ hơn 0,2mm và những sợi nylon.

Nhưng đồng thời những dấu hiệu phát ra để dò đường, cá heo còn phát ra những tiếng huýt gió đặc biệt có một ý nghĩa tâm-lý về mặt xã-hội : kêu nhau, tập hợp tán tỉnh... Hai nhà khảo cứu Dreher và Evans cho cá heo chỉ có độ 12-15 dấu hiệu mà thôi nghĩa là rất ít so với lợn (32) và chồn (38). Nhưng nhà động vật học Lily thì bảo cá heo có cả một hệ thống ngôn ngữ và có thể dạy cho nó biết nói. Vẫn biết có những loại chim vẹt bắt chước được tiếng người, nhưng theo ông, óc não cá heo vừa lớn vừa phức tạp như óc não người, đặc trưng của sự thông minh. Tuy nhiên từ 1963 đến 1966, giới khoa học còn đang nghi hoặc. Gần đây, hai giáo sư Batteau và Bastian cộng tác với Đơn vị khảo cứu cá heo của US Navy đã đem lại nhiều nhận xét quan trọng về mặt này.

Dựa trên nguyên-tắc cá heo không có giây âm thanh, không nói được hoàn toàn như người, giáo sư Batteau dùng một số máy uốn giọng và cho biến giọng ông ra thành một tiếng huýt gió tương tự như tiếng của cá heo. Từ đấy ông tập cho cá heo bắt chước tiếng ông rồi ông dùng máy uốn giọng cho chạy ngược lại và thâu được tiếng của nó. Kết quả thật đáng được khuyến khích : chỉ trong một tháng, cá heo học được 18 tiếng ! Sau đấy ông cho liên-hợp tiếng nói và vật thể, cử-chỉ và không bao lâu cá heo theo lệnh đi tìm đem lại cái mũ, quả bóng như ông bảo. Ta thấy hiện tượng này tương tự như khi một người lớn dạy một tiếng, một chữ cho đứa bé : nói «cây» thì chỉ một cái cây, đứa bé học thêm một tiếng, kết hợp thêm một ý, dần dần cấu tạo ra một bộ ám hiệu và từ đấy trò chuyện được. Trí năng bắt chước tiếng, kết hợp tiếng nói và vật thể, cử chỉ là đặc tính của con người nhưng rất hiếm có ở thú vật. Ta thấy ngay ở đây một vấn đề quan trọng vì nói không phải là một hiện tượng hoàn toàn cơ học : muốn biết nói cần phải biết suy nghĩ, cần phải có một cơ-chế kết-hợp. Nếu tìm ra được cơ-chế này ở cá heo tức là tìm ra được chúng có một hệ-thống ngôn-ngữ thật sự.

Cá heo huýt gió trò chuyện.

Bên phần giáo sư Bastian thì ông theo một giả-thuyết làm việc khác. Dựa trên tiền đề cá heo có một phương pháp truyền báo dấu hiệu bằng âm thanh, ông làm thí nghiệm để xem hai con cá heo có trò chuyện với nhau không. Ông cho đặt hai con cá heo quen nhau từ lâu, một đực một cái, trong một bể cạn, ở giữa có một cái lưới ngăn. Mỗi một bên có hai cái bàn đập : hễ cả hai con lần

lướt chạm lên một bàn đập, hoặc trái hoặc phải, thì được thưởng. Lúc đầu kết quả thật mỹ mãn. Ông liền che bàn đập làm sao cho con bên này không thấy con bên kia chạm vào bàn đập nào. Kết quả vẫn còn tốt. Nhưng đến khi ông dùng một tấm cao su thay lưới ngăn bề cạn thì kết quả sụt xuống 50% nghĩa là theo tình cờ. Đây là chứng cứ hai con cá heo đã chuyển cho nhau những dấu hiệu âm thanh.

Đề khảo cứu sâu xa hơn, giáo sư cho đặt máy thu thanh trong bề cạn và theo dõi tiếng huýt gió của hai con cá heo. Ông nhận thấy con cái thường huýt sau mỗi khi chạm vào bàn đập, trước khi con đực đến lướt mình chạm vào bàn đập. Khi nào con cái không huýt thì con đực thường chạm sai. Ngoài ra ông còn xem xét cách huýt gió, số âm thanh phát ra và đi đến kết luận cả hai con cá heo thật đã trò chuyện với nhau.

Bây giờ các nhà bác học chỉ còn khảo cứu cạn kẽ óc não cá heo thì mới mong hiểu biết được khả năng ngôn ngữ của nó. Về mặt trọng lượng và phức tạp, não cá heo chẳng khác gì não người. Theo nhiều nhà khảo cứu, não lớn và phòng là tiêu biểu cho tính thông minh.

Nhưng cũng nên nhớ so với chiều dài và trọng lượng toàn cơ thể, não cá heo tương đối còn nhỏ tuy đứng về hàng đầu trong tất cả mọi động vật. Một phương diện khác không kém phần quan trọng là hình-thể-học bộ não. Những động vật có một bộ não tổ chức giống não người là những động vật xã-hội biết thích ứng dễ dàng vào những tình-thế hoàn toàn mới mẻ. Như vậy người ta tưởng có thể đòi hỏi nhiều hơn ở cá heo, ít nhất cũng nhiều hơn so với khi chẳng hạn chỉ học được vài ba tiếng và không bao giờ biết liên-hợp tiếng nói và vật-thể hay cử chỉ, Và bằng cứ quan trọng nhất về tính thông minh của nó sẽ là ngày nào nó biết ghép được hai hoặc nhiều tiếng lại với nhau thành câu !

Vừa rồi một nhà nhân-loại-học có đưa ra một giả thuyết táo bạo : cá heo đã đạt đến một độ vi-phân não-bộ giống người nhưng chỉ người thuộc về thượng cấp vì người đã biết dùng hai tay. Một cảm nghĩ loại này cần phải được đào bới sâu xa để thực hiện những thí-nghiệm thiết thực. Trong lúc chờ đợi những kết quả chắc chắn lý thú và hay ho, cá heo thật đã là một động vật lạ lùng.

VÕ-QUANG-YẾN

Nhân ngày sinh nhật người Anh hùng áo vải cờ đào (5 tháng 5 âm lịch) mời Bạn đón xem :

HỒ - THƠM — NGUYỄN - HUỆ — QUANG - TRUNG hay

GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

Những kì công, chiến thắng, sáng kiến của Người phi thường ấy được ngòi bút linh hoạt của NGUYỄN-NGU-Ĩ trình bày cùng những ý kiến xưa nay, khen, chê Người, sẽ chuẩn bị Bạn đọc lời bạt của HỒ-HỮU-TƯỜNG để rồi tin chắc rằng, MỘNG LỚN kia — mà một số người cho là CUỒNG MỘNG — có thể thành SỰ THẬT...

(Có phụ bản : chữ viết, ấn, tiền và cờ Quang-Trung).

« VỀ NGUỒN » xuất bản. Xin hỏi : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi — Saigon.

Giá 45 đ.

TRUYỆN DÀI

ĐỒ - TIẾN - ĐỨC

MÁ

HÔNG

5 | Khi bóng tối đã loăng nhạt, tôi vùng ngồi dậy, hai tay ôm gối nhìn ra ngoài trời. Thế là thêm một đêm không ngủ. Không ngủ nổi vì nằm trong chiếc chiếu mỏng trải trên mặt đất lồi lõm. Vì thiếu chiếc gối vừa tầm cao. Vì không có chiếc chăn len chần ngực và gây hơi ẩm. Minh thế mà yếu. Chịu đựng kém quá. Mai mốt vào lính, đi hành quân ngủ bờ ngủ bụi thì làm sao. Chả nhẽ quân đội cộng hòa lại có một tên sĩ quan được truy tặng anh dũng bội tinh vì chết trong trường hợp thiếu ngủ. Một đêm qua thật dài. Người đại diện ban quản trị mới năm xuống đã gáy như thụt bễ. Tỉnh thoảng lại còn ú ớ la đừng có chen, đừng có chen, ai cũng có phần hết. Nước mắt kỳ này sao hồi quá.

Tôi quay vào nhìn, ông ta vẫn co quắp, hai bàn tay đút vào bẹn, ngủ mê mệt. Đâu đây tiếng gà gáy mỗi lúc một nhiều. Trông nhà, tiếng con nít khóc oai oái và tiếng ho xù xụ lại nhiều hơn. Tôi chợt lặn thần nghĩ, vậy không biết gà nó khóc hay nó ho. Nhưng có lẽ là tiếng reo vui chào bình minh vì gà đâu có những nỗi thống khổ của loài người.

Tối qua, tôi đã thấy những gia đình bên mâm cơm bày ngoài hiên âm thầm. Gọi là mâm nhưng không có chiếc mâm. Chỉ gồm một khoảng đất nhỏ giữa vài người ngồi quây tròn, đặt một nồi cơm, một miếng cá khô đặt trên mảnh lá xanh tươi. Một chiếc chén nhỏ đựng nước mắm. Không gia đình nào có thêm một chiếc đĩa đựng thứ khác hai thứ ấy. Đã thế trời đất lại còn mang bóng tối và những cơn gió bụi trộn thêm vào chén cơm của họ. Đề mạn mà hơn sao.

Hút xong hai liều thuốc, tôi lững thững ra giếng rửa mặt. Chi đang ngồi chõng mông đánh răng. Chiếc khăn mặt xanh bỏ trong ca nước đầy lênh bênh như mớ rong nuôi cá vàng. Chi gạt đầu chào, vội xúc miệng quay đi nơi khác nhờ bẹt bẹt. Tôi cười nhẹ. Minh có mang đồ theo đâu mà ra đây làm gì. Con nhỏ tưởng bỏ nghĩ mình đàn cảnh tán nó đây. Chi chợt hỏi :

— Anh Phó lấy bàn chải và khăn ẹm dùng tạm đi.

Bởi xung quanh toàn người lạ nên tôi bạo dạn gặt đầu :

— Thế thì hạnh phúc rồi còn gì. Cô Chi cứ rửa mặt trước tôi còn đánh răng mà.

Chi dạ thật ngoan. Rồi ngửa mặt để chiếc khăn bọc bàn tay chà từ đôi má xuống tận cổ và sau gáy. Vài sợi tóc ướt rối như cành lá dương sau trận mưa. Con nhỏ cũng xinh đấy chứ. Tôi cúi nhìn gót chân Chi. Tâm hồn tôi thật cởi mở. Mùi thơm từ chất kem đánh răng khác với thứ tôi thường dùng thấm vào lưỡi ngào ngạt trong miệng. Em Chi ơi, anh đang nuốt chút hơi thở của em còn lại trong chiếc bàn chải rồi đấy nhé. Vậy có khác gì anh và em hôn nhau đâu. Bất giác những xúc động ái ân bùng cháy trong các đường gân và mạch máu rung động khắp toàn thân. Tôi nhìn Chi say đắm, âu yếm. Đẹp thế này mà sao lại đi theo anh trưởng ty bưu điện thì lạ thật. Nó đã vợ ba con rồi, chẳng nhẽ Chi không biết ? Vô lý, hay Huyền nói dối ? Vô lý, Huyền nói dối chuyện này làm gì. Nhưng ở tại sao mình lại không lấy khẩu cung của em nhỉ ? Tôi hỏi Chi sau một cái nuốt nước miếng :

— Cô Chi quen anh Độ lâu chưa ?

Chi ngưng mọi cử động, nhìn tôi, rồi rất nhanh lại lấy ngay được dáng điệu tự nhiên cũ. Tôi chợt liên tưởng tới Huyền. Sao Huyền và Chi có những cử chỉ và phản ứng giống nhau thế ? Hai bàn chân Chi day day lên nhau kỳ cọ với những miếng nước từ chiếc ca trên tay Chi hắt xuống ;

— Nhà em có họ với bên ngoại của anh Độ mà. Nhưng anh hỏi để làm gì ?

— Độ có nói với tôi về Chi về quận sớm.

Chi nhìn tôi chờ đợi trước khi nói :

— Thế đến ngày nào thì anh cho em về ?

Tôi cười đùa trong lúc trả lại Chi chiếc bàn chải :

— Đến một ngày đẹp trời.

Đôi mắt Chi cúi xuống chớp liên liên những cái ngắn và mau. Tôi thấy không thể đứng với nhau lâu hơn. Nhớ đứa nào thấy lại tán thối một cái thì mắt mặt bầu cua hết. Vì vậy tôi trở lại với dáng điệu lãnh đạm và nghiêm nghị thường ngày. Chào Chi cảm ơn đã cho mượn, tôi sẽ nhớ mãi, nhớ mãi. Định nói nhớ mãi mùi hơi thở của Chi vương trong bàn chải đánh răng và mùi da thịt Chi trong khăn. Tôi bỏ bờ giếng đi vào. Giờ này ở nhà, Huyền đã sửa soạn đi học rồi. Và khi người bán xôi đi qua cửa, Huyền sẽ mất một tiếng gọi chú có ăn xôi không. Liệu trong đêm qua, Huyền có thao thức chờ tiếng cánh cửa cọt kẹt khi mình mở khoá.

Ông đại diện ban quản trị thấy tôi, cười nói ông Phó dậy sớm quá, sao ông không ngủ thêm. Tôi trả lời tại tính ít ngủ. Nhớ đến câu nói sảng của ông đêm qua, nước mắt kỳ này sao hôi quá, tôi hỏi :

— Đồ tiếp tế của tỉnh đạo này có vẻ kém trước, phải không bác ?

Ông đại diện dạ dạ dè dặt chưa dám cho ý kiến thì người đàn ông già lom khom ngồi bên nói gay gắt :

— Ăn cắp hết thì còn lấy đâu thứ tốt cho dân mà hỏi.

Ông đại diện :

— Đừng nói bậy bạ, ông sáu.

Người đàn ông tên Sáu vênh mặt, nhướng đôi mắt kèm nhèm lên như cố muốn nhìn những đường nhăn nổi còn trên khoảng trán hẹp và đen xạm :

--- Bậy gì. Tôi thấy họ ăn cắp của mình thì tôi nói : Có chết thì chết, không cần. Gạo thì mục. Nước mắm thì hôi, mặn chát toàn muối. Cá thì phơi chưa khô, con nào lớn nhất cũng chỉ bằng ngón tay. Bộ bắt chúng tôi về đây để ăn những thứ đó à ?

Ông đại diện nói giọng hơi gắt :

— Nhưng nếu mua thứ ngon thì phần chia lại ít đi. Ông chịu không ?

— Không biết. Tôi yêu cầu cho chúng tôi đủ ăn đủ mặc như đã hứa. Các ông mang tội tôi về thì phải lo cho tội tôi chứ. Không thì trả về xã đi.

Tôi nhìn cái thân gầy nhom của ông già, tâm hồn xáo trộn sự bực tức với lòng thương hại. Nhưng bực tức nhiều hơn. Ông lại đập cho vài cái vào mạng mỡ cho đời mày tịch luôn bây giờ. Tội Việt cộng nó nhét phân vào trong đầu nhiều quá rồi nên nói là căm thù, là giai cấp. Khuôn mặt hằn choắt lại khiến cái mồm vêu ra. Trên mép lơ thơ mấy sợi râu. Cái mồm ấy đã nuốt được bao nhiêu miếng thịt heo thịt bò rồi. Tôi vùng vằng bỏ ra ngoài. Ông đại diện chạy theo kê lẽ khờ lăm, mấy người đó lộn xộn hoai. Bao nhiêu lần suýt đánh nhau với cán bộ tới chiếu phim và học tập. Nó bảo đồ cấp phát toàn là đồ để quốc Mỹ phế thải. Nào là tỉnh ăn chặn ăn bớt nên mua thực phẩm xấu, như ông Phó vừa nghe đấy. Tôi gật đầu nói tôi sẽ tới đây luôn và tổ chức nhiều buổi học tập cho thấm nhuần chính sách quốc gia. Ông đại diện đề nghị tiếp theo là xin để những người do các cuộc hành quân lừa về ở riêng nơi nào đó, đừng cho chung với những người tự ý lánh nạn. Không hồng hết. Tôi thấy có lý, nói sẽ về trình ông tỉnh trưởng đề không cưỡng bách ai di cư nữa. Với lại cái hạng người già nua bệnh tật, bất khiển dụng, phế canh như thế phải để lại cho tội nó nuôi mới đúng chứ.

Chừng gần chín giờ, xe quận mới ra đón tôi về. Tôi gặt anh Hai tại sao chậm trễ. Anh Hai nhăn mặt tại bà quận sai em chở bà đi lễ chùa, tưởng chóng ngò đâu bà lễ nhiều quá. Buổi sáng có điện thoại của tỉnh mời quận tới họp, nhưng đại úy đi khỏi, chắc ông Phó phải đại diện. Tôi hỏi họp mấy giờ. Anh Hai lắc đầu không biết.

Tôi bảo lái xe thẳng về nhà để thay quần áo. Căn phòng và chiếc giường mới xa một đêm mà đã thấy lạnh lẽo. Bao giờ mới có người đàn bà chờ mình ở nhà, lo cho mình những tiện nghi. Bao giờ mới có tiếng nói mỗi khi mình về gõ cửa.

Tôi lăm lăm mở va ly lấy quần áo, thay xong lập tức khóa cửa đi. Anh Hải hỏi ông về quận hay lên tỉnh luôn. Tôi nói thôi cho tôi lên tỉnh thà sớm còn hơn chậm. Dù thế, khi tới tòa hành chánh thì buổi họp đã bắt đầu từ lâu. Nhia vào phòng thấp thoáng những cái đầu, tim tôi đập mạnh, hồi hộp. Côn lại quắc mắt ông đi đâu mà giờ mới lò dò tới xem. Nhưng tôi không thể lui được nữa. Thôi thấy kệ, cha này cho uống cà phê tưởng cũng không có gì ngạc nhiên. Tôi đẩy cửa bước vào. Mọi người quay cổ đồ đờn những con mắt lên người tôi. Côn cũng ngưng nói khi tôi cúi đầu chào. Ông không kịp đề tôi ngồi đã la lên :

— Ông đi đâu mà bây giờ mới lò dò tới ? Ông có biết ông đi họp hay ông đi xi nê thường trực ?

Tôi đứng thẳng người nói thật mạch lạc :

— Thưa Trung tá, tôi mắc chút việc ở trại tạm trú nên về trễ.

— Trại tạm trú. Ông đừng bíp tôi. Ông ra đây từ hồi nào và ra làm gì ?

— Tôi ngủ đêm tại trại vì mắc tờ chức học tập cho đồng bào.

— Chăm nhĩ.

Giọng ông đã chuyển sang giọng mỉa mai :

— Các ông được trời phú cho cái tài báo cáo hay lắm. Có thể đi đêm với gái rồi kể lẽ là công tác cũng êm tai.

Rồi lại nghiêm ngay nét mặt :

— Tôi nói đề các ông biết, cộng sản nó tới sau gáy rồi đấy. Liệu mà phê phỡn, khơi khơi cốt cho hết ngày hết tháng để lãnh lương. Tôi không chịu nổi thái độ đó của các ông. Tôi nói các ông không nghe thì coi chừng tôi. Coi chừng tôi.

Côn nói một câu dài quá. Và kết quả ông thu được ở tôi là những sự bực tức định trình bày nhiều nhận xét về công việc, thấy không còn cần thiết nữa. Tôi cũng không hồ thẹn. Tôi cũng không nổi nóng. Tôi bật cười. Giã cha này là vào khung vải như trên màn bạc có lẽ mình cười phá ra mất. Tôi xuống hàng ghế sau cùng, ngồi bên Lâu và Trai.

Buổi họp có lẽ mới qua chừng mười phút. Trên cuốn sổ tay của mọi người mới ghi nguệch ngoạc được vài chi tiết, họp tỉnh, đặc biệt về kế hoạch bình định. Kế hoạch bình định. Vấn đề của Quang. Vấn đề của chiếc xe ngựa bị mìn. Vấn đề học tập cho dân trước khi nhận trợ cấp, Vấn đề mua cá, gạo, nước mắm, có đôi từ thứ tốt lấy thứ xấu thật không. Liệu mình có nên nói những ý nghĩ này ? Côn có nghe hay lại nghĩ mình đái công chuộc tội nên tán bậy ?

Nhưng buổi họp ấy tôi đã ngồi không nói một tiếng. Cũng không ai nói ngoài tiếng của ông Côn. Tình hình an ninh như vậy là kém lắm. Tôi quyết định từ tuần này, công chức phải trực tại sở mỗi tối, năm mươi phần trăm. Vẫn không ai có ý

kiến. Thiếu tá phó nội an ngồi rung rung từ cái đầu xuống đôi chân và đang mỉm cười với nét bút đưa trên trang giấy.

Buổi họp tan bằng những tiếng thở nhẹ nhõm của mọi người tham dự. Ông Côn bưng ly cà phê đá ra ngoài hiên sau, một tay chống ngang dây lưng. Tôi nhìn ông, trong đầu tuyệt nhiên không có một ý tưởng nào. Những câu ông nói như ở lại trong phòng này với ông. Tôi lưỡng thững đi ra. Lâu chờ tới gần, cười hình hích đấm vào vai tôi nói có phải em Huyền làm cậu thức đêm đấy không. Tôi nhìn sâu vào mắt Lâu, cười nhạt. Cậu chỉ đáng cho tớ trả lời bằng cái cười thế thôi.

Từ trên cao chọt dội xuống những tiếng ầm ầm mông mênh. Bốn chiếc máy bay phản lực đen như những mũi tên thần vun vút chấp với nhau thành hình thoi. Những vệt để lại phía sau trắng xóa, nở dần bề rộng. Như bốn giải lụa bạch vắt ngang trời. Như những làn mây được thả từ trong máy bay để tô điểm bầu trời. Âm thanh mỗi lúc một ào ào rung động cả không khí. Tôi tưởng đang được ngồi trong thân máy bay, như buổi rời Sài Gòn. Chị Dung đi theo ra trạm khởi hành. Thời buổi này đừng có dở thói anh hùng tàu làm gì. Ráng nhả nhục, tìm nơi quen biết mà nhờ vả, cốt khỏi chết là được. Nước mắt chị ứa ướt diêm mi. Em hãy nhớ cái chết của anh Thắng như một bài học. Nhiều lúc chị giận anh ấy cay nghiệt. Hăng lắm. Lý tưởng lắm. Đang làm văn phòng thì xin đi mặt trận. Chị Dung ơi, em vừa chiều lòng chị đấy nhé. Em đâu có anh hùng tàu, phải không chị.

Bỗng có tiếng gọi Đạm, Đạm ở phía sau. Tôi quay lại, thấy Độ đang rào bước và cười thật tươi. Anh lại định gạ cho em Chi của anh về quận chứ gì. Tôi đứng chờ. Độ hỏi cùng với cái bắt tay thật lâu và lắc lắc, tối qua ngủ ngoài trại hả. Tôi gật đầu, thỉnh thoảng phải sống chung với cán bộ xem cuộc sống họ ra sao chứ. Độ vào chuyện ngay. Các cậu ở quốc gia hành chánh có khác. Nay có nghe Chi nói gì không.

Tôi cười :

— Chuyện anh và Chi thì ai mà không biết, cứ gì phải nghe Chi thuật lại

Độ không che dấu hết sự sung sướng :

— Cậu cũng tin lời thiên hạ sao. Chi với moa có họ đấy chứ. Chẳng tin moa mời cậu về nhà chơi, bà xã moa nói cho nghe. Về nhà moa nhé.

Dứt lời, Độ đẩy tôi lên xe rồi quay đầu lại phía xe ty mục súc, nói lớn Miên ơi moa về nhờ xe của quận Đạm, cảm ơn cậu, nhé. Xong anh nói với Hải, anh chạy về ty bưu điện đi. Tôi toàn từ chối đề về quận làm việc sợ từ sáng tới giờ nhiều người đợi đã sốt ruột chờ đồng lắm rồi. Nhưng anh Hải đã cho xe chạy sang ngã đường khác. Thôi kệ chậm vài phút đã chết ai. Ngồi trong xe, Độ không chịu bỏ phí một phút nào. Anh hỏi đủ mọi chuyện. Sau chưa thấy cậu gửi điện tin bao giờ cả ? Hôm nào cần đánh điện thì cho moa biết là cậu muốn thảo hồng điệp dài mấy ngàn chữ cũng được. Chỉ xin cậu hai mươi đồng, đó là giá tối

thiếu đề lấy cái số gửi, chịu không. Tôi gạt đầu cảm ơn nhưng chỉ sợ phiền anh nhiều. Độ không đề tôi nói hết đã xuề xòa khua tay ở anh em cả mà lo chi chuyện khách sáo. Tiền thu được thì cũng nạp vô công quỹ chứ bỏ túi đâu mà tính thiệt hơn. Xừ chánh án, xừ ngư nghiệp vẫn thường dọa vợ bằng những bức điện tín dài cả mấy trang. Bà vợ tưởng ông chồng chịu chơi, thương lắm nhưng vẫn xót ruột nhắc đừng biểu diễn kiêu tốn tiền ấy nữa. Moa chỉ một nhất là vụ ông giáo viên thi sĩ Triều. Hễ ông sáng tác bài thơ nào là bắt điện ngay về cho các nhật báo ở Saigon. Rẻ bằng thơ bảo đảm, lại mau và các ông chủ báo sẵn sàng cảm động bèn cho đăng gấp.

Hết vấn đề ấy, Độ lại gợi những câu ông tỉnh trưởng vừa tặng tôi, trong buổi họp. Có thật không cậu? Anh em dạo này bàn tán về cậu nhiều lắm đấy nhé. Rồi tiếp với giọng thương xót:

--- Chả nhẽ cậu lại bị con Huyền nó xiếc thật.

Tôi nhìn Độ, lòng gợn lên những ý nghĩ bất mãn. Và không kìm hãm nổi, tôi vụt hỏi một câu sống sượng:

--- Thế anh đã ngủ với nó chưa?

Độ trề môi nhún vai:

--- Không phải riêng moa.

Câu nói của Độ thật bình tĩnh, tuy nhiên tôi vẫn có cảm tưởng không được chắc chắn. Do đó, tôi già lã phản đối bằng những tiếng thật mạnh:

--- Đúng. Không phải riêng anh nói dóc mà cả tỉnh này nói dóc. Đứa nào cũng bô bô là đã ăn nằm với nó, rốt cục hỏi chi tiết về cái nhân vị của em kiến trúc ra sao thì mỗi đứa vẽ một cái, đủ kiểu của thế gian. Không ngờ các anh chỉ vì tự ái rôm mà vô tình làm chết một người.

Độ quay nhìn tôi. Tôi thấy nụ cười mỉm đầy vẻ chế diễu và khinh thường. Chết cha rồi, mình đã tố bậy. Nó sẽ cho mình cả quỷnh và bị em Huyền cho vào xiếc thật. Tôi chợt nhớ tới Huyền. Hay mình đã bị Huyền lừa dối? Chú đã được uống nước mưa hạ thổ chưa. Chưa. Thật đáng tiếc cho chú. Hôm nào cháu sẽ mang biểu chú chút ít. Có lý nào mình đã bị Huyền cho vào xiếc mà không biết?

Tiếng Độ vang lên trầm trầm:

— Cậu sẽ mắc kẹt ở đấy. Tình yêu của đứa con gái có căn là chồn cáo sẽ làm cậu mù quáng. Moa không có lý do nào để nói xấu nó. Moa đã có vợ con. Và với nó moa đã quá hiểu, không còn gì để thêm tiếc nữa cả.

Tôi không trả lời Độ ngồi im cho tới lúc xe ngừng trước ty bưu điện. Độ mời tôi vào căn phòng bên trong, đi qua căn ngoài dùng làm nơi làm việc. Thấy những lá thư tới tấp quăng vào thùng và những con tem, tôi nghĩ ngay tới con tem Hà tiên. Cả tuần nay chưa có thư nào cho chị Dung đây. Trưa nay phải viết ngay không lại bị trách bây giờ. Ở mà mãi chưa thấy chị báo tin gì về Thủy. Tâm hồn

tôi bỗng sao xuyên như thoáng một cơn gió lạ. Đó có phải là cái sao xuyên tâm linh của người bố như các ông văn sĩ thường tả tình văn hoa. Tôi mỉm cười, chả nhẽ trời đã chỉ định mình giữ vai trò mới lạ ấy rồi. Thủy ơi, đứng nhé, anh chưa biết đã đủ can đảm để nhận cái kết quả của một đêm từ biệt như thế. Nặng lắm cho anh đấy em.

Độ vén những sợi dây nhựa xanh đỏ kết thành tấm màn cửa, nhường chỗ tôi bước vào. Gian phòng bày biện giản dị nhưng đẹp. Anh chàng buru điện này cũng nghệ sĩ lắm. Vậy thì chuyện móc nối với em Chi cũng không có gì ngạc nhiên. Độ kéo ghế mời tôi ngồi, rồi quay xuống nhà sau gọi lớn.

--- Phương ơi, có anh Đạm lại thăm chúng mình đây này.

Tiếng người đàn bà hỏi lại :

— Đạm nào, anh ? Có phải anh Đạm với con Huyền không ?

— Bậy nào. Nói thế anh Đạm có trách thì ráng mà chịu đấy nhé. Anh Đạm đời nào lại mê con Huyền. Chính anh ấy đang thăm dò dư luận về cô Chi nên tới đây gặp em mà.

Thoáng sau, người đàn bà hiện ra trước khung cửa. Chúng tôi nhìn nhau, chào bằng cái gật đầu và cười bằng đôi môi mở rộng. Độ lên tiếng :

— Tôi vẫn âm thầm cải chính cho anh hoài hoài nhưng thiên hạ đâu có tin. Đồn bậy đồn bạ, gán ghép lếu láo, lung tung.

Tôi vẫn giữ nụ cười im trên môi, nhìn người đàn bà tên Phương và người đàn ông tên Độ. Thế là trên đời này mình lại biết thêm hai người nữa, một tên Phương, một tên Độ. Vợ Độ rót nước ra ba cái tách rồi đặt bình xuống, ngoi tôi, lắc đầu nhăn mặt :

— Cảnh giác đề phòng đấy, anh Đạm ạ. Bố mẹ nó đáo đề lắm. Lơ mơ là nó làm tùm lum câu chuyện, mang tiếng chết.

Độ đặt tách nước vào góc bàn chỗ tôi ngồi, rồi nói lời vợ :

— Thôi bỏ chuyện đó đi, anh Đạm có gì đâu mà bàn tán. Em có kể tiểu sử và cuộc đời cô Chi cho anh Đạm nghe thì bắt đầu đi. Đừng để người ta sốt ruột, nhé.

Phương lắc đầu với chồng :

— Nói về cô Chi thì chính anh mới mới đầy đủ chi tiết chứ em biết có bao nhiêu. Với lại cô Chi là nhân viên của anh Đạm mà, anh lạ gì nữa. Nhưng anh Đạm đề ý cô đó thật à.

Những câu tiếp theo trong ít phút tôi ngồi nán lại chỉ thấy quanh quẩn về Chi và Huyền. Đôi lần, giọng nói của Phương có cái gì xa vời, mĩa mai hờn dỗi. Và mắt tôi gặp lần đầu ấy, thường nhìn tôi thật lâu, như có những thương yêu dồn

cho tôi. Nếu được gọi người đàn bà này là chị thì. Những chiều tối, những ngày nghỉ tới với bà chị mà tâm sự, có lẽ đời sẽ bớt sầu nhiều lắm. Tôi đã được đem theo chút ao ước và nhớ tiếc ấy ra về. Nhưng những thắc mắc về nhân vật Độ giữa câu chuyện về Chi và Huyền lại mạnh hơn bắt tôi suy nghĩ. Đề làm gì khi anh chàng ấy định tâm ghép mình với em Chi ?

Làn gió thoảng bơ vơ trên hàng cây, chợt gây những xúc động êm ái trong tôi. Hơi thở bỗng như vẫn phảng phất nhiều mùi hương lạ, chưa tan từ buổi sáng bên bờ giếng. Nhà em có họ với bên ngoại của anh Độ mà. Nhưng anh hỏi làm gì. Huyền tròn mắt vậy chú chưa biết mối tình của chị Chi với ông trưởng Ty bưu điện. Một vấn đề đấy nhé. Chắc chú không còn thích một cô cháu bé bỏng như cháu Huyền của chú nữa ? Thật đáng thương cho cháu lắm. Những điều nhớ lại vụn vặt, mâu thuẫn khiến tôi mông lung hoang mang. Rốt cục, tôi bật cười ngao ngán hết hiểu nổi những con người của tỉnh lẻ rồi. Độ yêu Chi. Chi có họ với Độ. Độ ghép mình với Chi. Mình thì bị Huyền cho vào xiếc. Huyền làm đi, đã ngủ với Độ. Còn gì nữa. Còn gì nữa. Còn gì nữa. Thủy có mang thật không mà chị Dung chưa cho tin.

Tôi trở về quận thật vội vã. Mình phải vùi đầu vào những công việc công văn họa may mới khỏi loạn óc. Đại úy quận trưởng đi kiểm tra nghĩa quân các xã vẫn chưa về. Tin tức của phòng nội an báo cáo cả xấp nhưng không có kết quả về cuộc hành quân An dân 27 mà Đạt tham dự. Thằng cha liệu có còn sống đề về ty bưu điện lục thơ của đứa em trai từ Sài Gòn gửi ra đều đều. Đang lúc ấy, hai cánh cửa chắn gió bật mở. Anh Vinh dẫn bốn người lạ mặt chen nhau bước vào.

— Thưa ông Phó, những ông này ở xã Lạc nghiệp muốn được gặp ông Phó

Tôi gật đầu đứng dậy bước tới chào cả nhóm. Vinh đã mang tới thêm hai chiếc ghế nữa, đủ cho bốn người ngồi. Một ông già râu rậm, sợi đen sợi trắng, đặt xuống trước mặt tôi tờ giấy trắng kẻ ô, nét chữ viết tay đã đen đặc. Tôi đọc thoáng cho đến những tên và những chữ ký, những vết điểm chỉ cuối đơn mới ngừng lên. Tôi mỉm cười, gây cảm tình :

— Chắc các bác cũng thừa biết là chính phủ đâu có sung sướng gì khi phải đốt mía của đồng bào. Đây là bắt đặc di. Việt cộng nó thường ăn nấp trong ruộng mía để bắn lên mình, hay giật mình xe cộ. Nếu không khai quang thì làm cách nào để có thể loại được chúng.

Ông già ban nãy chồm nửa thân người tới phía tôi :

— Kính thưa ông, ông phải hiểu cho là cả xã chúng tôi chỉ sống với những ruộng mía ấy. Rồi thuế nước nông giang của hiệp hội nông dân. Rồi tiền phân bón của ty nông tín. Tiền mua gốc của trung tâm mía. Bây giờ đốt hết. Xe thiết giáp quăng quăng hoài đến nỗi không còn một cây đề tráng miệng. Ông quận xét coi tội tôi lấy gì để trả nợ, lấy gì để sống đây.

Một người đàn ông khác, giọng nói xiên xiết giữa hai hàm răng rụng gần hết :

— Tội tôi đâu có phải là Việt cộng mà nỡ giết hại tàn nhẫn thế.

Tôi cố gắng giảm bớt sự bức tức của bốn người :

— Các bác đã biết, ngay với Việt cộng chính phủ còn tha, còn chiêu hồi thì sao lại hãm hại đồng bào. Tôi tin là chính phủ đã nghĩ tới vấn đề bồi thường cho các bác rồi chứ không phải chờ khiếu nại đâu. Các bác tin đi.

Nói mãi các ông già này vẫn không chịu tin gì hết. Họ ngồi im. Có ông chùng hết chuyện, ngồi cắn móng tay và ngắm những ngón tay cong queo, đen thui như cái lạp xường nướng đề nguội. Nhiều lúc tôi đã to tiếng một cách chủ tâm vì nghĩ biết đâu chẳng đem lại kết quả tốt. Tôi cũng đã định điện thoại tòa hành chánh để xin chỉ thị, đầy trách nhiệm cho cấp trên. Thôi vội gì, chờ đại úy quận trưởng về giải quyết. Hấp tấp vợ phải Côn Cho là có hy vọng được châu cà phê oan. Vì vậy lời đi tiếng lại dằng dai cho tới giờ tan việc. Tôi đứng dậy sửa soạn về, bắt đắc dĩ họ phải theo ra khỏi phòng. Mình có quyền gì đâu trong vụ này.

Buổi chiều, tới quận, tôi đã bị bốn người đó vây lấy đòi giải quyết đơn buổi sáng. Tôi mệt mỏi vì nói quá nhiều. Nói những lời đã nói, lập đi lập lại chỉ có từng ấy ý. Như tên bán hàng quảng cáo trên lề đường. Như ông giáo sư chạy suốt các lớp đệ tứ, giảng một bài thân thế Hồ xuân Hương. Rồi đến sáu giờ, tôi ra khỏi công quận với trạng thái tâm hồn thật cô đơn. Nếu Đạt không hành quân hai đứa ra biển chơi thú biết mấy. Tôi thêm một làn gió từ ngoài khơi ào ào tấp vào người. Hương thơm mặn mà tinh khiết như được gần gũi một sự quen thuộc nào đó.

Nhưng chiều nay không có Đạt. Cũng không có ai khác. Phương mới quen, còn xa lạ quá. Huyền thì rắc rối với những lời đồn đại. Tôi bỏ về nhà, nắm vật xuống giường im lặng cùng bóng đèn đang dần loang trong phòng. Bên nhà Huyền hình như đang ăn cơm. Tiếng bát đĩa va chạm nhau lách cách. Chợt có tiếng Huyền, con đề nghị với má lần sau nấu canh rau muống với tôm, nên đập vung lại. Tiếng bà Phước lầu bầu sao vậy. Huyền trả lời tại mẹ không đập vung nên tôm nó nhảy hết, con chưa tìm thấy xác con nào cả. Tiên sư mày, diều hoai. Tôi trở mình nhìn vào vách tường chắn ngang giữa hai nhà. Đứa con gái ấy mà là con diêm thật sao ?

Mãi tới gần tám giờ tối tôi mới đi ăn cơm. Lúc trở về, thấy ông Phước giắt xe ra đường. Đằng sau xe đeo một gói lớn chần mền Huyền đứng một mình dưới cây trứng cá, bộ đồ trắng mờ nhạt lung linh như khối ánh sáng của ngày động lại đang tan dần.

— Bác đi trực ?

— Vâng. Số gì đâu mà mới tua đầu đã dính ngay rồi.

Huyền bật cười những tiếng ngắn :

— Con tưởng rồi đây Ba sẽ tình nguyện đi trực ấy chứ. Ba sẽ có lý do chính đáng để đi suốt đêm, sương băng chết.

Ông Phước quay vào lớn tiếng :

— Mày tưởng tao đi chơi phỏng ? Tao đi kiểm cơm đồ vào mồm mày đây

mà. Con nhà gì vô ơn bạc nghĩa vậy.

Tôi vội can :

— Huyền nó đùa cho bác vui đấy, giận làm gì.

Huyền nhìn tôi, rồi soay người bằng hai gót chân, vụt lặn vào trong đôi cánh cửa mở ngỏ. Ông Phước đứng nhìn theo mãi mới tắc đầu uể oải ghếch đùi lên ngồi xe dướn người và đạp chân xuống mặt đường cho hai bánh trườn tới. Tôi đi vào hiên lười biếng không muốn lấy chìa khóa mở cửa. Trong đó có gì ảm cúng hơn ngoài này đâu. Tôi ngồi bệt xuống bệ cửa. Hơi nóng âm ỉ bốc lên đủ nóng khắp móng dít. Tôi bâng khuâng rút điều thuốc gài lên môi, rồi quẹt cây diêm cho ánh sáng lóe lên. Tuổi trẻ cũng như cây diêm chỉ cháy được có một lần thôi. Giờ này chị Dung ở đâu và đang nghĩ tới em không, chị. Em buồn quá, buồn hết chịu nổi nữa rồi. Tuổi trẻ của em đang bập bùng cháy. Thân xác em sắp chỉ còn là năm than, nhưng em có đốt được sợi tóc nào đâu. Tôi thở dài xong hít một hơi dài, nhắm mắt lại và ngậm khói trong mồm. Tại sao mình lại ra tới cái vỉa hè xứ này mà ngồi nhí. Vì sự nghiệp ? Vì hạnh phúc ? Vì tổ quốc ?

Đang mơ màng, tôi chợt nghe tiếng động nhẹ từ cửa nhà bên. Linh tính tôi nghĩ tới Huyền, nên vội quay sang. Huyền khi ấy đã đứng trong vùng ánh sáng giữa khe cửa. Chiếc bóng đồ dài nằm ngang trước mặt tôi. Lòng tôi tự nhiên vui lên, phơi phới đón những làn gió bỡ ngỡ rớt từ cành cây trướng cá xuống. Huyền đi lại gần tôi thêm vài bước. Vẫn chỉ có tiếng gió rung rinh như những lời vui xa. Mãi sau, Huyền mới hỏi hút thuốc có đỡ buồn không chú. Tôi không đáp nhưng hỏi lại sao Huyền không vào học bài, sắp thi rồi. Tôi không nhìn rõ mặt Huyền nhưng vẫn tin có tiếng thở dài trong câu nói :

— Cháu không thấy ham thích cái gì nữa là làm sao. Cháu chỉ còn một cái thú là đi lang thang trong bóng tối, một mình.

— Ngồi đây với chú. Lát nữa tới giờ giới nghiêm, chú chở đi chơi.

Huyền ngoan ngoãn ngồi xuống bên tôi. Chúng tôi cùng lặng yên. Tôi nối những điều thuốc trên môi không bằng ánh lửa diêm Huyền ngồi thu người tròn nhỏ lại. Khuôn mặt đặt trong hai bàn tay đang hình chiếc nạng chống trên đầu gối. Lưng Huyền tạo thành đường cong êm ả, thánh thoát. Như vậy cho tới mười giờ. Những người canh sát với những chiếc xe đạp loăng quăng, thồi tu huyết và hò lớn vào nhà đi, vào nhà đi, đóng cửa lại, tới giờ giới nghiêm rồi. Tôi bảo Huyền lên xe ngồi đề các ông ấy vui, nhé. Huyền không nói, lăm lăm đứng dậy theo tôi trèo lên xe. Mỗi người ngồi riêng một ghế và sự im lặng lại tiếp nối.

Chưa nghe tiếng súng đại bác nào bắn đi trong tối nay. Sự thiếu vắng ấy bỗng gây nên niềm chờ đợi thấp thỏm. Và riêng đường phố hoang vắng trong giờ giới nghiêm như hoang vắng thêm một chút u hoài. Tôi bỗng cảm thấy lạnh. Hơi thuốc đã tê đầu lưỡi và khói thuốc quyện vào làm cay mắt. Nếu bây giờ nước mắt mình ứa ra thì không biết vì khóc tủi, vì gió lạnh hay vì khói thuốc cay nữa đây

Tôi cho xe chạy trên những ngã đường không định trước. Con phố nào lúc này cũng giống nhau. Những cửa hàng chỉ còn buôn bán sự im lặng bí ẩn. Những thùng rác trên vỉa hè thấp thoáng những con chó ngằn ngoảnh nhìn không đi. Tự nhiên thấy thèm căt tiếng hát. Ngày ấy có em đi nhẹ vào đời. Tôi tiếp tục những câu không thuộc bằng những lời ngẫu nhiên nhưng đầy vẻ say sưa. Do đó, sự buồn thảm đã chìm xuống. Hình như sống giữa cảnh vật cô đơn, tâm hồn tôi lại tìm được sự ấm cúng và tin yêu nhiều hơn. Tôi quay sang Huyền. Không rõ em đang nghĩ gì lúc này. Ôn lại cuộc đời đã trải qua, hay tưởng tượng tới đêm nay, sẽ chịu cùng mình cộng tác tìm lạc thú. Huyền vẫn ngồi yên. Những mái tóc bay giạt về phía sau thành một vệt đen lớn ôm kín bầu má. Mình có gì để hãnh diện nếu được ôm Huyền ngủ trong đêm nay? Bởi nó đã qua bao nhiêu người rồi. Nó đã qua bao nhiêu người rồi. Tôi bực tức đạp mạnh chân ga. Chiếc xe vọt trườn lên vọt vĩa với tiếng rú lớn.

Khi xe tới công trường Tự do, tôi chợt gặp luồng ánh sáng của hai ngọn đèn pha khác quét trên lùm cây ngủ lặng. Một chiếc xe Jeep không mui trườn tới. Tôi bật lên hai tiếng Côn Cho. Trung tá tỉnh trưởng trong thoáng giây đã nhào tới ngang tôi hỏi sang đi hóng gió hay đi tuần đấy, cậu? Tôi cố cười cùng với cử chỉ cúi đầu chào thưa trung tá, tôi đi tuần.

— Ai ngồi bên anh?

— Cô này đi trong giờ giới nghiêm, tôi bắt về quận.

— Đổ xe lại.

Như vợ được con mời, trung tá tỉnh trưởng hấp tấp đi vòng qua đầu xe, tới chỗ Huyền.

— Cô ở đâu? Làm nghề gì? Đi đâu lúc giới nghiêm?

Huyền dương mắt nhìn tôi. Tôi nhìn Huyền. Bỗng một tiếng bốp trên má

— Anh mang nó về quận, sáng mai gửi sang cảnh sát gấp. Con gái ở ngoài phố giờ này tất nhiên không phải hạng lương thiện rồi, anh tin đi.

Rồi ông hùng hục cúi đầu bỏ đi. Ngọn đèn sau xe ông đỏ rực như con mắt của loài yêu tinh. Tôi bỗng thấy con mắt ấy rời khỏi xe, chập chờn trong phố xong bốc lên cao cùng với những vì sao. Cứ lơ lửng như thế mãi, mỗi lúc trôi đi một xa. Như đèn hiệu của con tàu trong chuyến bay đêm trinh sát. Tôi bắt đầu sang số, lái xe chạy sang ngã đường khác. Về thôi. Tiếng động cơ đều đều êm ái. Hơi xăng cháy không hết phảng phất thơm như ngồi bên người yêu đang tô móng tay. Chút ánh sáng từ bảng đồng hồ mờ mờ như của ngọn đèn ngủ đầu giường.

Tôi đợi tiếng khóc nức lên của Huyền, nhưng chưa thấy.

(Còn tiếp)

ĐỖ-TIẾN-ĐỨC

TRUYỆN DỊCH

Tác giả : AKUTAGAWA-RYUNOSUKE

Người dịch : CHƯƠNG-NGỌC

Bức Bình-phong Hỏa-ngục

GIỚI THIỆU TÁC-GIẢ :

Akutagawa Ryunosuke (1892 — 1927) là một nhà văn Nhật sinh tại Tokyo ngày 1 tháng 3, vào năm đệ nhị thập ngũ chu niên của thời Minh-Trị, tại một khu vực miền Đông. Ra đời mới chín tháng, ông được gia đình bên ngoại nhận làm con nuôi, vì mẹ ông đã mắc chứng điên. Lòng yêu thích của Akutagawa Ryunosuke đối với những gì thuộc về Trung - Hoa và Nhật - Bản bắt nguồn từ cái không khí gia đình trong đó ông đã lớn lên. Nơi đây có thể nói là nơi Akutagawa đã sống một quãng đời niên thiếu không vướng bận các làn sóng vật chất Âu-Tây đang bắt đầu làm rạn nứt cả cái lâu đài văn hóa Nhật-bản cổ truyền. Ông rất xuất sắc về môn cổ-học Trung-Nhật và sớm biết thưởng thức thơ văn. Kiến-thức văn-học của ông mở mang mau chóng, tất cả các văn hào nổi tiếng thời đó đều có tác phẩm trong tủ sách của ông, như Kôyô, Rohan, Ichiyô, và nhất là Mori Ogai, Natsume Sôseki. Trong số những nhà văn Âu-Tây, ông đặc biệt thích đọc Ibsen và Anatole France.

Bắt đầu từ năm 1914, các hoạt động văn học của ông phát triển ngày càng mạnh. Ông dịch Anatole France, Yeats, viết bài cho tạp - chí Shinshichô (Tu-Tướng Mới). Truyện ngắn đầu tay của ông là truyện Tuổi già (1914). Tác phẩm lừng danh Lã-sanh môn ra đời tiếp theo vào năm 1915 cũng đăng trên tạp chí đó và một năm sau truyện Cái Mũi cũng được tán thưởng không kém. Cũng năm đó ông lấy bằng Cử nhân Văn khoa và phụ-trách dạy Anh - ngữ tại trường Kỹ-sư Hàng - Hải ở Yokosuka. Năm 1917 ông cho ra đời tác phẩm Bản phúc trình của Ogata Ryosai rồi Lửa sáng tạo. Đến năm 1918, các tác phẩm của ông đã khá dồi dào với những truyện Kể tuần giáo, Sợi giấy nhện, Bức bình phong hỏa ngục Năm 1919 ông thôi dạy ở trường Hàng-Hải và viết truyện đăng ở nh ều tạp chí. Năm 1921 tờ báo Mainichi, tờ báo xuất bản mạnh nhất, gọi ông đi du-sát Trung-hoa năm tháng trời, trong thời-gian này ông đi chu du khắp miền Hoa-lục. Năm sau ông cho ra Sự trình-khiết của nàng Otomi và Trong rừng rậm. Truyện này ba mươi lăm năm sau đã được dùng làm cốt chuyện cho cuốn phim nổi tiếng Lã-Sanh-Môn.

Càng ngày ông càng hoạt động mạnh trong lãnh vực văn-học, nhưng sức khỏe của ông bị sút giảm trầm trọng vì nhiều chứng bệnh như : suy nhược thần kinh, ung loét bao tử, đau ruột, đau tim, v.v... Tất nhiên là sự suy nhược về thể chất đã gây ảnh hưởng nặng nề cho khả năng sáng tạo của ông. Trong năm 1924, Akutagawa viết rất ít, thường phải thay đổi chỗ ở vì tình trạng sức khỏe. Năm 1927, năm ông từ già cõi đời, ông đã cố gắng trong tuyệt vọng để viết **Biệt thự Genkaha** và tác phẩm nổi tiếng **Kappa**. Ông tự vẫn ngày 24-7 bằng một liều **Cy-a-nua** thực mạnh.

Trong những bản di-cảo của ông như : **Thư gửi một người bạn già, Giường máy, Đời một kẻ Ngốc, Người miền Tây, người ta nhận thấy ngoài cái ý hướng kể chuyện thông thường ông còn dụng-tâm thể-hiện sự tả tơi mòn mỏi của con người trong sự chống chọi lại với định-mệnh thể-thâm.**

Truyện sau đây được trích và lược dịch từ bản Pháp-văn của Arimasa Mori.

Về những giai thoại quái dị đầy rẫy trong cuộc đời của Lãnh-Chúa Horikawa, câu chuyện mà ngày nay mọi người vẫn còn nhắc lại với nhiều nỗi hãi hùng hơn hết có lẽ là câu chuyện về Bức Bình Phong Hỏa Ngục hiện còn được lưu trữ trong nhà Ngài như một gia-bảo.

Tôi hồi ấy là một trong số những kẻ đã phục dịch trong dinh của Ngài hơn hai mươi năm trời nhưng tôi chưa từng được hứng kiến một cảnh tượng nào rùng rợn và bi thảm đến như thế. Tuy nhiên kể lại câu chuyện này tôi tưởng trước hết nên nói sơ qua về họa sĩ Yoshihidé người đã sáng tạo nên Bức Bình phong Hỏa Ngục đó.

Ngày nay chắc có nhiều người vẫn chưa quên cái tên Yoshihidé, nhà danh họa mà người đương thời không ai bì nổi cái tài làm chủ màu sắc và nét vẽ của ông. Lúc xảy ra câu chuyện tôi kể sau đây ông ta mới ngoài ngũ tuần, song trông ông có vẻ già nua bé nhỏ, và gầy gò chỉ có da bọc xương với một bộ mặt thật là khắc khổ. Mỗi lần vào dinh triều kiến ông thường vận một bộ y phục vàng rực và đội chiếc mũ *éboishi* cũ mèm. Dáng vẻ bề ngoài của nhà danh

họa tài ba ấy trông thực là tồi tàn, xấu xí. Lại nữa, cái màu môi đỏ loét của ông dễ khiến cho người ta nghĩ đến một cái gì hoang dã gớm ghiếc. Nhiều người cho là tại vì ông có thói quen ngậm mút cây cọ vẽ. Tôi không biết có đúng thế không. Và những kẻ độc miệng thường gọi ông là Saruhidé (Xú hầu) ý nói dáng vẻ của ông giống hệt như một con khỉ.

Về cái tên giễu này cũng có một câu chuyện như sau. Hồi ấy, nàng con gái duy nhất của Yoshihidé tuổi mới mười lăm được tuyển vào làm thị nữ trong cung. Khác hẳn cha, nàng có một nhan sắc cực kỳ kiều-diễm. Và có lẽ vì mẹ mất lúc tuổi còn thơ nên nàng có một tâm hồn đa cảm và rất khôn ngoan so với các cô gái cùng trang lứa. Mặc dù còn ít tuổi nhưng nàng khéo biết chiều đón hầu hạ nên chẳng bao lâu đã chiếm trọn sự sủng ái của bà chúa cùng các tần phi. Nhưng có một hôm, một người dân quê đem dâng Lãnh Chúa một con khỉ đã được tập luyện tinh khôn. Vốn tính trẻ con và tinh nghịch, vị thế tử nhỏ tuổi bèn đặt tên cho nó là Yoshihidé. Nhìn con khỉ đã xấu xí lại mang thêm cái tên ngộ nghĩnh nên chẳng ai nhin cười được.

Một hôm nàng con gái của Yoshihidé tay cầm cành mạn đang đi qua hành lang thì bỗng thấy con khỉ Yoshihidé một cẳng bị thương đang khấp khiêng leo lên bậc thang một cách hấp tấp và lao vội lại phía nàng. Đằng sau vị thể tử nhỏ tay cầm cây roi vừa đuổi theo vừa quát mắng. «A ! A ! Cái đồ ăn trộm quít ! Mày chạy đằng trời ! » Người thị-nữ thấy con vật nhỏ níu lấy vạt xiêm của nàng và kêu rên thảm thiết. Động lòng thương hại nàng bèn đưa bàn tay kia dang rộng vạt áo tím hồng ôm con khỉ vào lòng và kính cẩn quỳ xuống thưa cùng vị thể tử trẻ ; «Cúi xin thể tử mở lượng hải hà tha thứ cho con khỉ này. Nó chỉ là loài thú vật đại đột... Xin ngài tha tội cho nó. »

Thế-tử đang đá rượt đuổi, tức tối ghìim bước đứng lại, nhịp nhịp đầu roi xuống đất quát lên :

— Tại sao mày dám bênh vực nó. Con khỉ này ăn trộm.

— Nhưng thưa ngài nó chỉ là con thú ngu dại !... Nàng van lơn.

Thiếu nữ hết lời năn nỉ, rồi nở một nụ cười héo hắt, nàng đánh liều thưa.

— Vì con khỉ này mang tên Yoshihidé Cho nên tôi có cảm tưởng như chính phụ thân tôi đang bị đánh đập. Cúi xin ngài tha thứ cho nó.

Thế-tử mặc dù đang cơn thịnh nộ cũng không nở làm ngơ trước lời nói ấy.

— Thôi được, ta vì cha mày mà tha tội cho nó đó.

oOo

Ít hôm sau Lãnh-Chúa nghe chuyện và cho đòi nàng thị-nữ ấy cùng với con khỉ vào. Ngài đã biết vì lý do nào người con gái kia đã dám đem thân che chở cho con vật đó. Ngài truyền :

— Khá khen cho tấm lòng hiếu thảo của người. Ta có lời khen ngợi đó !

Rồi ngài truyền thưởng cho nàng thị nữ một chiếc áo dài màu huyết-dụ. Theo chúng tôi thấy thì Ngài tỏ lòng ái một đối với người thị nữ ấy là do tấm lòng hiếu thảo của nàng đối với cha, chứ không phải như lời thiên hạ đàm tiếu là Ngài có tính ưa gái đẹp. Dù sao cũng phải nhìn nhận rằng những lời đồn đãi ấy không phải là không có phần đúng, nhưng chuyện đó rồi sẽ nói sau. Chỉ cần biết rằng một người cao sang như Lãnh Chúa đâu phải là thêm hạ mình đi say mê một đứa con gái thân phận thấp hèn như thế.

Nhưng thôi hãy tạm gác chuyện người con gái đó lại để nói qua về người cha của nàng. Một điều mỉa mai là trong khi con khỉ Yoshihidé càng ngày càng được sự trọng nể của mọi người sau vụ hôm đó thì chính nhà danh họa Yoshihidé vẫn cứ bị xem như một thứ người quái đản, góm ghẹo và người ta vẫn quen gọi lén ông bằng cái danh hiệu «Xú hầu».

Họ gán cho ông đủ thứ tật xấu, nhưng nổi bật hơn hết là cái tính xác xược kiêu căng. Lúc nào cũng dương dương tự đắc cho mình là đệ-nhất danh-họa trên đời. Kể ra nếu chỉ trong phạm vi nghề nghiệp thì cũng có thể cho phép ông ta tự hào như thế thực, nhưng điều đáng ghét hơn nữa là ông ta dám khinh suất coi thường tất cả phong tục lễ thói vẫn được tôn sùng bái mộ trong nhân gian. Theo lời một đệ-tử lâu năm của ông thuật lại thì một hôm, trong tư dinh của một vị quan lớn nọ, một nữ pháp-sư danh tiếng đã thốt ra một lời phán quyết rùng rợn. Yoshihidé, có mặt lúc ấy trong dinh, liền điềm nhiên với lấy

cây bút và nghiên mực bên cạnh rồi chăm chú vẽ lại thật tỉ mỉ cái vẻ mặt góm ghiếc của bà phù thủy. Ông ta tưởng như xem lời trù yểm kia chỉ là trò chơi con trẻ, chẳng ăn thua gì hết. Lúc nào ông cũng có thể làm những chuyện phạm thượng thật là táo tợn. Chẳng hạn, ông vẽ nữ thần *Kichigôten* (1) qua chân dung một gái điếm đê hạ. Còn muốn học *Tô sư ảo thuật Fudô* ông lại đi lấy mẫu ở nơi một viên cảnh sát bị đi. Nếu có ai trách ông ta thì ông chỉ cười hồ hốt trả lời.

— Lạ nhỉ! Thế mấy ông cho rằng các vị thần linh do Yoshihidé này vẽ ra lại vật chết ta hay sao?

Ngay cả các môn đệ của ông cũng không khỏi táng đờm kinh hồn. Một số lớn trong bọn họ đã vội xin kiêu từ sư phụ, theo tôi thì có lẽ họ sợ họa lây vì một lời nguyện rủa nào đó. Tóm lại sự ngang tàng của Yoshihidé thật không còn giới hạn. Lão tự cho là dưới gầm trời này chẳng còn ai hơn mình nữa.

Có lẽ khỏi cần nói đến cái địa vị tột bậc của ông ta trong ngành hội họa thời bấy giờ. Ngoài ra, các bức họa của ông còn mang những sắc-thái khác thường. Các bạn đồng nghiệp vốn không cùng một quan niệm nghệ-thuật với ông, vẫn thường xem ông như phường quý-mị. Theo người ta kể lại thì xung quanh những bức danh-họa thời xưa bao giờ cũng có nhiều mẫu huyền-thoại ly-kỳ, chẳng hạn như các cảnh đào vẽ trên cánh cửa trong cung thường tỏa mùi hương ngào ngạt dưới ánh trăng thanh, hoặc là thỉnh thoảng có thể nghe được tiếng sáo du dương của đám quần thần vẽ trước bình phong.

(1) Nữ thần trông coi về may mắn và sắc đẹp theo tín ngưỡng của người Nhật.

Còn các bức họa của Yoshihidé thì trái lại chỉ khơi dậy toàn những lời đồn đãi ghê hồn. Chẳng hạn như về bức họa «Cái vòng sinh tử» của ông treo nơi chính-diện của đền Ryûgaiji người ta kể lại rằng đêm hôm khuya khoắt đi qua dưới cửa có thể nghe tiếng thở dài lẫn lời nức nở. Có kẻ còn cho là có thấy cả mùi thối tha bốc lên từ những tử-thi rữa nát trong tranh. Ngoài ra tất cả những người đàn bà từng làm kiêu mẫu cho ông vẽ chân dung đều chết vài năm sau đó, mắc một chứng bệnh như là mất hồn vậy. Đại loại những lời đồn đãi rùng rợn như thế đối với các bức họa của Yoshihidé thì không sao kể xiết.

Nhưng vốn tính thích làm những chuyện quái dị, bất chấp dư luận như vậy cho nên càng nghe người ta dị-nghị bao nhiêu, Yoshihidé càng lấy làm hãnh diện bấy nhiêu. Một hôm, Lãnh Chúa nói đùa với ông :

— Nghe nói dường như khanh chỉ say mê những cái gì thực là xấu xí.

Ông ta ngang nhiên đáp lại với nụ cười dị dòm trên cặp môi già còn đỏ như son :

— Thưa, Chúa công nói đúng đấy. Quả thực chỉ có những tên thợ vẽ tầm thường mới không khám phá nổi những vẻ đẹp ở trong sự xấu xí.

Tuy nhiên, dù rằng bề ngoài có bị người ta nhòm góm bao nhiêu, trong lòng ông ta vẫn còn lại một chút tình người, một tình người độc nhất còn lại trong ông. Vì Yoshihidé rất mực yêu thương đứa con duy nhất của mình, hiện làm thị nữ trong cung. Như ta đã thấy, nàng là một cô gái dịu dàng, đa cảm, và rất có hiếu với cha. Tuy thường bị xem

là biển lặn lặn, bủn xỉn, song Yoshihidé đã không quản ngại một sự tốn kém nào để sắm sửa chu toàn cho cô con gái quý. Có điều tình thương con của ông chỉ giới hạn đến đó mà thôi. Ông không hề có ý nghĩ tìm một người chồng cho con. Ông còn xua đuổi tất cả kẻ nào lăm le muốn tán tỉnh cô gái cưng. Ngày nàng được tuyên làm thị-nữ, ông tỏ vẻ bất bình ra mặt, ngay khi triều kiến Lãnh Chúa.

Nếu lời đồn không ngoa thì Yoshihidé vì lòng quyến luyến đứa con đã có lần xin cho nàng được trở về. Hồi đó theo lệnh Lãnh - Chúa ông có họa một bức hình Đức Phật Hải đồng thật đẹp. Lãnh Chúa xem rất hài lòng và hỏi :

— Nhà người muốn thưởng gì thì cứ nói. Ta sẽ cho ngay, đừng ngại gì cả.

Ông ta phủ phục quý xuống kính cầu thưa lên :

— Xin Chúa thương ra ân cho thần được lãnh đứa con gái về !

Nghe câu đáp, Lãnh Chúa tỏ ý bất bình, nín lặng một lúc không nói năng gì, rồi nhìn thẳng vào mặt người họa sĩ già, ngài phán :

— Điều ấy ta không thể chấp thuận cho người được.

Xong, ngài cắt đứt câu chuyện và lui vào.

Theo như chúng tôi nghĩ thì có lẽ Lãnh Chúa thấy việc giữ người thị nữ lại trong cung là tốt cho nàng hơn vì ngài muốn cho nàng được sống thong-dong giữa cung điện nguy nga hơn là về sống bên cạnh người cha quái gở kia. Tuy vậy cũng có kẻ nói rằng ngài đã đem lòng mến thương người thị-nữ dịu dàng hiền hậu đó.

Sau vụ ấy không hiểu sao lòng sùng-ái của Lãnh chúa đối với họa sĩ Yoshihidé bị giảm sút khá nhiều. Cho đến một ngày kia không biết bởi nguyên cớ nào ngài cho triệu gấp họa sĩ vào cung và truyền cho ông vẽ bức Bình Phong Hoả Ngục.

Nhắc đến mấy tiếng Bình Phong Hoả Ngục tôi đã hình dung ngay cái vẻ rùng rợn của nó. Tôi đã từng thấy những bức tranh địa ngục, nhưng mà tranh của Yoshihidé có một đường lối phối trí khác hẳn mọi người. Ở đây, hình ảnh Mười vị Thập điện Diêm vương và đám quần thần thủ hạ chơ tụ lại ở một góc nhỏ của bức họa, còn quãng giữa Bình Phong là cả một đám lửa phừng phừng nhuộm đỏ cả rừng dáo gươm trùng điệp. Đến nỗi, ngoài những tà áo vàng xanh lấp lánh của đám tội nhân tán loạn tơi bời, chỉ thấy cả một đám lửa ngùn ngụt lan phủ cả miền âm ty trong đó chập chờn múa nhẩy từng ngọn khói đen sì với những tia lửa lập lòe vàng chói.

Bức Bình-phong ấy chỉ với cái năng lực gợi cảm của nó cũng đủ thu hút con mắt mọi người. Hơn nữa, quần quại trong đám cực hình ấy không phải chỉ có mỗi một tội nhân như xưa nay người ta thường vẽ. Bởi vì trong số những tội nhân nheo nhóc đó Yoshihidé đã thể hiện đủ hạng, đủ lớp người, trong xã hội, từ những kẻ bần dân nghèo đói đến những giai cấp cao sang như các võ tướng đương triều trong bộ nhung phục tề chỉnh, những mệnh phụ phu nhân với áo dài năm nếp, những chiến sĩ trẻ trung với đôi giày gỗ đế cao, những nàng con gái mảnh dẻ trong tà áo tha thướt những phù thủy pháp sư với giải lụa phát phối trên tay...

Tất cả những nhân vật đó, trong con

quần quai dưới những cực hình của bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa, đang cuống cuống tìm nơi lẩn trốn, xao xác tả tơi như đám lá vàng trong gió. Hình ảnh những người đàn bà rúm ró như xác nhện đầu tóc quấn vào mũi đinh ba phải chăng là hình ảnh của những mù phù thủy trên trần gian? còn con người gục đầu ủ rũ như con dơi chuột kia bộ ngực lủng loét vì một lưỡi dao phải chăng là hình ảnh vị thái thú ở một tỉnh nọ? Và kia là cả một đám tội nhân lúc nhúc giã giụa dưới cây hèo sắt hoặc bị đè bẹp dưới tảng đá nghìn cân xâu xé dưới móng vuốt của đàn ác điều, ngoạm chặt trong cái mồm đầy nọc độc của loại mãng xà. Thôi thì đủ thứ cực hình đầy đoạ.

Nhưng điều khủng khiếp hơn hết giữa những điều khủng khiếp đó là hình ảnh một chiếc xe loan từ trời rớt xuống, lủng lảng trên một ngọn cây khòm cong như con ác thú thu hình thư thế giữa đám dáo giương chom-chởm bốn bề. Một cơn gió âm ty thổi tốc bức rèm che cho thấy bên trong bóng dáng một người đàn bà ăn mặc cực kỳ lộng lẫy trông như một hoàng hậu hay một phi tần, mái tóc đen tuyền phất phơ trong ngọn lửa, thân hình quần quai, mái đầu ngả quặt ra đằng sau. Vẻ mặt nàng biểu lộ một nỗi đau đớn tột cùng trong biển lửa bùng bùng vây kín. Có thể nói là tất cả những hình ảnh khủng khiếp nhan nhản trên khắp mặt Bình Phong chỉ là dùng làm bối cảnh cho cái nhân vật chính đó. Năng lực gợi cảm của bức họa thực là mãnh liệt đến nỗi chỉ nhìn vào đây người ta tưởng như nghe được những tiếng thét gào của cả miền địa Ngục.

tháng trời mới hoàn thành nổi bức họa. Mặc dù rất thương con suốt trong thời gian ấy ông cũng chẳng muốn gặp mặt đứa con gái quý nữa. Đó cũng là một thứ tật lạ của ông. Theo lời một môn đệ của ông, mỗi lần lao đầu vào trong công việc ông ta dường như là bị quỷ ám ma làm ấy. Cả ngày ông tự giam mình trong phòng kín và phải dùng tới những thủ đoạn khá kỳ dị để hoàn thành cái công trình phi thường ấy.

Nói như thế không phải tôi chỉ nói đến sự say mê gần như quên đất quên trời của ông mỗi khi bắt tay vào việc sáng tạo mà trong câu chuyện này nhiều người vẫn chưa quên nhiều chi tiết thật là quái gỡ nữa.

Một hôm, một đệ tử đang nghiên màu cho ông thì ông hấp tấp bước vào, bảo:

— Ta muốn ngủ một giấc. Mấy hôm nay ta thường bị ác mộng.

Vốn không lạ gì những việc như thế của ông nên người môn đệ vẫn không bỏ công việc trả lời hững hờ:

— Thưa thầy vâng!

Nhưng sắc mặt ông nhăn nhó một cách khác thường ông ta do dự một lát rồi hỏi:

— Con có thể ngồi canh ở đầu giường trong lúc ta ngủ chứ?

Người môn đệ hơi ngạc nhiên song đáp ngay:

— Xin tuân lệnh thầy

Gã thấy chuyện ấy chẳng có gì quan trọng cho lắm, song vị tôn sư vẫn còn băn khoăn lưỡng lự dặn thêm:

— Vậy con hãy theo ngay ta đến cuối nhà. Những đệ tử khác cứ tới nhưng con đừng cho ai vào phòng trong lúc ta ngủ nhé.

Chỗ ngủ là một góc phòng vẽ, bốn bề buông rèm kín mít. Trong ánh ngọn đèn, bức Bình Phong mới được phác họa bằng than. Tại đó Yoshihidé gối đầu vào khủy tay thiếp đi như người kiệt lực.

Ông ta nằm như thế được nửa giờ thì người đệ tử bỗng nghe cất lên một tiếng rùng rợn. Ban đầu chỉ là một tiếng động khẽ. Rồi một giọng nói ú ớ, như người đang chìm dưới nước, và những tiếng sau đây cất lên :

« Sao ? Người gọi ta à ? — Ở đâu ? — Người gọi ta ở đâu ? — Dưới âm ti ? Trong Hỏa ngục ? — Người là ai ? Ai nói thế ? Người là ai ? À té ra... »

Người đệ tử dừng tay nghiền màu và e ngại nhìn xéo khuôn mặt ông thầy. Sắc diện ông nhợt nhạt rúm ró và dăm dề mồ hôi. Cái miệng với đôi môi khô cứng và hàm răng thưa thớt, há hốc ra như để thở hồn hèn. Những câu nói phát ra từ nơi đầu lưỡi lầy bầy run giật...

« À nàng đây — Phải nàng rồi. Ta đã đoán chừng. Sao ? nàng đến tìm ta ? Kìa, nàng bảo ta tới sao ?... Xuống âm ti ? Có con gái ta đang đợi ta dưới ấy ? »

Người đệ tử cảm thấy rờn rợn tưởng chừng có một bóng quái gở như sương khói đi phủ dài lên mặt bức bình phong. Nhưng Yoshihidé vẫn triền miên trong giấc ngủ. Anh ta lay gọi mãi không thấy thầy mình tỉnh dậy, bèn đem chõ nước để rửa những cây cọ vẽ lên mặt thầy.

Yoshihidé vẫn còn khàn khàn ú ớ một hồi rồi mở bừng mắt, vùng phát dậy. Nhưng cặp mắt lạc thần như còn bị ám ảnh bởi một hình ảnh ma quái sau cơn mơ. Tuy nhiên ông trầm tĩnh ngay được

và ra lệnh với đệ tử một cách gắt gỏng:

— Thôi được ! Đi đi !

Nhưng chuyện ấy vẫn chưa thấm vào đâu so với nhiều chuyện khác. Một tháng sau, có một đệ tử khác được gọi vào. Trong ánh đèn dầu, Yoshihidé đang ngồi ngâm ngòi bút lông. Bỗng nhiên, ông quay lại đột ngột bảo:

— Ta nhờ con một việc nhé. Con hãy trút bỏ hết y phục ra đi !

Như xưa nay vẫn quen vâng lệnh thầy nên anh ta ngoan ngoãn, cởi hết y phục trên người. Ông thầy nhăn nhó một vẻ dị kỳ rồi lạnh lùng bảo :

— Ta muốn nhìn thấy một người bị trói chặt. Con chịu khó nghe theo lệnh ta nhé.

Gã đệ tử này có một thân hình vạm vỡ, lẻo ra thích hợp với nghiệp kiếm cung hơn là nghề rặng niu cây cọ. Tuy nhiên gã không khỏi thấy e ngại trước lời truyền bảo đó; Sau này mỗi lần kể lại chuyện đó, anh ta thường bảo :

— Lúc ấy tôi tưởng thầy tôi hóa điên, muốn đem giết tôi.

Yoshihidé thì càng thấy bộ điệu rụt rè của người đệ tử càng đâm bứt rứt. Ông lấy ở đâu ra một sợi dây xích, vụt choàng lên lưng người đệ tử và quấn chặt mình mẩy tay chân anh ta. Rồi ông giật mạnh đầu dây cho gã đệ tử ngã huych xuống đất. Gã đệ tử bị buộc chặt toàn thân chỉ còn ngo ngoe được có cái đầu và máu huyết ứ đọng đỏ rần cả người. Nhưng Yoshihidé dường như không bận tâm gì đến điều đó vẫn ung dung đi vòng quanh thân xác người đệ tử ghi lại bằng nhiều hình gần như nhau dưới mọi khía cạnh. Trong lúc đó, khỏi phải nói cũng biết là anh học trò trong giây xích đau đớn đến mực nào.

Cái cực hình ấy không biết sẽ còn kéo dài tới bao lâu nữa nếu không xảy ra một chuyện bất ngờ. May mắn làm sao, hay rủi ro làm sao thì đúng hơn, một lúc sau đó từ trong một cái bình đặt nơi góc tối căn phòng có một vật gì dài dài manh mãnh nhoi mình trườn ra như một dòng mực đen. Ban đầu nó còn di chuyển chậm chậm, nhưng liền sau đó nó uốn mình lượn bò khắp phòng và mò đến đầu mũi anh đệ tử. Gã này chợt thấy thét lên không hợp hơi :

— Con rắn ! Con rắn !

Lúc ấy cái lưỡi rắn đã chạm đến ngang cổ của người đệ tử đang bị giây xích xiết chặt. Trước biến cố bất ngờ đó, Yoshihidé mặc dù can trường lì-lợm cũng phải cuống lên. Ông vút vội cây cọ rồi chồm tới nắm lấy cái đuôi con rắn nhấc lên vất mạnh vào trong cái bình đằng cuối phòng, miệng cắn nhả.

— Tại mày, làm tao hỏng mất một nét vẽ tuyệt-vời.

Rồi ông vừa bực bội mở trối cho người đệ tử, chẳng thềm nói lấy một câu an ủi sau cái tai nạn hãi hùng ấy. Hình như con rắn đã được ông nuôi từ lâu để làm kiêu mẫu.

Chỉ xem một chuyện đó đủ thấy cái đam mê với công việc của họa sĩ đến bậc nào. Thế nhưng chưa hết. Còn một câu chuyện này nữa. Một cậu đệ-tử độ mười ba mười bốn tuổi gì đó cũng vì cái bức Bình phong Hòa ngục ấy mà đã phải trải qua một cơn thử thách điếng người, tưởng suýt mất mạng. Hắn có một nước da trắng trẻo và thân hình như con gái. Một đêm kia, được lệnh thầy gọi, hắn vội vàng đến trình diện.

Yoshihidé đang dứt ăn cho một con

chim kỳ dị, thức ăn đựng trong lòng bàn tay như tuồng một miếng thịt. Thân hình nó bằng cỡ con mèo, trên đầu có hai chòm lông dựng lên như hình dạng hai tai, cặp mắt tròn xoe màu hổ phách.

Người đệ tử nghi bụng con chim ghê tởm này cũng là một thứ kiêu mẫu dùng cho bức Bình-phong, mà thầy mình thường nuôi giữ bí mật trong phòng vẽ, cho nên hần bước đến kính cần cúi đầu trước mặt thầy :

— Con xin đợi lệnh thầy-

Yoshihidé có vẻ như không nghe lời đệ tử, lè lưỡi liếm vành môi khô, bảo :

— Mày nhìn coi con chim này. Lạ lắm hả. Nó là con cú-mèo đó. Một lão thợ săn ở Kurama mới gọi biểu ta được hai, ba ngày nay.

Nói xong, Yoshihidé đưa bàn tay nhẹ vuốt lên chòm lông dựng đứng trên lưng con chim vừa mới ăn xong mấy miếng mồi. Lập tức nó kêu lên một tiếng lãnh lót và đập cánh bay tung lên giương móng vuốt chơm chớm nhắm đầu tên đệ-tử bồ xuống. Nếu lúc đó hắn không dẩu vội mặt sau tay áo thì đã khó tránh khỏi mấy vết trầy da rồi. Gã hét lên một tiếng nhỏ và đưa tay cố xua con chim đi. Tội nghiệp cho gã đệ-tử, lúc đứng lúc ngồi khi chạy chỗ này khi chạy chỗ khác trong căn phòng chật chội, cuống cuống lẩn tránh con chim, quên cả sự hiện diện lúc đó của thầy mình. Còn con chim kỳ dị kia thì vẫn tới tấp bám chặt lấy gã, không hở một giây. Gã đệ tử có cảm tưởng như thầy mình hoàn toàn bỏ mặc mình cho chết.

Chính những cuộc tấn công dữ dội của con cú mèo cũng không làm cho gã thấy

ghê sợ cho bằng cái thái độ thản nhiên lãnh đạm của ông thầy mình. Ông ta lẳng lẳng ngồi mút cây bút trước tờ giấy rộng, vừa ngắm cái quan cảnh hỗn loạn đó, vừa ung dung ghi lại cái cảnh tượng ma quái của một con ác điều đang cấu xé một cậu con trai dịu hiền như đứa con gái ấy.

Khi gã đệ tử thấy được cử chỉ của ông thầy thì hần lấy tay áo che đầu, kêu thét không thành tiếng nữa và cứ thế hần nép vào xó cửa ra vào ở góc phòng. Gã có cảm tưởng như lúc đó thầy hần đứng lên và hần nghe thấy giọng hoảng hốt của ông. Đột nhiên, con cú mèo đập cách dữ dội hơn. Có tiếng đồ vật đổ, vỡ từng chập một. Tên đệ tử càng mất cả hồn vía chẳng hiểu sao đứng vụt dậy, tay vẫn che lấy đầu. Căn phòng tối mù. Giọng của ông thầy giận dữ quát gọi các đệ tử vang lên trong đêm tối.

Lát sau, một anh từ xa đáp lại, chạy tới tay cầm đèn. Dưới ánh sáng bị muội khói che mờ, mọi người trông thấy cái đèn đồ lẩn kèn và trong vũng dầu lênh láng ở mặt chiếu, sàn nhà, con cú mèo lăn lộn tứ phía, rầy rụa khó nhọc bằng có một cánh thôi. Phía bên kia cái bàn, Yoshihidé đứng sững, kinh hoàng, lăm lăm những gì không rõ; Nhưng kla! Quanh mình con chim, từ cổ đến cánh, một con rắn đen sì quấn chặt. Thì ra sự việc xảy ra thế này. Đúng lúc gã đệ tử nép vào góc phòng thì hần làm đổ cái bình.

Con rắn đã từ bình bò ra và con cú mèo vội bỏ đến một cách liêu linh. Do đó mà sinh ra sự va chạm đồ vỡ. Hai

tên đệ-tử đưa mắt cho nhau, kinh ngạc nhìn cảnh tượng lạ kỳ đó rồi họ cùng cúi gập mình trước mặt thầy mà len lén rút lui. Sau cùng chẳng ai rõ con rắn với con cú mèo ấy rồi ra thế nào.

Người ta có thể kể lại rất nhiều câu chuyện tương tự như thế. Tôi quên nói rằng lệnh đặt vẽ bức Bình phong được truyền tới, từ đầu. Thu-sau đó, suốt cả mùa Đông, các đệ-tử của Yoshihidé đều lúc nào cũng phải thường xuyên thủ thế trước tính nét dị thường của Thầy họ. Vào cuối đông, người ta có cảm tưởng như nhà hoạ sĩ, chẳng biết có sự trở ngại gì mà không sao tiếp tục công việc được nữa. Ông tỏ vẻ buồnthảm hơn bao giờ hết. Những ý tình của ông lại trở nên khả ố hơn trước rõ rệt. Còn bức Bình-phong, vẽ được ba phần tư rồi, mà có vẻ như không thể tiến hành thêm được chút nào nữa. Dường như vì một lẽ nào đó hoạ sư có thể chẳng ngần ngại xoá bỏ hết tất cả những gì ông đã vẽ được từ trước tới lúc đó.

Tuy nhiên cũng chẳng ai hiểu trở ngại gì đã làm cho ông không sao hoàn tất được tác phẩm như thế. Cũng chẳng ai tìm hiểu nguyên do nữa. Điều đáng vì các sự việc trước đó, nên các đệ tử của ông, giống như bị giam chung trong một chuồng với loài chó sói hay loài cọp, chỉ cố sao tránh ông Thầy càng xa được chừng nào càng hay chừng ấy.

(Còn tiếp một kỳ)

NẾP SỐNG HÔM NAY CỦA VĂN-NGHỆ-SĨ :

LÊ-PHƯƠNG-CHI phỏng vấn

Nhà văn VÕ-HỒNG



Tên thật được dùng làm bút hiệu.

Sinh ngày 5-5-1921 làng Ngân Sơn, quận Tuy An, tỉnh Phú Yên. Đã cộng tác với các tạp-chí : Bách khoa, Văn hữu, Mai, Giáo dục phổ thông, Văn, Giữ thơm quê mẹ, Tin văn. v. v..

Tác phẩm đã xuất bản : *Hoài Cổ Nhân* (Ban Mai xb 1959) *Lá Vãn Xanh* (Thời Mới xb, 1962), *Vết Hằn Năm Tháng* (Lá Bối xb, 1965) *Con Suối Mùa Xuân* (Lá Bối xb, 1966) *Khoảng Mát* (An Tiêm xb, 1966), *Hoa Bươm Bướm* (Lá Bối xb, 1966)

Võ Hồng con cả (3 trai, 4 gái) trong một gia đình điền chủ, anh mồ côi mẹ lúc 11 tuổi. Thuở nhỏ, anh học qua các trường xã (Ngân Sơn), trường Phủ (Tuy An). Năm 1940, đậu Thành chung xong, anh ra Hà nội theo học ban Tú tài, thì đồng thời anh học luôn cả Nhật ngữ. Năm 1943 gặp lúc Hà nội bị đồng minh dội bom, anh chạy luôn về quê. Năm 1945, anh giữ chức bí thư cho ông T.V.L ở Dalat (trong chánh phủ Trần Trọng Kim), vì anh biết Nhật ngữ, lúc bấy giờ chính quyền rất cần người biết tiếng Nhật làm việc. Trong những ngày ở Dalat,

anh quen một bạn gái và sau ngày V.M cướp chính quyền, gặp lại nhau trên đường chạy loạn từ Dalat xuống Phan rang, Nhatrang về Tuyhòa, hai người đã tìm hiểu nhau đề sau đó, một hôn lễ cử hành tại xã Ngân Sơn. Rồi vợ chồng Võ Hồng sống rất hạnh phúc trong những ngày kháng chiến với nhiệm vụ dạy học ở vùng quê anh. Mãi đến năm 1951-1952, quân đội Pháp mở chiến dịch Atlante đổ bộ lên Tuy-Hòa, đề vợ ở lại nhà, một mình anh theo đoàn cán bộ địa phương chạy ra vùng Bình-định,

Không thích dạy học nữa, anh đi làm thợ hớt tóc bằng cách theo một người thợ lành nghề trong vùng, dù anh chưa hề hớt tóc lần nào. Sau hiệp định Genève, tháng 8 năm 1954, anh trở về Dalat vì bấy giờ vợ anh đang dạy học ở đây. Thấy mình đã bỏ sách vở trong 9 năm liền qua, anh liền nằm nhà đọc sách để cho bớt lạc hậu. Rồi vợ anh mất vì bệnh tim, để lại cho anh ba con một trai hai gái (con gái đầu lòng lên 9, con gái út mới lên 3). Anh đưa các con về Nha trang, đi dạy học nuôi con từ bấy đến nay. Anh vẫn dạy các môn Khoa học, Sử địa, Việt văn Pháp ngữ, Công dân cho các trường Trung học Lê-Quí-Đôn, Bồ Đề tại thị xã Nha trang, trung bình anh dạy trên 30 giờ mỗi tuần.

Anh viết văn từ năm 1939, khi còn học đệ tam niên (3e année). Truyện ngắn đăng trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy khoảng giữa năm 1939, với bút hiệu Ngân Sơn. Ngân Sơn là quê của anh, một làng nổi tiếng về dệt gấm đẹp, nơi đã gọi hứng, cho thi sĩ Quách Tấn (người đồng hương với Võ Hồng) đã cho xuất bản tập thơ «Mộng Ngân Sơn» đề ca ngợi vùng quê hương thơ mộng ấy.

Sau này nhân đi dạy học, lòng yêu văn chương của anh càng sâu đậm thêm. Trong mỗi lần giảng bài Quốc văn cho học sinh, anh thấy tiếng nói là sợi dây thiêng liêng khéo nối liền những người cùng một quốc gia, một ngôn ngữ với nhau.

Những lúc giảng các bài cổ văn qua các bài thơ của Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Bình-Khiêm, Đoàn-thị-Điềm, anh nghĩ rằng «nếu không có những bài ấy, thì giữa tổ tiên và chúng ta sẽ có một

khoảng trống ghê gớm». Làm sao biết được cách đây 300 năm, 500 năm, tổ tiên mình đã sống, đã cảm nghĩ thế nào? Anh cho rằng những bài văn, bài thơ là thứ sử liệu để phổ cập hơn hết. Anh đã từng «cảm động xót xa khi đọc những câu Chinh phụ ngâm, vì trước chúng ta ngót 300 năm mà tổ tiên mình đã sử dụng ngôn từ điêu luyện đến mức tuyệt diệu như vậy». Qua kinh nghiệm đó, anh nghĩ rằng người làm văn chương hôm nay, dù hay dù dở, cũng vẫn đang làm một việc có ích cho thế hệ đến sau.

Anh bận dạy học nên thì giờ dành để viết rất bị hạn chế. Đã thế lại còn phải lo săn sóc con, lo coi sóc việc nhà. Vợ anh mất đã mười năm hơn rồi, những việc lật vạt như mua sữa, mua gạo, hay rèm cửa, mua sắm cho con, ân nghĩa thù tạc, đưa con đi bác sĩ... anh đều phải tự mình lo lấy.

Anh thường viết vào mọi giờ rảnh. Có khi thì năm giờ sáng, tỉnh ngủ, bật đèn, nằm trong giường viết cho đến bảy giờ sáng. Viết được nhiều nhất là buổi tối, chiều thứ bảy và cả ngày chủ nhật. Thường cứ tối ăn xong là vào bảy giờ rưỡi, nghe BBC nửa giờ, hoặc có hôm bố con rủ nhau vào giường ngồi đánh bài. Bốn bố con thường đánh cát-tê bằng một bộ bài năm mươi hai con. Ăn thua bằng kẹo hay hạt dưa. Đó là dịp để cha con chơi đùa với nhau. Vào những ngày ở thủ-đô xảy ra Cách-mạng, Đảo chánh, các con anh bày ra lối đánh cát-tê «đảo-chánh». Nghĩa là thay vì con Xi ăn con Già, con 9 ăn con 8 thì nay làm ngược lại, đảo-chính, con Xi thua con Già, con Già thua con Bồi. Cố nhiên là theo phương thế đảo chánh thì con 2 là con bài lớn nhất trong bộ bài,

Đánh theo lối thường chán rồi thì hè nhau đánh cát-tê đảo chánh. Đến 8g, con lo học phần con, bố vào phòng riêng để viết.

Đi xi-nê, anh thích đi với một người bạn thân. Thường thì đi với con gái út là Tri - Thủy. Hồi nhỏ đi học, anh mê xi-nê lắm. Bây giờ thì không còn ham bao nhiêu. Ưa những truyện phim xã hội tình cảm hơn là phim cao bồi đấm đá. Anh không mượn xi-nê để giải buồn, mà thường đi khi có niềm vui. Để thưởng mình sau nhiều ngày làm việc lu bù. Khi buồn, làm việc nhiều hơn là đi tiêu khiển. Còn cái lương thì gánh nào nổi tiếng là anh chọn đi một đêm để biết nghệ thuật của họ. Ngồi ở hàng ghế đầu, tránh tiếng rồ của máy phóng thanh, theo dõi từng nét biến chuyển trên khuôn mặt của diễn viên... nhưng chỉ một đêm thôi. Anh ưa nghe «giọng ca tròn và ngọt» của cô Thanh Nga.

Về tân nhạc, anh yêu tiếng hát của cô Hoàng Oanh, «tiếng hát đó mạnh, lao vút tới, rộng và ấm» làm anh nghĩ đến tiếng hát của con chim cường. Giống chim này báo hiệu mùa Hè, tên nó không đẹp nhưng hình dáng, màu sắc đẹp lắm và tiếng hát thì... tuyệt. Về nhạc bản, anh yêu bản «Ai lên xứ hoa Đào». Mỗi lần đang làm việc mà nghe pick-up vặn đĩa hát đó là anh bỏ hết công việc ngồi nghe cho đến hết bài. Có lẽ vì lời ca nhắc nhở đến những kỷ niệm. Hồi đi học ở Hà-nội, mỗi lần qua rạp Majestic nghe hát bản Ramona, anh cũng có tật đứng nghe cho hết bản mới chịu đi.

Anh ít uống cà-phê. Thích uống trà hơn, trà xanh. Nếu là trà ướp hoa thì thích trà ướp hoa sen.

Các món ăn, anh thường than «vì không có một người đàn bà để mình làm nũng nên mình phải bằng lòng món gì mà chị bếp dọn lên cho mình.» Anh thích cá sông hơn cá biển vì thịt cá sông có mùi thơm hơn. Thích nhất là măng tươi. Khi luộc lên, «măng tươi có hương thơm và vị ngọt đặng đặng như hương vị của trà vậy.» Các món ăn tráng miệng anh thích nhất là trái xoài, còn sầu riêng thì có hương vị pha chế thông minh, anh có cảm tưởng đang ăn một loại crême đặc biệt. «Một giống trái cây vừa ngọt và ngọt vừa, vừa thơm vừa béo, vừa... chịu không thể nào nói hết sự tinh diệu của nó».

Thuốc lá thì khi đi dạy, mỗi ngày hút độ 5, 6 điếu. Ngày nghỉ và khi viết thì hút nhiều hơn. Hễ viết tới chỗ bí thì đốt điếu thuốc. Khi viết được đoạn hay thì tự thưởng mình bằng điếu thuốc. Khi cô đơn buồn, cũng hay đốt thuốc đặt bên cạnh để nhìn khói nó vươn lên. Khói thuốc trở thành một thứ sinh vật làm bạn với mình. Không nghiện hẳn một loại thuốc nào. : Cotab, Philipp Morris, Sa lem, Winston, Capstan... Nhưng hút đi một vòng thì thấy yêu loại thuốc vàng hơn thuốc đen. Capstan chẳng hạn. Tửu lượng của anh kém lắm. Uống một ly bia đã đỏ mặt,

Khi viết, anh có một tật là hay nằm trong giường mà viết, kê một tấm carton nhẹ nghiêng nghiêng, bản thảo đặt lên và viết bằng bút máy. Không dùng ngòi viết BIC vì khi nằm như vậy, bút bị chổng ngược, mực không chảy đều. Không viết trong giường thì na tấm carton ra ngồi ở ghế xa-lông mà viết, hoặc nằm ở ghế dựa, đặt dưới gốc cây trướng

cá, dưới bóng cây ôi, cây mận. Luôn luôn có những cánh hoa trắng rơi lả tả trên áo, trên trang giấy, trên mặt đất xung quanh nên mình phải phí một số thì giờ để mơ mộng.

Anh thích viết trên giấy manh kẻ ô vuông. Ghép một xấp độ năm sáu tờ cho nhẹ. Khi giấy hết mà đang lúc hứng thì bạ gặp gì cũng chụp viết lên, có khi là mặt sau một tờ lịch, mặt sau một tờ thông báo của Ty Thuế-vụ, chỗ trống của một phong bì thư vừa nhận được. Mỗi lần ngồi đọc lại chữ viết của mình trên một tờ bản thảo nhằm nhí bất ngờ như vậy, anh thấy niềm vui thích tăng lên vì mình vừa biến một vật bỏ đi thành một vật có ích.

Viết bản thảo, anh luôn luôn viết chữ rất nhỏ, viết mau và để mình cố gắng ngồi lâu hơn. Thường khi viết độ tám trang chữ nhỏ như vậy anh biết sẽ xếp được mấy trang chữ in, vừa đủ cho một truyện ngắn trung bình hoặc một chương truyện dài. Đạt tới mức đó rồi thì thường ngồi bút muốn làm reo, trí óc không muốn suy nghĩ thêm nữa, anh bỏ bút đi ra sân một lát, đi dưới bóng cây vài vòng.

Anh viết chậm chậm rãi như anh làm một bài thơ Đường luật. Dạy học trò thì anh thường bảo chúng cứ viết tràn đi rồi sửa chữa sau, nhưng đến lượt mình thì lại thực hiện một cách khó khăn. Anh viết chậm một phần cũng do tính thận trọng. Có hai truyện dài viết xong trước năm 1945, hiện giờ vẫn còn giữ bản thảo, nhưng anh nghĩ rằng nó đã mất thời gian tính nên cất kỹ trong tủ để làm kỷ niệm.

Truyện nào viết xong, anh cũng phải sửa chữa đến ba, bốn lần. Khi đã bằng

lòng rồi thì để đó, đợi chừng nửa tháng sau, đọc lại thấy không có gì thêm bớt nữa mới chép lại sạch sẽ, đem nhờ mỗi học sinh chép lại giùm một bản để giữ lưu chiếu. Bản tự tay anh chép được, gửi đi. Gần đây, mỗi khi sửa chữa xong một truyện, anh đọc lại ghi vào băng magnetophone rồi giao cho người đánh máy.

Viết một truyện dài thì cực nhọc hơn. Chỉ một việc xây dựng nhân vật, xếp đặt tình tiết cũng phải mất hàng năm sáu tháng. Lúc nào có thì giờ rồi là ngồi yên lặng nghĩ đến nhân vật và tình tiết. Nghĩ đến lúc ngồi trên xe đi phố, khi ngồi ở phòng giáo sư giữa hai xuất dạy.

Anh có một nỗi cực trong khi viết là tìm tên cho nhân vật. Không bao giờ anh có sẵn, anh cứ tạm đặt những ký hiệu như cô H, cô T, ông N, vân vân. Trong bữa ăn, anh nhờ các con chọn hộ tên, đứa nào thấy cái tên mà nó cho là đẹp là hay thì cứ đề nghị. Nhiều cái tên đứa này cho là hay thì đứa kia lại chê là quê. Khi các con anh đã cạn ý kiến, thì anh lục mấy danh sách học sinh cũ ra để chọn. anh tôi viết truyện «Chống biểu tình» (1) anh đem đủ 25 tên học sinh của một lớp ra để đặt đủ cho 25 nhân vật trong truyện. Trong truyện có nhân vật làm thầy giáo, có nhân vật làm học trò, học trò giỏi ngoan và học trò cao bồi. Anh giao hẹn: cứ theo thứ tự danh sách, may nhờ rủi chịu, không được kỳ kèo. Mọi người đồng ý. Khi truyện đăng lên thì cả lớp cười một bữa. Bùi Anh Vũ đầu cúp ca-rê thì trong truyện thành ra anh thanh niên tóc dài vuốt tém. Anh Xuân rút rất hiền lành thì trở thành tên học trò ưa đâm chém có vết dao nằm vắt qua mặt.

(1) Đã đăng trên BK, TĐ. số 235 ngày 15-10-66.

Khi anh chọn nhầm một tên nhân vật đã dùng vài lần rồi thì bé Tri Thủy nhắc liền. Nó có trí nhớ tốt và theo dõi các truyện của bố viết kỹ hơn bố. Nhiều khi anh phải hỏi ý kiến của người cố vấn nhỏ đó. Chẳng hạn trong truyện «Khoảng trống sau lưng», nhân vật nữ thích uống rượu gì vậy con? Hoặc: trong chuyện «Đốc hiềm nghèo», người đàn bà đẹp tên gì vậy Thủy? Tri-Thủy trả lời liền, không cần lật sách ra kiểm lại.

Tên truyện cũng là đầu đề thảo luận giữa cha con anh trong các bữa ăn. Hằng, con gái đầu của anh thường đề nghị những cái tên hay. Tuy nhiên có những tên truyện anh tìm đến 4, 5 tháng vẫn chưa vừa ý. Trong khi đó thì có bạn thân đưa truyện của họ vừa sáng tác xong và nhờ anh tìm cho cái tên. Anh đặt tờ giấy cứng trên mặt radio cạnh giường nằm rồi hễ cứ nghĩ được tên nào là ghi vội lên đó. Đặt tên cho truyện bạn, đặt tên cho truyện mình, anh cho đó là việc vừa đặt tên cho con, vừa đặt tên cho cháu.

Những hàng vải, kiểu áo, kiểu giày thì các cố vấn là những cô học sinh của các lớp anh dạy. Nhiều cô nay đã có chồng nhưng vẫn năng viết thư về giúp ý kiến.

Hào, thằng con giữa thì ít có ý kiến về mục văn chương. Nó thích Toán và Khoa học hơn.

Những câu chuyện trong bữa ăn mà có ý kiến gì hay, hình ảnh phổ diễn gì ngộ nghĩnh, thì bé Thủy bỏ đĩa, lại đứng ghi ở tờ giấy dán sẵn ở cạnh tủ áo. Những ý đó hôm sau anh sẽ dùng để viết. Có khi bé Thủy ghi ở quyển

ghi chép anh đặt dưới nệm nơi đầu nằm. Anh hay bất chợt có những ý nghĩ ngộ nghĩnh khi nằm, nên sờ tay, nhật ký, lúc nào cũng ở dưới đầu giường. Khi anh dạy học, hễ bất chợt có ý nghĩ gì hay, là lật bla vở soạn bài ghi liền. Thành ra cứ chừng ba bốn tháng, kiểm lại các bla vở để lọc ra những ý đã ghi rải rác lên đó.

Anh yêu cảnh thiên nhiên hơn thành phố. Sau khi ở lớp dạy ra, anh hay cho xe chạy dọc bờ biển. Những bữa biển động, sóng to nước đục, anh thích đứng nhìn biển hơn là những hôm lặng sóng. Nghỉ hè thì anh đi Đà-lạt sống giữa rừng thông, sương mù và cỏ tranh. Anh yêu cây cỏ chim chóc và súc vật. Yêu hoa hồng nhưng hoa hồng khó chăm bón, nên đành yêu hoa lan màu tím chịu đựng nắng gió hơn. Không thích nuôi mèo. Con chó Tô ở với gia đình anh mười năm, khi nó chết anh tự tay săn sóc lần cuối, thuê người đem chôn nó, mặt nhìn ra sông bèo Thái-bình-dương. Anh hay mua trứng vịt đem về cho gà ấp để nuôi chơi. Truyện «Mẹ gà con vịt» là truyện có thật. Có con gà mái nuôi bốn năm, già quá phải sáng bê xuống chuồng, chiều bê lên chuồng. Con vịt đẻ nay đã ba tuổi vẫn đi theo gà mẹ.

Trên tường trước, mặt bàn viết anh, treo một ảnh lớn của Marilyn Monroe. Khuôn mặt đẹp tươi và cái chết bi thảm đó anh cho là có giá trị của một bài học lớn. Anh có cảm tình với Marilyn từ phim Misfitos, trong đó nàng phản đối sự dã man của lũ săn ngựa rừng.

Những nhân vật trong các truyện của anh thường không mang những cá tính

đặc thù thái quá. Anh muốn tả những con người bình thường, những con người thật gần gũi với mọi người chứ không cố ý tạo dựng những nhân vật «chịu sự khổ sai của tác giả». Họ sẽ mất nhân tính — theo anh nghĩ — và anh không nỡ nhìn họ biến thành công cụ của sự thông minh của người viết.

Có những truyện như *Trận Đòn Hòa Giải*, *Xuất Hành Năm Mới*, *Mẹ Gà Con Vịt...* anh hi vọng được in ra nhiều để trẻ em có dịp được đọc. Anh tin rằng chúng sẽ yêu thương cha mẹ chúng nhiều hơn và những gia đình có vợ chồng hay xích mích với nhau sẽ có thể hòa thuận nhau hơn.

Có những trường hợp cảm động đáng nhớ là truyện «*Tình Yêu Đất*» lấy nhân vật và khung cảnh ở ngay làng Ngân Sơn. Khi Bách-Khoa vừa đăng thì vừa lúc ông Bác từ trần. Anh đưa mấy con về quê. Ngôi mộ của ông Bác nằm trên cái Gò Đình đó và ngẫu nhiên mà trong số ba người thanh niên hôm ấy đứng vun mộ lại có một anh là con của nhân vật Lão Túc. Trong các truyện của Võ Hồng thường mang những tên làng xóm sông núi của tỉnh Phú-Yên, nên đồng bào Phú-Yên bị chiến tranh phân tán đi lập nghiệp phương xa thường tìm đọc để nhớ về quê hương; Nhiều người viết

thư gửi về cho anh đề bày tỏ niềm nhớ quê do những truyện đó gợi lên.

Hè năm ngoái, viết xong *Hoa Bướm Bướm*, bản thảo vừa gửi đi thì anh đưa con lên nghỉ ở Dalat. Anh chỉ cho các con xem ngược con đường mà các nhân vật đã đi qua: Ga cây Cày, nhà thờ, Hồ Diêm — Phương Cựu — Tháp Chàm Đồng Mé — Cầu đất v.v.. Cầu đất là nơi gợi nhiều cảm xúc xót xa hơn hết bởi vì nơi sở trà cao đó, ngày kháng chiến là trại giam, nơi đó cô Quỳ (nhân vật trong *Hoa Bướm Bướm*) đã sống những ngày lo sợ hãi hùng.

Anh thấy được an ủi nhiều nhất trong đời viết văn là những khi đang dạy ở lớp này mà nghe ở bên lớp kia giáo sư và học sinh giảng bài giảng văn trích ở truyện của mình viết. Hoặc khi được độc giả có lòng mến gửi thư thăm, gửi cho quà của địa-phương như mận Dalat, trái bớ, bánh và trà, hoa... Có người nhận đọc *Con suối mùa xuân* mà đan tặng cái áo len. Có người mời lên đồn điền của họ ở Lâm-dồng để viết trong những tháng nghỉ Hè.

Anh cho rằng độc-giả nước ta đang ở trên đà coi người viết như bạn của họ, muốn tham dự vào sự hình thành những sáng tác văn chương. Đó là một dấu hiệu tốt.

TTCHCH đêm 1-6-1967
LÊ-PHƯƠNG-CHI

TIN VUI

Chúng tôi vừa được thiệp hồng Anh Chị PHẠM-KỶ-NGÕI tự KHÔNG-NGHI ở Vinh-Kim, Long-định, Định-tường cho hay ngày 21-5-67, Anh Chị làm lễ thành hôn cho trưởng nam là PHẠM-KIM-THINH với cô NGÔ-THỊ-SEN, trưởng nữ ông bà NGÔ-HỮU-CHÂN ở tỉnh lỵ Mĩ-tho.

Chúng tôi xin góp vui với Anh Chị và chúc hai cháu tóc tơ bền chặt

LÊ-THƯƠNG, TRẦN-VĂN-KHÊ, NGUYỄN-HỮU-NGƯ

Thế giới, trong những tuần qua

• TỪ TRÌ

Trong vài tuần qua một biến-chuyển được người ta chú trọng tới nhất là tình trạng căng thẳng tại Trung-Đông. Do-thái đang bị các quốc gia Á-Rập lân cận đe dọa. Tại Âu-Châu một lần nữa De Gaulle lại đóng cửa Thị-trường-chung không cho Anh vào và tại Á-Châu Trung-Cộng đã khuyến khích giới lao-động nổi loạn ở Hồng-Kông và đồng thời tổ chức nhiều cuộc biểu-tình bài Anh trên Hoa-Lục

Trung - Đông : chiến tranh bùng nổ

Tại Trung-Đông một bên là các quốc gia Á-Rập, một bên là Do-Thái, hai bên đã tích cực chuẩn bị chiến tranh từ mấy tuần qua. Ở Thủ-đô Ai-Cập, Le, Caire, các tu sĩ đang kêu gọi nhân-dân cầm súng dự cuộc thánh-chiến chống Do-Thái. Tại Jérusalem, thành phố chia đôi, Do-Thái và Jordanie mỗi bên một nửa, các trẻ em Do-Thái phải góp mỗi em 2 bao cát để phòng thủ trường-học. Do-Thái, Bắc giáp Syrie, Đông giáp Jordanie và Arabie Séoudite, Tây và Nam giáp Ai-Cập, đã bị bao vây tứ phía. Từng đoàn xe thiết giáp Á-Rập kéo tới biên-giới Do-Thái. Tình trạng căng thẳng này chỉ là một giai-đoạn mới của 19 năm chống đối giữa Do-Thái và các nước Á-Rập.

Palestine thuộc lãnh thổ Do-Thái hiện nay, trước kia thuộc Đế-Quốc Thổ-Nhĩ-

Kỳ. Những dân Do-Thái tại vùng này ôm mộng lập một quốc-gia Do-Thái ở Palestine, quê-hương của họ theo Thánh-Kinh. Khi Đệ-nhất Thế-chiến đang diễn ra ở Âu Châu, để có sự ủng hộ của dân Do Thái trong công cuộc chống Đức, chính phủ Anh tuyên bố khi chiến tranh chấm dứt sẽ giúp thành lập một quốc gia Do-Thái. Sau khi chiến tranh chấm dứt, một hòa, ước giao cho Anh quyền quản-trị Palestine. Từ đó chính phủ Anh cho phép các người Do-Thái ở rải rác trên thế-giới tới định-cư tại Palestine. Nhưng dân Á-Rập hết sức bất mãn trước sự hiện diện của dân Do-Thái mỗi ngày một đông tại Palestine, vì họ cho Palestine thuộc về Á-Rập. Sau đê-nhị thế-chiến, dân Do Thái tới đông hơn nữa, nhất là các nạn nhân của Đức quốc xã. Nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra giữa chính quyền Anh, Á-Rập và Do-Thái. Trước cuộc chiến tay ba này, chính phủ Anh bèn giao cho Liên - Hiệp - Quốc quyền quyết định. Tháng 11 năm 1947 Đại Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc biểu quyết lập một quốc gia Do - Thái ở Palestine. Các nước Á-Rập không chấp-thuận quyết-nghị của Liên-Hiệp-Quốc và thề cùng nhau "đẩy dân Do Thái xuống biển". Tháng 5 năm 1948, David Ben Gourion tuyên bố thành lập quốc gia Do-Thái độc-lập và quân đội các nước Á-Rập là Ai-Cập, Liban, Iraq,

Syrie, Transjordanie và Arabie Séoudite tấn công Israël. Quân đội Ả-Rập thua trận vì quân đội Do-Thái thiện chiến hơn và các quốc-gia Ả-Rập không được đồng tâm. Thật vậy khi quân đội Transjordanie chiếm được một phần lớn đất Palestine có người Ả-Rập ở, bên kia sông Jourdain, bên tự động ngưng chiến và sát nhập khu vực mới chiếm được để lập thành nước Jordanie. Trong khi đó Ai-Cập chiếm giải đất Gaza. Năm 1949, Liên-Hiệp-Quốc làm áp-lực bắt các quốc-gia Ả-Rập và Do-Thái phải đình chiến. Năm 1950, ba quốc gia Anh, Mỹ, Pháp, trong một bản tuyên cáo chung: «bảo đảm lãnh thổ và biên giới hiện-hữu của Do-thái và các quốc gia Ả-Rập».

Nhưng từ lúc đó trở đi nhiều xung đột đã xảy ra tại biên-giới Do-Thái. Trong khi Do-Thái nỗ lực phát triển kinh tế, những đoàn cảm tử Ai-Cập từ sa mạc Sinai luôn luôn đột kích biên-giới Do-Thái. Nguy hơn nữa, giao thương của Do-Thái đều phải qua Hải-cảng Elath, mà đường từ Hồng Hải vào tới hải cảng Elath phải qua eo-biên Tiran và vịnh Akaba, dưới quyền kiểm soát của Ai-Cập và Arabie-Seoudite. Giao thương của Do-Thái với Đông-phương hết sức khó khăn vì Nasser vừa cấm tàu bè Do-Thái qua kênh Suez, vừa cấm qua vịnh Akaba. Muốn phá vỡ sự phong-tỏa của Ả-Rập, năm 1956 Do-Thái đã cùng với hai quốc gia Anh, Pháp, tấn công Ai-Cập sau khi Kênh Suez bị Ai-Cập quốc-hữu-hóa. Sau cuộc chiến-tranh chớp nhoáng mà Do-Thái đã hoàn toàn thắng lợi này, Hội-đồng Bảo-An đã ra lệnh đình chiến và quân Liên-Hiệp-Quốc được gửi tới để kiểm soát tại biên-giới Ai-Cập và Do-Thái vào năm 1957.

Mười năm qua, chiến tranh lại bùng nổ trở lại giữa Do-Thái và các quốc gia Ả-Rập. Thật ra lửa chiến tranh đã âm ỉ cháy từ lâu. Tổng thống Nasser đã khéo biến sự thất trận của ông thành một thắng lợi ngoại giao. Từ đó, ngôi sao Nasser càng ngày càng lên: Nasser vào khoảng 1957, 1958 đã là một lãnh tụ của khối Ả-Rập. Nhưng từ 1959 trở đi, Nasser gặp nhiều thất bại trong vai trò lãnh tụ của ông. Các vương quốc Jordanie, Arabie Séoudite lập thành một khối riêng rẽ để đả-phá âm mưu của Nasser nhằm kiểm-soát miền Trung-Đông.

Trước sự chia rẽ của các quốc gia Ả-Rập, Do Thái được yên thân đôi chút để xây dựng. Chính phủ Do-Thái, năm 1964, quyết định dẫn nước sông Jourdain để lấy nước trồng trọt cây cấy. Các nước Ả-Rập chỉ còn biết lên tiếng phản đối.

Tháng 2 năm 1966, tại Syrie, một cuộc đảo chánh quân sự đưa đảng xã-hội lên nắm chính quyền. Chính phủ Syrie luôn luôn gửi cảm-tử-quân sang khủng bố, phá hoại tại Do Thái, và ký hiệp-ước liên-minh với Ai-Cập.

Tháng 4 năm 1967, cũng như các năm trước, những xe máy cấy của nông-gia Do Thái tới cấy đất ở vùng phi-quân-sự gần biên-giới Syrie và Do Thái để cấy lúa mì. Syrie bèn tố cáo Do Thái vi phạm biên-giới mình và một cuộc không chiến đã xảy ra; không lực Do-Thái tiến tới gần Damas, thủ-đô của Syrie, và hạ được 6 phi cơ Mig của Syrie. Nước này huy động quân đội kéo về phía Do-Thái, và đồng thời xin Ai-Cập áp dụng hiệp-ước Liên-minh 1966 để tấn công Do-Thái.

Trước lời yêu cầu của Syrie, Tổng-

thống Ai-Cập Nasser hết sức lúng túng. Nếu ông không ủng hộ Syrie, vai trò lãnh tụ của ông sẽ coi là chấm dứt. Nhất là địa vị của ông trong vài năm vừa qua hết sức lung lay. Quốc vương Fayçal xứ Arabie Séoudite đang lôi cuốn nhiều quốc gia Á-Rập để lập một lực-lượng cạnh tranh với Nasser. Tham chiến là một phương tiện giúp cho Nasser lấy lại uy tín cũ. Nhưng nếu tham chiến, ông không chắc sẽ thắng, vì quân đội Ai-Cập hiện còn ở bên Yémen rất đông, ông không thể đem toàn quân-lực sang Do Thái được. Ngoài ra, đã bị Do-Thái đánh bại hai lần, nên hơn ai hết, ông biết rằng khó thắng nổi. Ông bèn quyết định yêu cầu Liên-Hiệp-Quốc rút quân đội đóng ở sa mạc Sinai biên giới Ai-Cập và Do-Thái về, tưởng rằng Liên-Hiệp-Quốc sẽ chối từ. Nếu Liên-Hiệp-Quốc từ chối không chịu rút quân, thì Nasser sẽ có cơ để không tham chiến. Không ngờ U-Thant, Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc lại bằng lòng rút quân về ngay. Nasser không còn cách nào ngằn ngại được nữa. Đề dờ mất mặt, ông phải gửi quân sang đánh Do-Thái. Như vậy, chính U-Thant đã đưa Nasser tới một hành động mà có lẽ Nasser không muốn.

Tại sao U-Thant lại có một quyết-định nguy hiểm như vậy? Ông Thant có giải thích rằng Ai-Cập xưa kia đòi quân Liên-Hiệp-Quốc canh phòng biên giới, thì nay Ai-Cập cũng có quyền đòi triệt thoái đoàn quân này. Về phương-diện pháp-lý, đó là một lý lẽ chính đáng. Nhưng về phương diện chính trị, quyết định này có hậu quả liên quan đến cuộc chiến tranh hiện thời ở Trung-Đông. Người ta đoán có lẽ ông Thant muốn thúc đẩy các quốc-gia Trung-Đông đánh nhau để bắt buộc các Đại cường-quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nga, phải can thiệp để

tái lập hòa-bình và đồng thời giải quyết luôn vấn đề Việt-Nam.

Sau khi quân Liên-Hiệp-Quốc rút về, Nasser không gây hấn ở Sa-mạc Sinai, mà lại ngăn tầu bè Do-thái ở vịnh Akaba Thủ-tướng Do-Thái Eshkol tuyên bố trước Quốc-hội rằng: «Ngăn cản tầu bè qua lại tại eo biển Tiran là một hành động gây hấn chống Do-Thái». Thật ra đây là một vụ vi-phạm luật quốc-tế, vì tuy Ai-Cập kiểm soát vịnh Akaba, nhưng eo biển Tiran cũng như những eo biển Gibraltar, Bosphores và Dardanelles có một qui-chế quốc tế bảo đảm sự tự-do lưu thông.

Các cường quốc hết sức lúng túng trước tình trạng nóng bỏng ở Trung-Đông. Tổng Thống Mỹ Johnson lên án Ai-Cập đã phong tỏa một cách bất hợp pháp eo biển Tiran và nhắc lại tuyên ngôn chung năm 1950 bảo đảm lãnh thổ các quốc gia Trung Đông. Nhưng thật ra Mỹ rất bối rối vì không biết ủng hộ bên nào. Nếu ủng hộ Do Thái, Hoa Kỳ sẽ mất mỏ dầu hỏa Trung Đông. Nếu ủng hộ các nước Á-Rập thì Tổng thống Johnson lại sợ mất lòng cử tri Nữ-Úc, vì tiểu bang Nữ-Úc có tới 4 triệu dân gốc Do Thái, và lại có một số đại diện rất lớn để bầu Tổng thống. Ngoài ra dù có muốn, Đệ-Lục hạm đội Hoa kỳ cũng không can thiệp được ở Trung Đông vì số chiến hạm quá ít ỏi, phần lớn còn phải tham chiến tại Việt Nam.

Anh, thì từ vụ Suez năm 1956, vai trò trở nên hết sức lu mờ. Riêng có Pháp nhờ có một chính sách đối ngoại hoạt động nên đã lấy lại được cảm tình của các nước Á-Rập và Do Thái. De Gaulle đề nghị họp 4 nước Anh, Mỹ, Nga, Pháp, để tái lập hòa bình. Nhưng Nga tỏ ra kém nồng nhiệt. Có lẽ Nga muốn khuyến khích

Nasser gây hấn đề cho Mỹ e ngại chuyện Trung Đông mà « xuống thang » ở Việt-Nam.

Tổng-Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc U-Thanh đã tới Le Caire và được Nasser cam đoan rằng Ai-Cập không bao giờ đánh trước.

Tuy quân đội hùng hậu hơn nhưng Do Thái ở vào thế bất lợi vì bị bao vây tứ phía. Quân đội Jordanie chỉ việc tiến lên được 20 dặm Anh là có thể cắt Do Thái ra làm hai. Quân đội các nước Ả-Rập đã tấn bộ rất nhiều từ 1956 tới giờ. Nhưng các quốc gia Ả-Rập lại thiếu đoàn kết. Các quốc vương Hussein của Jordanie và Fayçal của Arabie-Séoudite đều không muốn cho Nasser thắng, vì nếu ông thắng thì không còn ai có thể phủ nhận vai trò lãnh đạo của ông được nữa. Giữa Syrie và Jordanie cũng có một mối bất hòa. Tháng 4 vừa rồi, chính phủ Jordanie vừa trục xuất Đại-sứ Syrie. Ngoài ra Nasser cũng không chịu kham khảo ý kiến các quốc vương Hussein và Fayçal mà ông gọi là « phản động ».

Muốn chiến thắng, Do Thái phải dùng một chiến tranh chớp nhoáng và đó là điều mà Do Thái đã làm sáng hôm 5 tháng 6 vừa qua : Do Thái đã tấn công trước và đang chiến thắng vẻ vang.

Âu châu : De Gaulle đóng cửa Thị-trường chung :

Năm ngày sau khi anh nộp đơn xin gia nhập Thị trường chung Tổng-thống Pháp De Gaulle đã mở một cuộc họp báo tại điện Elysée để cho biết rằng, theo ý ông, Anh chưa đủ điều kiện để vào Thị-trường-chung vì Anh đã theo Mỹ quá

nhiều, vì đồng Anh-kim giờ đang xuống giá, nếu Anh là hội-viên của Thị-trường-chung thì 6 quốc gia khác phải bỏ ra nhiều tiền để giúp Anh. De Gaulle tuy nói là nước Pháp không dùng quyền phủ quyết để bác đơn của Anh, nhưng theo những lời tuyên bố của ông thì nước Pháp đã một lần nữa đóng cửa không cho Anh gia nhập Thị-trường-chung.

Á-Châu : Trung Cộng tổ chức phong trào bài Anh

Từ tháng 4 tới nay rất nhiều cuộc biểu-tình đã xảy ra tại Hồng-Kông. Nguyên nhân của những vụ lộn xộn này là sự xích mích giữa công nhân và chủ nhân tại một hãng làm hoa giả. Ban giám đốc quyết định đóng cửa nhà máy nhưng các nghiệp đoàn theo khuynh hướng Mao ra lệnh cho các thợ thuyền xuống đường biểu tình chống lại. Người ta đã ngại rằng Hồng Kông sẽ như Macao năm ngoái, bị Trung Cộng lấy lại. Nhưng thật ra, Trung Cộng không dại gì lấy lại Hồng Kông, vì chính nhờ Hồng Kông mà Trung-Cộng có một cửa sổ mở ra để giao-thương với các nước tự-do. Và chính Hồng Kông là một phương-tiện để cung cấp ngoại-tệ cho Trung-Cộng. Những cuộc biểu tình ở Hương-Cảng đã có hậu thuẫn của chính-quyền Bắc-Kinh.

Một phong trào bài Anh đang rầm rộ diễn ra tại Hoa-Lục. Hai nhà ngoại giao Anh ở Thượng-Hải bị trục xuất. Người ta chưa biết rõ ý muốn của Trung-Cộng, nhưng hiện thời bang-giao giữa Trung-Cộng và Anh đang hết sức lạnh nhạt.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

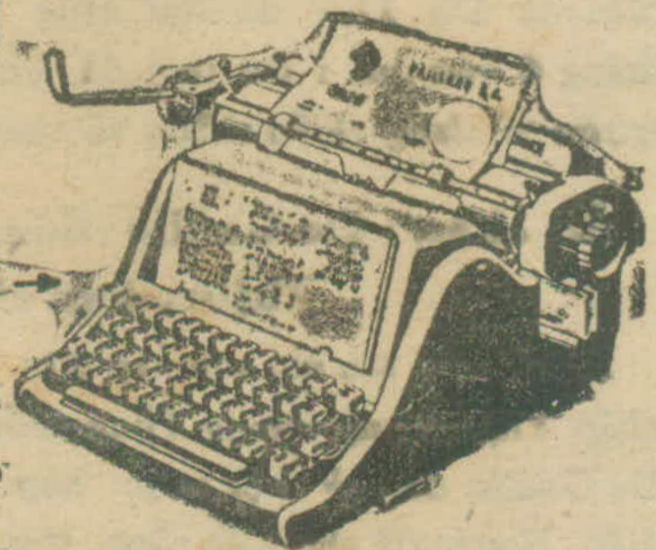
NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

QUY-VI HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THUY-SƠN

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

Một đặc san về Nguyễn-Du

của trường Viễn-đông Bắc-cô

Nguyễn Du lo rằng ba trăm năm sau không ai khóc mình. Ngày đó còn xa, chúng ta chưa dám có lời nào hứa hẹn chắc chắn với người. Ba trăm năm thì chưa chắc, chứ còn hai trăm năm sau thì đã rõ cái tình của thiên hạ đối với người còn nòng nọc lắm.

« Thiên hạ » đây bao gồm nhiều khối người. Thực vậy, nhân dịp kỷ niệm hai trăm năm sinh nhật của người, năm 1765, ở miền Nam Việt-Nam đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về cuốn *Kiều* cùng tác giả của nó, ở miền Bắc lại có những công trình quan trọng hơn. Năm 1965 là năm mà cuộc xung đột quân sự giữa hai miền trở nên hết sức gay cấn ác liệt, hai miền vận tậ lực binh sinh để chống nhau trên mọi mặt, không tìm ra một điểm thỏa hiệp nào để có thể cùng nhau ngồi vào bàn hội nghị. Thế mà, giữa lúc ấy, đôi bên vẫn gặp nhau ở lòng kính mến đối với Nguyễn Du.

Thiên hạ kính mến người ở trong nước, thiên hạ còn quý người ở ngoài nước nữa. Cũng trong dịp kỷ niệm nói trên, trường Viễn đông Bắc cô, tại Pháp, cho biên soạn một tập-san đặc biệt về Nguyễn Du. Công việc được giao cho ông

Maurice Durand trông nom, chưa kịp hoàn tất thì ông mất (vào ngày 30-4-1966). Cuối năm, tập đặc-san ra đời dưới nhan đề : *Mélange sur Nguyễn-Du*.

Tác-phẩm gồm 18 bài ; trong số tác giả có ba người Pháp, còn lại bao nhiêu là người Việt. Các học-giả Pháp viết những bài có tính cách tổng-kết tình hình nghiên cứu : ông Maurice Durand trình bày tổng quát các vấn đề nêu ra xung quanh cuốn *Kiều* (nguồn gốc tác phẩm, thân thế tác giả, các cuộc tranh luận, các ấn bản khác nhau..) liệt-kê một danh sách các tác phẩm và một danh sách tác giả đã nói đến cuốn *Kiều*. Hai ông Jean Chesneaux và Georges Boudarel thì phác qua các nhận định khác nhau về cuốn *Kiều* từ thế kỷ 19 cho đến nay (về khoảng thời gian từ 1945 về sau, hai ông chú ý đặc biệt đến thái độ của phía Kháng chiến và bên Bắc Việt).

Về phần các tác giả Việt Nam, mỗi người đề cập tới một vấn đề riêng : Đông-Hồ nói về một khía cạnh của Phật-giáo trong *Kiều*, Thu-Trang về chuyện Nguyễn Du và người đàn bà Việt-Nam, Trần văn Khê về cây đàn của cô *Kiều*, Thuận-Phong Ngô-văn-Phát về thi luật lục-bát trong *Kiều*, Nguyễn

Trần Huân về các bản dịch truyện Kiều v.v. . .

Trong bao nhiêu ý kiến và tài liệu, chúng tôi nghĩ rằng về hai vấn đề nguồn gốc và ý nghĩa cuốn Kiều có nhiều điều đáng chú ý.

xXx

Về nguồn gốc cuốn Kiều, trước kia Phạm Quỳnh cho là do ở truyện *Vương thủy Kiều* trong tập *Ngũ sơ tân chí* của Dư-Hoài. Cho đến khi cuốn khảo luận của Đào Duy Anh ra đời, cũng chưa có tìm kiếm nào xa hơn.

Nhưng đến nay thì kết quả khác hẳn. M. Durand cho rằng nguồn gốc ấy là cuốn *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Tử.

Ông Giản Chi, ngoài cuốn *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh-Tâm Tài-Tử nói trên, còn tìm thấy một tác phẩm gọi là *Kim Vân Kiều truyện* của Từ-Vị (truyện này nằm trong *Từ Văn Trường tập* và trong *Thanh đăng Lộ sử phân thích*). Từ Vị là người đồng thời với Hồ Tôn Hiến. So tác phẩm của Từ Vị với Thanh Tâm Tài Tử thì thấy rằng nội dung như nhau, tuy nhiên Thanh Tâm Tài Tử có chia truyện ra làm 20 chương. Do đó có thể nói thiên truyện của Từ Vị, viết dưới đời Gia Tĩnh triều Minh, là nguồn gốc của cuốn Kiều. (Thanh Tâm Tài Tử, sau đó, đã dựa theo mà sửa sang lại ít nhiều).

Mặt khác, ở Bắc Việt, cũng tiến hành một công cuộc tìm kiếm qui mô về lai lịch cuốn Kiều. Một phái đoàn do ông Đặng thái Mai, Giám đốc Viện Văn Nghệ, cầm đầu, đã sang Trung Hoa từ 136 đến 17-7-1963, và sang cả Nga-Xô nữa

để khảo sát tận nơi các địa điểm được nhắc tới trong *Kiều*, tìm xem các tài liệu về nguồn gốc cuốn Kiều và về cuộc đi sứ sang Tàu của Nguyễn Du năm 1813-1814. Tại Trung Hoa, phái đoàn đã sưu tầm được 16 tác phẩm vừa tiểu thuyết vừa thơ, liên quan đến lai lịch truyện Kiều. Tại Nga-xô phái đoàn đã thấy một cuốn truyện về Kiều bằng tiếng Mãn-Châu và một bản tiếng Nhật.

Trước đó, vào năm 1961, Viện Văn Nghệ tổ chức một phái đoàn vào tại miền quê quán Nguyễn Du sưu khảo mọi điều liên-hệ đến thi hào và cuốn Kiều.

Tổng hợp kết quả nghiên cứu của hai phái đoàn (một trong nước, một ra ngoài nước) này, chắc chắn là Viện Văn nghệ Bắc Việt đã đi đến những phát giác quan trọng về nguồn gốc truyện Kiều.

Riêng việc tìm ra các truyện Kiều bằng tiếng Mãn và tiếng Nhật đã chứng tỏ rằng câu chuyện về nàng ca kỹ này đã từng truyền bá rộng rãi tại nhiều nước Viễn Đông vào khoảng các thế-kỷ 17 và 18 chứ không đặc biệt gì tại Việt-Nam. Như thế, có lẽ từ nay người ta sẽ bớt gán cho truyện Kiều những dụng ý sáng tác liên quan đến tâm sự Nguyễn Du và đến tình-trạng xã-hội đương thời của Việt Nam.

oOo

Về vấn đề này, vấn đề ý nghĩa của cuốn Kiều từ trước đến nay xảy ra lắm điều rắc rối.

Hồi thế kỷ thứ 19 thì Phạm Quý Thích, Đào Nguyên Phổ, Chu Mạnh Trinh v.v. . . khen Kiều có đức hạnh, có hiếu, có nghĩa đủ điều. Ngược lại Nguyễn Công Trứ thì nhiếc nàng thậm tệ. Một bên

cho rằng tác phẩm có lợi, một bên xem nó có hại cho đạo đức.

Năm 1924 hội Khai Trí Tiến Đức tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du, trong dịp này Phạm Quỳnh lên tiếng đề cao cuốn *Kiều* hô hào một phong trào học *Kiều*. Ngô đức Kế thấy trong chủ trương ấy một âm mưu chính trị xấu xa, bèn kịch liệt chống lại. Lại bên chê bên khen, đối với mỗi bên cuốn *Kiều* có một ý nghĩa khác nhau hẳn.

Sau cuộc đụng độ ác liệt ấy, trong khoảng thời gian xảy ra cuộc Thế-chiến thứ hai, có một chủ trương thưởng thức *Kiều* trên phương diện thuần túy nghệ thuật, chủ trương của Hoài-Thanh và Lưu Trọng Lư. Lại có một chủ trương phê bình *Kiều* theo sử-quan duy-vật, của Nguyễn Bách Khoa.

Thế chiến thứ hai kết thúc, cuộc kháng chiến giành độc lập của Việt Nam bắt đầu. Trong tiếng súng, lai rai vẫn có kẻ giải thích *Kiều*. Hoài-Thanh lúc này cho rằng cuốn *Kiều* vẽ ra cái thân phận một con người bị chà đạp, bị tước đoạt quyền sống trong xã hội phong kiến lúc suy tàn, nó phản ảnh thái độ chống đối tiêu-cực của tác giả đối với chế độ đương thời. Lê Duẩn gạt đi, cho rằng tác phẩm của Nguyễn Du phản ảnh các vấn đề của xã hội Việt-Nam trong thời kỳ tư-bản chớm phát triển. Dụng ý của thi hào là kết tội đồng tiền : tiền tài chà đạp các nguyên-lý thiêng liêng của luân lý phong kiến ; hiếu, nghĩa, trung, trinh đều hỏng vì tiền, tiền là mạnh nhất v.v... Nguyễn Du đứng về phía phong kiến chống lại đồng tiền là tiêu biểu cho lực-lượng tư-bản ; Nguyễn Du chỉ thấy mặt xấu của tiền tài mà không thấy mặt tốt của nó : Do đó Nguyễn Du... « phản động » !

Sau hiệp-định Genève, Bắc Việt trở lại hăng hái nghiên cứu và giải thích về cuốn *Kiều*. Việc giải thích có nhiều lập-luận thiết tưởng không phải không lý thú. Minh-Tranh chẳng hạn, tiếp theo Lê Duẩn, cho rằng cuốn *Kiều* diễn tả sự xung đột giữa kinh tế phong kiến và kinh tế tư bản. Đây là bằng chứng : tai họa xảy đến trước tiên cho nhà Viên ngoại họ Vương không phải do gã bán tơ đó sao ? Đây là suy diễn sâu xa : Sự xung đột chia ra làm ba giai đoạn, trong tác phẩm của Nguyễn Du cũng y hệt như ngoài xã hội Việt Nam. Giai đoạn thứ nhất : *Kiều* bị thằng bán tơ vu cáo phải bán mình ; đó là sự lùi bước của phong kiến trước cuộc tấn công đầu tiên của giới thương-nhân. Giai-đoạn thứ hai : Từ-Hải nổi dậy, *Kiều* lấy Từ-Hải ; đó là ám chỉ cuộc quật khởi của nông dân dưới quyền lãnh đạo của anh em Tây Sơn và sự thỏa hiệp tạm thời giữa phong kiến với nông dân để chống lại thương-nhân. Giai đoạn ba ; Kim *Kiều* tái hợp ; đó là cuộc phục hồi của phong-kiến sau sự sụp đổ của Tây-Sơn.

Trương Tửu và Trần đức Thảo cũng có thể đem tình trạng xung đột giai cấp xã hội ra giải thích cuốn *Kiều* vanh vách một cách tài tình như vậy. Trần đức Thảo nói Kim Trọng với Hoạn Thư là đại-phong-kiến, nắm giữ quyền thế, *Kiều* là phong kiến nhỏ đang cố ngoi lên, Thúc-sinh là thương nhân. *Kiều* mà gần bó với Kim Trọng, Thúc-sinh mà ôm chân Hoạn-Thư, ấy đều là muốn diễn tả cái ý nghĩa các giai cấp thấp kém muốn vươn lên cầu kết với giai cấp cầm quyền cả đấy. *Kiều* bị thất bại bên cạnh Kim Trọng bèn quay sang vợ lấy Thúc-sinh, ấy là tiểu phong-kiến bắt tay với thương nhân để tìm một lối thoát đấy.

Trần - đức-Thảo, Minh - Tranh với Trương Tửu đều liên hệ Từ-Hải với Tây - Sơn, - cuộc khởi-nghĩa của nông-dân. Riêng Trương-Tửu thì chỉ đích danh : Từ Hải chính là Nguyễn - Huệ không sai !

xXx

Những cuộc bàn cãi xung quanh cuốn *Kiều* thật là phong phú. Nhưng có lẽ những bàn cãi ấy soi sáng thêm về ý nghĩa tác phẩm nọ thì ít, mà soi sáng xu hướng tư tưởng của những kẻ bàn cãi, của mỗi thời kỳ lịch sử thì nhiều hơn.

Trong thời buổi phong kiến ở thế kỷ trước, các cụ đem đạo đức ra làm tiêu-chuẩn khen chê tác phẩm văn học, nên cứ chăm chú soi vạch nét na cô *Kiều*.

Đến lúc nước mất nhà tan, chuyện quốc-sự là trọng yếu, người ta đem cuốn *Kiều* ra làm bung xung đề tranh luận nhau về chính-trị.

Khi các văn - trào siêu-thực, tượng-trưng ảnh hưởng đến ta, văn-nghệ-sĩ soạn *Xuân thu nhũ tập* thì phê bình gia cũng đòi xét *Kiều* trên quan điểm nghệ thuật thuần túy. Lại đến khi trường phái phê bình văn học căn cứ trên lịch sử phát triển ảnh hưởng, thì lại xét *Kiều* theo sử-quan.

Kháng chiến bùng nổ, tất cả cho kháng chiến thì hãy dẹp bớt thơ phú lại, cho nên chỉ nói *Kiều* lai rai, khen chê vừa phải.

Giặc ngưng đánh, muốn hăng hái xây dựng quốc gia cần phải phát huy văn học cổ truyền để kích thích niềm hãnh diện dân tộc : cho nên lại Nguyễn Du lại *Kiều* rần rần rộ rộ. Lại Nguyễn Du, lại *Kiều* nhưng Bắc Việt cần giải thích thế nào để làm nổi bật lẽ phải của chủ nghĩa

Mác-Lê : do đó, Từ - Hải hóa thành Nguyễn-Huệ, gã bán tơ hại ông già họ Vương vì chống phong kiến v.v..

Đại khái mỗi thời, mỗi hạng người, có một cách hiểu *Kiều* khác nhau như thế. Âu cũng người ta thường tình. Có điều đáng chú ý là tại sao chỉ có cuốn *Kiều* bị suy diễn nhiều và xa xôi quá vậy ? Trong khi *Thạch Sanh Hoa Tiên Lục Vân Tiên* v.v.. không bị ai ngờ vực gì về ý nghĩa của nó hết ?

Lẽ ra cuốn *Kiều* đáng được xem là có ý nghĩa minh bạch nhất. Trước hết, nó là một chuyện có thực đã được nhiều người đem ra viết truyện rồi. Đối với một câu chuyện bịa, người ta có thể suy đoán, tự hỏi tại sao có chỗ này, tại sao có chỗ kia, thêm vào chi tiết nọ có dụng ý gì, vẽ ra cảnh kia có mục đích ra sao ? Đàng này, trong trường hợp cuốn *Kiều*, Nguyễn Du có thể đáp gọn : Nào tôi có bịa đặt gì đâu mà hỏi dụng ý ? Và lại hãy xem Từ Vị, xem Thanh Tâm Tài Tử đấy, nếu có điều gì không thực cũng là do họ đặt ra sẵn sả đấy chứ. Mười lăm mười sáu kẻ cùng nói về câu chuyện cô gái ấy, bên Tàu, bên Nhật, bên Mãn Châu, nào phải mình tôi ? Hơn nữa khi kể câu chuyện nọ, Nguyễn Du nêu rõ ràng cảm tưởng của mình ngay lúc mở đầu. Ông bảo rằng «đây là vấn đề ghen ghét nhau giữa trời xanh với má hồng».

Ấy, cái gì cái ấy rõ ràng dứt khoát như thế mà không ai chịu tin lời Nguyễn Du cả, không ai đếm xỉa gì tới ông cả. Ông nói : đây là Từ Hải; người ta cãi : Đó là Nguyễn-Huệ. Ông nói : tôi muốn thừa chuyện tài mệnh tương đố ; người ta cãi : Không, ông đang trình bày về xung đột giai cấp đấy !

Không bao giờ một tác giả được ca tụng như ông, mà ý kiến ít được tôn trọng như ông. Tại sao vậy? Phải chăng chính vì ông kể chuyện thực mà làm cho người ta phân vân? Trong những chuyện bịa từ đầu tới cuối như Thạch Sanh, Phạm Công Cúc Hoa v.v... thì nhất nhất mỗi tình tiết đều nhằm phục vụ luận đề, đều nhằm chứng minh một cái gì, đều có ý nghĩa rõ rệt, không thể suy diễn vu vơ vào đâu được. Trái lại, trong một câu chuyện thực, một số nhân vật và chi tiết « có đó » trong tác phẩm là vì trót có trong thực tại, chứ nó không « có đó » vì một ý nghĩa. Nhờ thể truyện của Nguyễn Du linh động, tình tiết không có vẻ xếp đặt giả tạo như trong phần nhiều các truyện luận-đề kia; nhưng cũng vì thế nó dễ bị suy diễn xa xôi.

Các lập luận suy diễn đều thông minh. Muốn bảo Kiều mắc bệnh ủy hoàng, muốn bảo Nguyễn Du chê tiền, chống Phong kiến hay bênh vực phong kiến v.v..., muốn gì người ta cũng có thừa lý luận để chứng minh. Nguyễn Du dù có sống lại chưa chắc đã cãi nổi.

Tuy nhiên trông qua các lối suy diễn ấy, dễ có cảm tưởng như xem các trò ảo thuật của những kẻ trời cho được lanh tay lẹ mắt. Tài tình thực, nhưng ta không khỏi đâm nghi ngờ. Lý luận được xử dụng rất giỏi, nhưng dường như không phải để tìm ra sự thực mà là để bênh vực lập trường này, quan niệm kia. Xảo biện đến thì công tài quả có tài, nhưng ta vẫn thấy khó chịu. Nguyễn Du không phải từng nói: « Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài » đó sao?

Giải thích cuốn *Kiều* một cách khách quan, bình tình, có công tâm, ngoài Bắc

có Đào Duy Anh với cuốn *Khảo luận về Kim Vân Kiều*, trong Nam có Nguyễn-Hiển-Lê trong bài *La condition humaine dans le Kiêu* (1) Những tác giả này công nhận ý kiến của Nguyễn Du về tác phẩm của Nguyễn Du: đây là chuyện tài-mệnh ghét nhau, thế thôi.

Thái độ giản dị ấy có lẽ gần sự thực hơn cả. Một người con gái có tài có sắc mà bị nhiều gian truân, một chuyện như thế rất dễ xúc cảm mọi người: từ Từ Vị, Dư Hoài, cho đến thi sĩ Nguyễn Du, các văn nghệ sĩ Mãn châu, Nhật bản, và đến cả các hạng quần chúng từ hai ba trăm năm nay. Kẻ viết *Kiều*, người đọc *Kiều* xưa nay có lẽ chỉ vì mối xúc cảm ấy, kỳ dư những chuyện Từ Hải — Nguyễn Huệ, Thúy Kiều tru uất v.v. đều là vẽ rắn thêm chân cả chẳng?

oOo

Ngoài hai vấn đề nguồn gốc và ý nghĩa truyện *Kiều*, đặc san của tờ *Viễn-đông* Bác-cổ còn nêu ra mấy ý kiến độc đáo của hai ông Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chính. Hai ông nghiên cứu thật sâu sắc về tiếng «đâu» dùng trong *Kiều*, và đề nghị một lối chú giải *Kiều* không phải về mặt điển-tích như lâu nay vẫn làm, mà là về mặt ngữ-pháp.

Cầm tập *Mélanges sur Nguyễn-Du* trên đây, chắc nhiều người không khỏi bâng khuâng suy nghĩ: trong dịp kỷ niệm 200 năm sinh nhật của thi hào, ở Saighn sao lại không có được một công trình biên khảo nào như ở Ba-lê-ni?

TRANG-THIÊN

(1) *Mélanges sur Nguyễn Du* trang 275

Bách khoa Thời-đại số 209 ngày 15-9-65 trang 26.

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.D.C

BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỒNG ƯƠNG

RUBICAL

Calcium B12

Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
DƯƠNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

SỐ KIỂM NHẬN 2.059 ngày 26/2/66

CLICHE DẤU

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang

của **TRANG NHÀ**

23, Duy Tân — DALAT

CHUYỆN LANG THANG

LINH BẢO

CÔ ÁO HỒNG

Một số bạn đọc nhắc Linh Bảo kể cho các bạn nghe một vài chuyện lang thang, và dặn rằng không cần có đầu đuôi mạch lạc gì cũng được. «Chuyện lang thang» mà ! Linh Bảo khất đến khi nào có hứng sẽ viết nhưng các bạn ấy không chịu, bảo rằng đâu có phải làm văn mà cần hứng! Linh Bảo vừa có hai tuần lễ nghỉ hè, vậy cứ kể ngay một chuyện lang thang của ngày thứ nhất đi.

Hai tuần hè L.B. đã có một chương trình đi ngao du ta bà thế giới; muốn thấy nhiều, nghe nhiều, và xem nhiều đề ngồi lê đôi mách cho có đủ đề tài; nhưng chẳng may cô bé của L.B. được Bác sĩ chỉ định phải vào nhà thương vào hai tuần ấy cho có mẹ hầu. Thế là chương trình phải thay đổi. L.B. đành gói gắm giấc mộng ngao du lại để vào nhà thương.

Thật không còn gì buồn hơn ngày nghỉ, trời nắng đẹp mà phải ngồi trong một góc phòng ở nhà thương và mơ đến bãi bờ, rừng cây.

Cô bé mồ xong vẫn còn nằm mê man nên L.B. không phải làm gì hết, chỉ ngồi nhìn trời qua cửa kính. Trong phòng còn có hai cái giường nhỏ nữa, một đứa bé mới sinh trần truồng nằm trong một cái hộp kính, có ống nhiệt độ chỉ 90 độ. Đằng sau mông chú bé có một vết thương buộc băng. L.B. hỏi cô nữ khán hộ mới biết là chú bé phải mổ ngay sau khi mới lọt lòng vì chú có một cục thịt thừa giống như cái đuôi.

Trên một cái giường nhỏ khác có một chú bé Phi Luật Tân độ 6 tháng. Chú bé này có vẻ khoẻ mạnh lắm vì chú cứ gào lên từng cơn thực to, cho đến lúc mệt lã mới ngừng lại ngủ thiếp đi một lúc. Tỉnh dậy chú bé lại giận dữ gào thét nữa. Mà không giận sao được! Ai lại người chỉ có mấy ngón tay xinh xinh để cho vào mồm ngậm chơi lại buộc băng cứng đờ ra, không còn co duỗi gì nữa! Nhưng cũng không trách cái ông Bác sĩ ác nghiệt đã ra lệnh cột tay, vì mỗi chú bé bị sút, người ta phải vá lại và tạm thời mồm chú bây giờ là nơi bắt khả xâm phạm. Chú bé phản đối bằng cách không thèm nuốt sữa và khóc không ngừng.

Nhìn hai chú bé L.B. chợt nhận thấy rằng nếu một người sinh ra đời mà bộ phận nào ở đúng chỗ ấy và không thừa không thiếu, thì người ấy đã may mắn lắm rồi.

Tiếng khóc của chú bé làm tất cả mọi người đều sốt ruột. Một cô mặc đồng



Linh Bảo và các cô Áo Hồng

phục màu hồng vào bế chú bé lên. Chú nín khóc thêm thiếp ngủ. Cô để xuống chú bé lại khóc thét lên. Thì ra ngoài sự ngậm tay, chú còn đòi vòng tay đàn bà ấp yêu nữa. Thằng bé mới có tí ti thể mà đã thông minh thật!

Cô áo hồng nhắc vào phòng một cái ghế xích đu, cô bế chú bé ngồi lắc lư rất nhịp nhàng. L.B. chợt nhớ đến cái vông Việt Nam. Giá nhà thương có một cái vông như thế thì cô nữ khán hộ đỡ phiền biết mấy!

Thấy cô áo hồng ngồi bế bé hàng giờ mà không nghĩ đến chuyện làm gì khác, L.B. chợt nhận ra đó là một công việc rất nhàn. Trong lúc L.B. làm vất vả hơn nhiều mà chưa chắc cuối tháng đã được lãnh nhiều lương hơn cô, chỉ có việc bế em bé ngồi lắc lư trên ghế xích đu mơ mộng nhìn mây.

L.B. chợt có ý muốn đổi nghề, bèn lân la gọi chuyện cô áo hồng. Thừa lúc đôi mắt cô nhìn lại L.B. miệng hơi mỉm cười. L.B. vội chụp ngay lấy cơ hội hỏi :

— Tại sao đồng phục của các cô nữ khán hộ không giống nhau nhỉ? Kẻ đội mũ có viền, người thì không có. Lại có người có mũ, người chỉ mặc áo trắng mà không đội gì cả. Lại còn màu trắng, màu hồng, hồng có sọc v.v...

Cô áo hồng vui vẻ trả lời:

— Mũ có viền là các cô nữ khán hộ có chịu trách nhiệm, và đã tốt nghiệp ở trường nữ khán hộ. Phải học đến ba năm. Mỗi thứ viền mũ chỉ các trường khác nhau. Ngoài ra là khán hộ phụ, chỉ qua 6 tháng huấn luyện.

— Lương nữ khán hộ có cao không cô ?

— Vào khoảng 4,5 trăm, cũng như lương thư ký các hãng thời, tuy công việc khó nhọc hơn nhiều.

L.B. cảm thấy bất bình hộ các cô;

— Sao ít thế? Một nghề phải có học chuyên môn mà không được biết dài tí nào cả! Thảo nào tôi thấy các cô tốt nghiệp ở trường Trung Học ít chịu đi học làm nữ khán hộ lắm.

— Vâng cũng vì thế, nên các cô đã tranh đấu để thêm lương và đã thắng lợi nhiều nơi.

— Thế còn màu hồng và màu trắng khác nhau như thế nào hở cô?

— Các cô áo hồng là người phụ tình nguyện.

— Không lương?

— Cố nhiên là không lương. Chúng tôi chỉ làm giúp thôi!

— L.B. không nén được sự tò mò nên hỏi dồn tới:

— Tình nguyện làm những việc gì hở cô.

— Làm tất cả những việc gì không quan trọng lắm. Như thế các nữ khán hộ chính sẽ có nhiều thì giờ làm việc khác, đỡ tốn nhân lực chuyên môn.

— Tôi thấy các cô áo hồng ở khắp nơi trong nhà thương.

— Vâng, chúng tôi làm ở bàn giấy, thư viện chuyên chở bệnh nhân đời phòng, trang hoàng hoa lá, đồ dành các em bé khó tính, bán đồ điếm tâm cà phê, tóm lại làm rất nhiều công việc để giúp cho công việc của nữ khán hộ được nhẹ nhàng và đỡ bận rộn hơn.

— Cô có thể cho tôi biết những người tình nguyện là người như thế nào?

— Tất cả các hạng người, vợ bác sĩ, nha sĩ, các bà không đi làm, ở nhà rồi quá chán làm gì, ra ngoài hoạt động giúp việc xã hội, có cơ hội trông thấy người này người kia, cuộc sống đỡ chán, các bà độc thân, góa chồng, căn bản kinh tế vững vàng không cần lo đến cuộc sống, họ muốn làm gì giúp ích cho mọi người cho cuộc sống có ý nghĩa hơn.

— Như cô thì sao?

— Nhà tôi là Nha sĩ, con cái lớn rồi, tôi muốn giúp đỡ mọi người một chút. Còn các bà kia làn vợ bác sĩ, vợ sĩ quan, giáo sư đủ các hạng.

— Các bà có một tổ chức phải không?

— Vâng chúng tôi đã có 500 hội viên, nhưng chỉ có 250 hội viên hoạt động thôi. Chúng tôi thay nhau làm việc suốt đêm ngày.

— Các bà tình nguyện như thế nào?

— Giờ căn bản tối thiểu là 8 giờ 1 tháng, chia làm hai lần. Ai muốn tình nguyện thêm bao nhiêu giờ cũng được.

— Và sự đền bù là...

— Sự sung sướng thỏa mãn trong tâm hồn, vì đã giúp đỡ cho người khác. Chị có thấy dấu hiệu trên áo của chúng tôi không?

— Dấu ấy có ý nghĩa như thế nào?

— Có dấu hiệu 100 giờ, 200 giờ, 500 giờ và 1000 giờ. Cấp bậc của chúng tôi đó. Càng hỏi L.B. càng tò mò muốn biết thêm.

— Chắc các bà có luật lệ riêng ?

— Chúng tôi có những luật lệ phải tuân và những điều cấm phải tránh. Mục đích chính của chúng tôi là đến đây để giúp việc một cách đứng đắn, chứ không phải để giết thì giờ bằng cách tán tỉnh, đánh bạn với các đồng sự, bác sĩ hay bệnh nhân.

— Trong trường hợp các bà nhớ bị ốm hay có việc cần không đến được thì sao ?

— Chúng tôi phải phụ trách giờ chúng tôi đã tình nguyện. Nếu không đến được phải tìm một người trong sổ danh sách những người tình nguyện thay mình.

— Bà có thể cho tôi biết một vài điều cấm được không ?

— Giản dị lắm toàn là những điều phổ thông như : không được hút thuốc lá, ăn vặt trong giờ làm việc, không được đi uống cà phê mà không có phép của Giám thị ; không được uống rượu trước khi đi làm ; không được bỏ việc khi đến phiên mình ; không gọi điện thoại hàng giờ. Đó là về sinh hoạt, còn về công việc thì có những phòng cấm như phòng mổ không được tự tiện ra vào ; không được đánh thức bệnh nhân khi họ đang ngủ ; không được quay giường của bệnh nhân cao hay thấp mà không hỏi nữ khán hộ ; không được tự tiện cho bệnh nhân ăn uống ; không được tự tiện mở cửa sổ. Chỉ có thể kéo màn cho tối lại, và đem sách, hoa, kính, dép cho bệnh nhân mà không được đưa nước v.v... đại khái như thế.

— Còn vấn đề tổ chức và kinh tế thì sao ?

— Chúng tôi có chủ tịch, thư ký, thủ quỹ đủ cả ; giống như tất cả mọi tổ chức khác. Tài chánh thì chúng tôi đóng niên liễm ; thỉnh thoảng quyên giày dép, quần áo đồ dùng cũ của các gia đình, bán lại lấy tiền bỏ vào quỹ.

— Các bà dùng tiền quỹ để làm gì ?

— Chúng tôi mua quà biếu các bệnh nhân cô đơn ; mua đồ chơi cho các em bé nghèo trong bệnh viện, mua báo hay sách cho các bệnh nhân nào không có người thân giúp đỡ, không có quà tặng...

Tôi đang chăm chỉ lắng tai nghe chuyện thì một cô bé độ 16 tuổi mặc áo hồng nhạt có sọc trắng mang vào cho L.B. một tờ báo hàng ngày mới ra buổi chiều. L.B. hỏi :

— Thế còn loại đồng phục này là gì ? Tại sao lại có sọc ?

— Các cô này cũng thuộc về tổ chức tình nguyện của chúng tôi, nhưng vì các cô còn là nữ sinh các trường Trung Học nên mặc đồng phục màu hồng có sọc trắng để phân biệt.

L.B. ngạc nhiên hỏi tiếp :

— Cô còn là nữ sinh mà đã tình nguyện rồi? Lạ nhỉ, cô không thích đi chơi?

Cô bé mỉm cười :

— Em thích làm việc. Em thích giúp đỡ người khác.

L.B. kể :

— Tôi nhớ ngày còn ở Hồng Kông phải vào nhà thương một bận. Các cô khán hộ ở đây nổi tiếng là bận rộn và hay gặt gồng như một bà mẹ chồng khó tính. Họ chạy qua chạy lại các phòng suốt ngày, mồm luôn luôn mắng nhiếc một cách cáu kỉnh... Nếu họ cũng có các cô áo hồng giúp đỡ như thế này thì nhà thương thực là thiên đường.

Cô bé con đồng ý :

— Vâng, có những việc nhỏ mọn không cần đến chính tay nữ khán hộ phải làm như phát báo, cắm hoa, nhật một cuốn sách rơi, đỡ dành em bé đang nhớ mẹ, dẫn gia đình bệnh nhân viếng nhà thương, đẩy xe đưa bệnh nhân ra cửa lúc từ giả nhà thương... Những việc ấy cũng cần có người làm, mà không cần đến sự học chuyên môn của người nữ khán hộ. Có người làm những việc phụ này, các nữ khán hộ có thể chuyên tâm làm việc bổn phận quan trọng của mình.

Cô bé áo hồng chỉ cái nút bấm ở đầu giường bảo :

— Chị trông thấy cái nút ấy không? Nếu chị cần gọi nữ khán hộ chỉ cần bấm một cái. Cô nữ khán hộ sẽ không chạy đến ngay nhưng sẽ dùng máy vi âm hỏi lại chị cần dùng gì. Chị trả lời bằng một giọng nhỏ bình thường cô cũng nghe thấy, và mang thứ chị muốn đến. Như thế đỡ công đi về hai vòng vô ích. Công việc nhẹ nhàng, không mất nhiều thì giờ thì còn gặt gồng vào đâu được!

Cô áo hồng đến giờ về, một cô khác đến thay cô ngồi ôm chú bé lắc lư ru khe khẽ trên ghế xích đu.

Cô bé nữ sinh đi ra ngoài một lúc trở lại đưa cho L.B. một tập điều lệ của hội các cô. Cô thăm thì tuyên truyền :

— Chị thấy không, hội mới bắt đầu thành lập năm 1955 chỉ có 8 người, mà bây giờ tình nguyện của hội viên xin giúp không công đã lên đến 3.000 giờ mỗi tháng. khá không? Chị muốn vào hội không?

L.B. nhìn cô bé dịu dàng trả lời :

— Chị phải đi làm để kiếm gạo em ạ. Không có nhiều thì giờ rảnh như các bà khác, có căn bản kinh tế vững chắc.

— Ban ngày chị đi làm thì chị tình nguyện làm đêm. Nhà thương cần người suốt ngày đêm. Được thêm người làm đêm thì còn gì bằng.

L.B. cười gượng :

— Nhưng chị có một cô bé con, chị không thể bỏ nhà đi vắng suốt ngày đêm được, cô bé sẽ thấy cô đơn.

— Thế thì cả cô bé cũng tình nguyện. Cả hai cùng đi làm cùng về, tiện biết bao nhiêu !

Cô bé cười một cách vui thích vì đã tìm ra được một lối thoát cho L.B. Còn L.B. thì bị dồn vào một thế khó trả lời.

— Em để chị đợi cô bé mỗ xong lành xem sao đã nhé. Công việc này cần nhiều thì giờ, thiện chí và sức khoẻ. Chị cần phải xét lại.

Cô bé tha cho L.B. đi ra ngoài nhưng trước khi ra còn dặn dò L.B. phải đọc tất cả tập chương trình và điều lệ của hội cô.

Trong chốc lát L.B. bỗng thấy mình xoàng một cách lạ. Ích kỷ thì không thể tưởng. Thì ra xưa nay mình chỉ biết có sự sướng khổ của riêng mình và con mình, còn ngoài ra không biết có ai sướng khổ ở trên đời hết! L.B. bỗng ước ao giá có được cơ hội để làm một việc gì hay hay có ích cho đời.

Nhưng nói thế chứ L.B. không chắc là mình sẽ làm được. Đừng có ai tin L.B. mà trao quyền cho L.B. kéo có ngày đổ thóc giống ra mà ăn đấy !

LINH-BẢO

*Nhà xuất bản AN-TIÊN phát hành
tháng 5 và 6 — 1967*

- **HỒ THÂM CỦA TƯ TƯỞNG** của Phạm Công Thiện đặt lại căn nguyên tư tưởng hôm nay và đánh giá học vấn phá sản của trí thức Việt Nam.
- **CÓI NGƯỜI TA** (Terre des Hommes) của Saint-Exupéry (sách in lần thứ hai)
- **BA CHỊ EM** kịch của Thanh Tâm Tuyền gồm 3 kịch: «Ba chị em», «Bão rớt « và » Cửa đêm»
- **HOA DINH CẨM TRẬN** của Hồ Hữu Tường tác giả «Thằng Thuộc con nhà nông»
- **ĐƯA CON ĐI HOANG TRỞ VỀ** của André Gide một tác phẩm cô đọng. Định Cường trình bày bìa và minh họa
- **ĐÊM NGUYỆT ĐÔNG** thơ của Nguyễn Đức Sơn những bài lục bát còn lạ lùng hơn «Những Bài Tình Đầu»
- **MÙA HÈ** (L'Été) của Albert Camus «Cuộc lưu đày của Hélène», Những cây hạnh, «Trở lại Tipasa»
- **KÊU THƯƠNG** (La fin de L'espoir) của Juan Hermanos tác phẩm khói lửa Tây Ban Nha
- **IM LẠNG CỦA HỒ THÂM** của Phạm Công Thiện
- **Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ VÀ TRIẾT HỌC** của Phạm Công Thiện sách in lần thứ ba

TRƯỚC MẶT RỪNG ĐÊM

Thơ TRẦN-HUIỀN-ÂN

Đèo cao ngàng mặt nhìn trời
Đường quanh bỏ lại cuộc đời dưới sâu
Mập mờ nháy mắt sao nâu
Mầu đêm áo trận lẫn mầu lá cây

Đạn đầy lưng, súng trong tay
Lá thư em nhận chiều nay trong lòng
— Trời quê lửa ngập hai vòng
Nào ai bạn cũ còn mong ngày về? —

Núi buồn mới đuổi chân tê
Năm nghe dễ kéo lê thê sợi gầy
Giấc mùi đồng đội chùng say
Hoà hơi thở để gió bay mịt mù

Rừng đen ấy bạn hay thù?
Liềm trắng khuya dấy căn cù giữa sương...
Ngõ ngàng đối bóng lê dương
Hồn xưa rướm máu tình thương héo gầy

CÂU CHUYỆN

NGHÌN NĂM

Ngày xuân ngập nắng
Tháng hạ đầy mưa
Giữa đen và trắng
Bồi hồi giấc mơ

Bàn tay túi cực
Gót chân thong dong
Lòng còn rạo rức
Biển còn cuồng phong

Cỏ xanh đầu trẻ
Cát vàng đời người
Nghìn năm dâu bể
Nghìn năm đời đời

THỦY TRIỀU

Trước đây Tiênsa
Bây giờ Ân-thái
Tuổi người trôi qua
Bến đời đỗ lại

Sinh ra đã buồn
Như biển sóng vỗ
Đi đâu cũng còn
Nghe tiếng nước nở

Tựa lưng bên cầu
Hồn tàn hiu hắt
Như tôi dũi đầu
Giấc đêm lay lắt

Bám víu vào em
Luân lưu tròn kiếp
Nhạc sóng triền miên
Ru tôi ngủ thiếp

Danh vọng một bên
Tình yêu trước nhất
Vầng nhật hiện lên
Tương lai thức giấc

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN



GIÓ NỔI CÁT BAY truyện dài

Nhà xuất bản TRANG 144. trang Giá : 60đ

Tác giả

Bút-hiệu : NGUYỄN-ÁI-LỮ, Đại úy trong quân-đội Cộng-hòa. Tác-phẩm : Hoa ngày loạn — Sóng gió — Ngõ hẹp — Đi trên nổi buồn — Gió nổi cát bay.

Tác phẩm

Những con người cầm bút, đã và đang cầm súng, ít ai được như Thế-Uyên của Tiền đồn. Họ, hoặc cậu thị, chỉ thấy có cái súng của họ là giải quyết được

cuộc củi đậu nấu đậu dài dằng dằng đến nản lòng này ; họ, hoặc huênh hoang, đề cao quá đáng đời sống những kẻ trắng cài đầu súng để cho đô thị yên vui, xóm làng yên giấc . . Họ làm ta khó chịu, buồn cười, đôi khi chán ngán.

Người quân nhân cầm bút lấy họ Nguyễn tên Ai-Lữ này, may thay, tránh khỏi mấy cái bẫy ấy trong tác phẩm thứ năm trên đây.

Tác giả cũng như ai có lợi dụng đời sống quân ngũ của mình mà giới thiệu với ta những cái vui, buồn, bực, khổ của một chàng trai mang lon thiếu úy bộ binh Dự trận lịch sử Phước-thành, người sĩ quan của chánh thể cộng hòa miền Nam này đã sừng sốt nhận ra một chính trị viên của đối phương — một bạn đồng hương, người Nam-dịnh — gục chết trên miệng hố cá nhân, đề khi tiếp tục hành quân, viết một hàng chữ bằng bút chì mờ đen như thế này :

— Chúng mình cùng một quê hương; không có hận thù với nhau. Vĩnh biệt. »

Rồi trong cái khoảng đen nhiều máu đạn ấy, có một tia sáng đến với người trai phải bỏ áo nhà giáo để khoác áo nhà binh : người yêu, một tư chức, lặn lội từ Sài Gòn xuống nơi căn cứ đóng quân và ở lại ngủ với chàng một đêm.

Rồi một tia sét lại đến với chàng : một cô bạn gái thân với tình nhân chàng, con nhà khá giả, một nữ công chức, yêu anh của người tình chàng, đã lao xe vun vút trên xa lộ rồi cho xe đâm vào đám cồng bên lề để không sống nữa. Lí do cuộc tự giết này là vì người nàng yêu, một giáo sư, lại một giáo sư, bị mật vụ họ Ngô-Đình bắt giam, tra tấn vì dự vào phong trào học học sinh, sinh viên chống đối lại chính quyền thời Phật giáo bị đàn áp nặng nề, mà cha mẹ nàng không cho nàng đi viếng nữa !

Rồi, sau cùng, chàng được giải ngũ.

Trong khi đó, họ Ngô-Đình bị lật, anh người yêu chàng được về với tự do và «đang yêu một người con gái» tuy «chưa quên cái kỉ niệm đau đớn trong di vãng» của người đã hiến thân cho mình cạnh biển nước Vũng-tàu và đã hủy thân vì mình trên xa lộ.

Đọc « Gió nổi các bay », ta có cảm tưởng mình vừa đời không khí. Nghe vài cô gái già khát chồng, một cô giáo trẻ thềm học trò. những cô nường ham đô la Mĩ, những người trai vui đầu về quá khứ hoặc nguyện rửa hiện tại hay môn mưa tương lai..., ta ngái ngại cái gay gắt nọ, cái đam mê kia, cái ham muốn đó, cái chán chường này. Nguyễn-Ái-Lữ đem lại cho ta một không khí, tôi không nói mới, mà khác.

Cái gì cũng có một ít, cái gì cũng vừa phải. Lại thêm lời văn gọn, dễ.

Gió ở đây không làm nổi núi nổi cồn, cho nên cát này chỉ bay nhẹ nhẹ, gần gần. Như vậy người viết về người đọc cũng tạm hài lòng rồi chứ ?



MẪU HỆ CHĂM, khảo luận.

Nhà xuất bản : TRINH BẦY — 186 trang ; giá 90đ.

Soạn giả : NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

Tác phẩm :

Đây là tác phẩm thứ hai khảo về dân tộc Chiêm-thành, nếu chúng tôi nhớ không lầm. Mà do người Việt. Phải chăng họ Nguyễn cũng muốn làm trong giới biên khảo việc của người « họ »... Chế trong thi ca ?

Tỏ tình mến, thương một dân tộc láng giềng mà lẽ sống còn của nòi giống ta làm họ đã mất nước lại gần mắt nòi.

Chế-Lan-Viên đã làm ta thương sắc dân đã điêu đứng và điêu tàn vì ta.

Nguyễn-Khắc-Ngũ đang làm ta mến họ qua những chương giới thiệu sơ lược mà gọn gàng chế độ mẫu hệ, người và nước cùng vài nét về lịch sử Chiêm-thành, đến nguồn gốc, nội dung, chế độ mẫu hệ Chàm với nhận xét. Đoạn kết là phần phụ lục, nhưng không kém phần quan trọng, nó cho ta biết nguyên bản dự thảo Chàm, do chính một người Chàm thuộc dòng quý tộc thảo, lịch trình soạn thảo hộ luật Chàm lời phê bình, cả hình thức lẫn nội dung. Nghi buồn cười cho chúng ta chung đụng với người từ Chàm từ xưa từ xưa, lẫn đất họ từ thế kỉ này đến thế kỉ khác, đề đây này họ chỉ còn độ hơn 60.000 người ở trong các tỉnh Ninh-thuận, Bình thuận, Bình tuy và Châu - đốc, thế mà ta hiểu biết về họ ít hơn ta biết hiểu về người Pháp, người Mĩ cách xa ta mấy trùng dương và người Pha-lang-sa lại tìm tôi về họ nhiều hơn ta biết mấy.

Chúng ta vô tình quá đối, hay quá khinh thường họ bị ta đồng lõa hay hòa

đồng. Đảng nào cũng là đáng trách. Nên chi ta càng biết ơn những người bạn Chiêm-thành như anh em Dohamide, Dorohiem đã — bằng tiếng mẹ đẻ của ta — cho ta biết về lịch sử của họ ; nên chi ta càng cảm động khi những người Việt như ông Nguyễn-Khắc-Ngữ đã cho ta biết tập tục, phong tục, hộ luật của sắc dân bạn đáng mến này.

Phần mà người đọc có thể cho là thú vị nhất trong cuốn sách công phu này là phần I của chương thứ ba : soạn giả so sánh địa vị người đàn ông Chăm và người... đàn bà Việt khi chưa lập gia đình, khi lập gia đình, khi đã thành gia thất, đối với vấn đề tài sản, đối với con cái, đối với việc giám hộ.



TÂN-CHÂU (1870-1964) sưu-khảo. Tác-giả xuất-bản 433 trang. Giá 150đ.

Tác giả : NGUYỄN-VĂN-KIỂM, nhà giáo.

Tác phẩm :

« Tân-châu !

« Mảnh đất phì nhiêu, nhưng bé nhỏ, gần biên
« giới Việt-Miên — chính là nơi tôi đã mở mắt ngờ
« ngang nhìn ánh sáng — chính là nơi tôi oa oa tiếng
« khóc đầu. Tôi lớn dần trong sự nghèo túng của gia
« đình tôi, dưới mái lá đơn sơ, bên hữu ngạn sông Tiền.»
(trích lời nói đầu).

Rồi vào nghề « gõ đầu trẻ », lại phải xa quê hương yêu dấu đến 10 năm, ông càng thấy quận mình (cái tên sao mà nghe như rặng rờ vàng son và mại mềm óng chuốt : *Tân-châu* !) có lắm điều hay vẻ lạ, bèn bỏ thì giờ rảnh rang để sưu-tầm về sử-địa, danh nhân, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, canh nông, thủy lợi, giải trí địa phương mình.

Nhà giáo cần cù có tâm hồn chan chứa tình-yêu quê-hương nhỏ bé Tân-châu và đất ỉo rộng lớn là nước Việt không phải là một khách tài hoa. Cho nên bạn nào đợi chờ những cái gì văn vẻ, chuốt trau, sẽ thất vọng. Bằng bạn tìm những gì kì càng, tỉ mỉ, rành mạch, thì bạn được toại nguyện.

Giới thiệu chỉ một quận mà đến trên bốn trăm trang sách, hẳn bạn cũng thấy tác giả ngại thiếu chữ chẳng e thừa. Thôi thì có bao nhiêu tà góp hết bấy nhiêu, rồi sau những ai làm một cuốn địa-phương chỉ có tên là Châu-đốc sẽ dãi sẽ bòn.

Quyển sách dày này chia ra làm bảy phần.

Phần I giới thiệu địa thế, sự giao thông, nền hành chánh với các cơ quan, cùng ngành giáo huấn.

Phần II cho ta biết nền kinh tế, đặc biệt là nghề nuôi cá tra.

Phần III: tín ngưỡng, nhân vật và cơ sở (có tiểu sử Huỳnh giáo chủ).

Phần V : nhân văn ; trong số người nổi danh, giới văn nghệ ngày nay chẳng

là gì tiểu thuyết gia kiêm dịch giả truyện Tàu Nguyễn-Chánh-Sát, thi sĩ Lê-Văn Tấn và họa sĩ Lê-Trung.

Phần VI cho ta thưởng thức ca dao, vè và thơ.

Phần VII, cũng là phần cuối, giới thiệu vài nơi và cách giải trí : Vận động trường, luật chơi trò, thú gác cu. Còn nhớ khi nhắc đến công trình này của ông trên Bách-Khoa số 249 (15-5-67,) ô. Nguyễn-Hiến-Lê có ghi hai chữ : *tỉ mỉ*.

Thật là đúng. Ông đã chịu khó ghi lại từ danh sách các vị quận trưởng, các vị cai tổng, phó tổng, ban biện v.v. đã làm việc ở quận Tân-châu (từ năm 1870 đến 1964) đến các trận hoả-hoạn ở Tân-châu (từ 1895), đến chợ Tân-châu với 18 dãy phố và 502 môn bài các cửa hàng lớn nhỏ !

Điều ai cũng nhận thấy là tác giả có ý muốn chân thành giúp ích độc-giả. Chẳng hạn xem đến phần « Cá Linh » thì không phải ta chỉ biết đến một giống cá nổi danh ở miền Tây mà thôi ta còn biết cả cách đánh cá, nấu dầu, làm phân... thế nào và đọc hết phần đó ta tưởng như mình có thể, theo sự chỉ dẫn của tác giả, mà làm được « mắm chao », « mắm cá linh » rồi. Đọc xong « Thú gác cu », độc giả thấy mình không những đã am hiểu tường tận thế giới loài cu mà giả thử sắm đủ dụng cụ thì đã có thể chia sẻ với tác giả cái thú vui đặc biệt biệt ở địa phương đó rồi. Phải chăng vì vậy mà « Bài thuốc nhỏ mắt gia truyền » của tác giả ghi lại ở cuốn sách không làm ta ngạc nhiên nữa vì đã hiểu rõ tấm lòng của người sưu khảo.

Nhơn đây, xin ghi một sơ sót nhỏ : nhà in Union của ông huyện Cửa không phải ở đường Catinat (Tự do) mà đường Lucien Mossard, bây giờ là đường Nguyễn-Du, số 57)

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

BỔ TÚC BÀI « MỘT HIỆN TƯỢNG MỚI »

Bách Khoa, số 249, trong bài *Một hiện tượng mới*, khi giới thiệu các địa phương chỉ xuất bản mấy năm gần đây, tôi có viết : « Trước hết là một cuốn về Quảng Nam, Quảng Ngãi, tôi quên mất nhan đề . . . » (trang 4, cột trái).

Số báo ra rồi, tôi mới được một ông bạn cho mượn cuốn đó. Nhan đề thực ra là *Non nước xứ Quảng*, do tác giả, Phạm Trung Việt, tự xuất bản năm 1962, và chỉ nói về Quảng Ngãi chứ không nói về Quảng Nam. Sách không chép những tài liệu, thống kê về Hành chánh, Giao thông, Giáo huấn như mấy cuốn khác, nhưng lại chú trọng về thắng cảnh, thi ca, thổ sản, các món ăn nên đọc hứng thú. Có lẽ nhờ vậy và nhờ danh tiếng của xứ Quảng mà năm 1965 sách đã được tái bản.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ



CHÚ THỎ ĐỄ truyện thiếu nhi. Tạp chí Tuổi Hoa chủ trương, ANH - HUY xuất bản, giá 40đ

Tác giả : BICH THỦY

Tác phẩm :

Từ lâu lắm, mọi người cùng ước ao thấy được có một tủ sách dành riêng cho Tuổi Học Trò. Bởi một lẽ giản dị là sách báo thì nhiều song sách hợp với Tuổi Thơ gần như hoàn toàn thiếu vắng trên thị trường chữ nghĩa. Đó quả là một sự thiếu sót đáng quan tâm và là một thiệt thòi lớn cho các trẻ.

Gần đây, sao bao nhiêu lần đắn đo, do dự, Tủ Sách Tuổi Hoa bắt đầu thực mộng ước ôm ấp từ lâu : đó là cho ra đời những tập sách nhỏ, xinh xắn, trong lành vừa giải trí vừa giáo dục Thiếu nhi.

Quyển sách đầu đã in xong : « Chú Thỏ Đễ ». Minh, một thiếu niên hiền lành' chừng chạc, ít lời, (cháu ông nghị Lâm) vừa mới đến trọ học nhà chị Tuyết, vì cha mẹ cậu bạn đi làm ăn xa. Ông nghị Lâm là chỗ quen biết với cha mẹ Tuyết, hơn thế nữa, là người mà cha mẹ cô còn mong nhờ cậy nhiều về sau. Chính vì lẽ đó, cha mẹ cô mới thuận cho Minh ở trọ, chứ không phải vì lòng tốt. Ông nghị độc thân, nay lại vì có bệnh phải lên Đà Lạt theo lời bác sĩ, nên không mang cháu theo không tiện việc học của cậu cháu.

Thoạt tiên, sự có mặt của một thiếu niên xa lạ trong nhà làm Tuyết, cô gái kênh kiệu, ích kỷ, hay làm dáng kia rất bức mình, song về sau, cô lại thương yêu Minh hơn cả em ruột mình. Vì em Tuyết, (cậu Phúc, 17 tuổi) là một thiếu niên thích chơi hơn học và ăn nói rất buông tuồng. Dĩ nhiên, Phúc rất ghét Minh.

Bác Minh đột ngột từ trần tại Đà Lạt. Tin đó làm Minh choáng váng và làm ông bà Toàn Thịnh coi Minh như một người ăn nhờ, ở đậu, phải nuôi làm phúc. Họ cùng đồng ý với nhau bảo Minh phải dọn xuống nhà xe, vì họ « cần cái phòng Minh ở lâu nay » Tuyết rất bất bình nhưng không dám can thiệp.

Thêm một rủi ro nữa là cha Tuyết mất một số tiền và ông quả quyết Minh ăn cắp. Nhờ nhà chức trách sáng suốt nên cái còng chỉ khóa tay Minh có mười phút rồi được tháo ra. Chính Phúc mới là thủ phạm.

Cậu thiếu niên quá xúc động và không thể nán lại nhà Tuyết để chờ tin cha mẹ nữa nên đành ra đi. Tuyết hết sức lo lắng, xót thương nhưng cô không biết làm cách nào, phải viết thư cầu cứu với một người bạn thân (đã cứu cô thoát chết dưới ngày nhỏ). Người ấy là Lộc, một bác sĩ tận tâm với chức nghiệp, rất có cảm tình với cô song vì thấy cô không hợp với mình, gia đình tham lam nên không lui tới nữa. Lộc sốt sắng tìm Minh về nhà anh. Minh hầu như tuyệt vọng về sinh mạng cha mẹ mình, theo tin các báo thì trên chuyến tàu từ Phú quốc về Sài-gòn, tàu đắm

và không thấy tin tức hai ông bà sống sót sau một thời gian dài chờ đợi. Nhưng là một cậu bé can đảm, Minh đã biết đối phó với hoàn cảnh không may của mình.

Một lần nữa Phúc lại ăn cắp một số tiền lớn của cha và trốn đi mất làm ông Toàn Thịnh mang nợ. Trong lúc quản trị, ông đã lái xe bất cẩn, gây ra tai nạn, thiệt mạng.

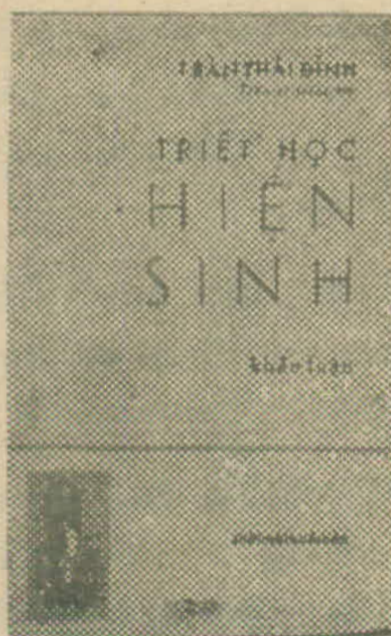
Biến cố bất ngờ đó làm Tuyết hết sức đau đớn song cũng mãi giữa cô trở nên người con gái khá hơn. Tuyết đã biết thu xếp việc nhà, dùng thì giờ—mà trước kia cô chỉ biết dùng vào việc đọc sách báo nhằm, đi xinê, dạo phố và trang điểm—vào việc mưu sinh. Cô đã chín chắn hơn xưa, hợp với một người như Lộc. Họ thành hôn. Minh vẫn ở với họ như một đứa em ruột. Tin vui đến : cha mẹ Minh không chết mà bị trôi dạt vào hải phận Cam bốt, mãi nửa năm sau hai ông bà mới liên lạc được về Sigon, nhưng vì ông Lâm chết nên bất tin con. Lần dò về nước, hai ông bà lại một phen tìm kiếm vất vả, sau nhờ vú già của Minh chỉ cho mới tìm được chỗ ở của con.

Mọi người, lần này lại khóc, nhưng là những giọt nước mắt sung sướng, tin, yêu.

Tuy nhiều tình tiết, song vẫn bằng lối hành văn giản dị, linh động, Bích Thủy đã thành công khi viết cho tuổi trẻ, tuổi trẻ trong sáng, hồn nhiên, tuy đa cảm nhưng vẫn đủ can trường vượt qua thử thách, tìm vui trong bồn phận và trong sự giúp đỡ xung quanh.

Chúng ta hân hoan đón nhận những tập sách đó và hi vọng một ngày không xa các em sẽ có một tủ sách gia đình xếp đầy những quyển truyện như thế.

MINH TÂM



TRIẾT HỌC HIỆN SINH khảo luận.

THỜI MỚI xuất bản, 390 trang. Giá 180đ

Tác giả

TRẦN-THÁI-ĐÌNH — Linh-mục, Giáo sư Đại-chủng viện Xuân Bích, Vinh Long. Đã xuất bản : *Triết học nhập môn* (nhà xuất bản «Ra khơi»)

Tác phẩm

Có lẽ đây là cuốn khảo luận đầu tiên trình bày một cách hệ thống và bao quát phong trào triết học hiện sinh do một người đầy đủ khả năng và có thiện cảm với nền triết học đó biên soạn.

Muốn hiểu được điều gì, phải có thái độ mà Jean Lacroix gọi là «thiện cảm có tính chất phương pháp luận» (sympathie méthodologique), vì ác cảm, thiên kiến cũng như suy tôn, cuồng tín đều che giấu sự thật, thực tại. Rõ ràng tác giả Trần-Thái-

Đỉnh, mặc dầu là linh-mục, đã có thái độ thiện cảm trên đối với triết học hiện sinh, do đó người đọc có thể tin tưởng tác giả đã cố gắng trung thực trong việc giới thiệu tư tưởng của mấy triết gia tiêu biểu hơn cả trong phong trào.

Cuốn sách có thể chi làm hai phần lớn.

Phần 1 gồm ba chương đầu, nhằm xác định một cách tổng quát thế nào là triết học hiện sinh, những đề-tài chính và hai khuynh hướng lớn của phong trào.

Phần II gồm bảy chương nhằm giới thiệu nguồn gốc phong trào hiện sinh với triết học của Kierkegaard, Nietzsche Husserl, và những triết gia hiện đại tiêu biểu hơn cả của phong trào là Karl Jaspers, Gabriel Marcel, J. P. Sartre. Martin Heidegger.

Thực ra tác giả mới chỉ trình bày phần triết-lý thuần-túy của phong trào hiện sinh và trong một viễn tượng tinh, nhằm mô tả cái cốt yếu của một tư tưởng mà thôi.

Nếu xét về phương diện diễn tiến, có thể thấy những triết học trên, nhất là triết học của Sartre, có những biến đổi khá quan trọng, chẳng hạn tương quan giữa chủ-nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa mác xít, trong triết học của Sartre, tôi có cảm tưởng tác giả đã chưa đề ý đủ về điểm trên.

Đàng khác, cuốn sách cũng không đề cập đến một khía cạnh khác rất quan trọng, còn cũng là một *điểm đặc biệt*, độc đáo của phong trào hiện sinh, nhất là với triết học của Sartre; là tác phẩm *triết lý chính trị*; vì hiện sinh là gắn bó với thực tại, thực tế trước mặt, và cái đập mạnh nhất vào con mắt của một triết gia lo lắng tìm hiểu thực tại, muốn ôm lấy thực tại là thời cuộc, biến cố chính trị.

Nếu nói về ảnh hưởng, thì có lẽ chính về phương diện suy tư chính trị, mà triết lý hiện sinh của Sartre đã trở thành những mốc chỉ đạo cho trí thức, cả một thế hệ thanh niên Pháp. Trước một biến cố, phản ứng của người thanh niên trí thức Pháp là tự hỏi: Sartre nghĩ sao? Về chiến tranh Việt Nam, chiến tranh Algérie, về vụ khởi nghĩa Hung-gia-Lợi, về De Gaulle?

Tôi mong, trong một dịp sau, sẽ điềm lại kĩ càng cuốn biên khảo của L. M. Trần-Thái-Đỉnh và nhận định bổ túc về phương diện triết lý xã hội, chính trị của phong trào hiện sinh, vì tôi nghĩ rằng, nếu có cần giới thiệu triết lý đó với độc giả, nhất là thanh niên Vietnam, *trong lúc này*, thì hẳn là phải nói tới những suy tư, thái độ chính trị của Heidegger, Jaspers, G Marcel, Sartre, Merleau Ponty vì thiết tưởng những tìm hiểu đó sẽ giúp ích thực sự cho chúng ta trong việc nhận định và xác định một thái độ trước thời cuộc. Nêu lên phần khuyết điểm trên trong cuốn biên khảo của L. M. Đỉnh, không phải có ngụ ý trách tác giả, mà là trách chính mình, vì đó cũng là một khuyết điểm của người đã chịu trách nhiệm phổ biến những triết thuyết trên từ hơn mười năm nay.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong mục «Đọc sách giúp bạn» trên Bách Khoa số 250 (116167) trang 74, phần tiểu-sử của tác giả «Vết thương dậy thì, có in lầm năm sanh là 1930, xin bạn đọc vui lòng sửa lại cho đúng là 1938 và trân trọng cáo lỗi cùng nữ-sĩ Túy-Hồng.

Tòa soạn Bách Khoa Thời Đại

SINH HOẠT

ĐÀM THOẠI VỀ KỊCH

Lúc 10 giờ sáng, ngày 28-5-67, Trung-tâm Văn-bút Việt Nam đã tổ chức buổi *Đàm thoại về Kịch*, tại thính đường trường Đại Học Vạn Hạnh, 222 đường Trương Minh Giảng Sài-gòn. Thuyết trình viên là nhà soạn kịch lão thành Vi-Huyền Đặc.

Mở lời, thi sĩ Vũ Hoàng Chương, chủ tịch Văn Bút, giới thiệu diễn giả, một người tận tụy về kịch trong bao nhiêu năm, và cũng là người có mặt gần như thường trực trong tất cả Ban Tuyên trạch Văn chương từ trước đến giờ.

Với những lời lẽ giản dị, khiêm tốn cố hữu, ông Vi Huyền Đặc phác họa tổng quát tình trạng bế tắc của ngành thoại-kịch trên mười năm nay, « một sự ế khách hoàn toàn của ông từ khi di cư vào Nam », và bao năm nay ông phải xoay nghề « dịch các truyện Tàu » cho qua ngày tháng. Ông lên tiếng kêu gọi sự cố gắng của mọi người, mọi cấp, để mà phát triển thoại kịch. Vui vẻ, nhiệt thành, rộng lượng, ông Vi Huyền Đặc với cái phong thái tinh thần đặc biệt, gây cho người nghe nhiều sự thoải mái hơn là bằng vào công trình nghiên cứu của mình.

Tiếp sau, ông Hồ Hữu Tường, tự nhận vừa chim, vừa chuột, vì là đại diện của trường Vạn Hạnh và là hội viên Văn Bút, góp thêm một số ý kiến.

Cũng như những vấn đề khác, Hồ quân bao giờ cũng « siêu » cả và đưa những biện pháp — đề dùng danh từ ông thường dùng — liên-hành-tinh. Ông nhìn chung ngành sân khấu (théâtre) năm châu và cho rằng cung cấp món ăn cho sân khấu, nói chung, sống dễ dàng, vì thế chẳng cần đặt vấn đề vật chất Ông đồng ý với người bạn già của ông là người châm ngòi cho cuộc đàm thoại hôm nay, rằng nghệ phẩm sân khấu quả là khó viết, vì cần phải thấy, nghe, đi, nghỉ, sống đủ kinh nghiệm mà dựng lên tường kịch đề đời nên người soạn kịch phải ở vào tuổi trên 40. Ở đây tưởng tượng không có đất đứng (nó có đất đứng trong tiểu-thuyết trong thi ca), mà kinh nghiệm sống đóng vai chủ động tố cần. Và ông lần về nguồn đề thấy khởi điểm của sân khấu, là *Tôn giáo*. Đề giới thiệu đề đề cao một triết lí nào, rồi đến một ý-thức-hệ nào, Nên ta không lấy làm lạ mà thấy những triết gia tên tuổi thành công trong lãnh vực sân khấu, như xưa : Sophocle Euripide, như trước đây Shakespeare, Goethe, và gần đây, Sartre, Camus còn những vở kịch lửa trại, kịch tuyên truyền, kịch giải trí ở vô tuyến truyền thanh, kịch chọc cười ở vô tuyến truyền hình... chưa xứng danh là nghệ phẩm sân khấu.

Ông Phạm Việt Tuyền ngỏ lời, băn khoăn về cái số tuổi 40 có ngăn cản lớp trẻ theo ngành kịch hay không. Ông Vũ Hoàng Chương quan niệm viết kịch thì phải

trình diễn và chính là sự khó khăn trình diễn ngăn cản sáng tác. Để minh chứng cho lời mình, nhà thơ họ Vũ có nêu một số trường hợp bản thân. Ông nhắc lại ngày xưa về quê của Mạnh Phú Tư, ông viết vở kịch, Văn Muội tìm đủ mọi cách để diễn cho được và đã thủ một vai chính. Sau này, viết *Tâm sự kẻ sang Tần*, ông cũng bán khoán lo việc trình diễn, và vì « già rồi, nên không còn thủ được vai Kinh Kha ». Một bạn còn trẻ, Vũ Hân, chừng là ở trường Kịch Nghệ Quốc-Gia, bày tỏ một số cảm nghĩ chân thành và nhiều nhận xét thực tế về tình trạng Kịch. Nhiều người học Kịch mà không hề được xử dụng sau khi tốt nghiệp, nhiều người muốn trình diễn nhưng không tìm ra kịch bản, nhiều người đóng kịch nhưng chỉ đóng toàn kịch cương, và một số người viết kịch đăng báo nhưng chỉ để xem chứ không thể đóng... Nhà văn Vũ Hạnh góp ý hơi nhiều cho rằng các cuộc thảo luận không chú trọng vào giải quyết căn bản vấn đề và vì không quan niệm rõ thoai kịch, ca kịch nên có nhiều sự mâu thuẫn. Ông cho rằng ý kiến ông Hồ Hữu Tường quan niệm kịch rất ưu đãi soạn giả, là chỉ đúng với ca-kịch, tức là sân khấu cải lương chứ không đúng với thoai kịch. Ông không tán thành ý kiến ông Hồ Hữu Tường cho rằng phải là triết gia mới có những vở kịch hay. Trường hợp Camus, Sartre chỉ là một thiểu số những người « gọi rằng triết gia » mượn kịch làm một hình thức phổ biến những quan niệm sống của mình. Những nhà kịch lớn như Shakespeare, Molière, không cần phải làm triết lý, dù đào sâu trong mọi tác phẩm của họ tất nhiên vẫn có triết lý này nọ về đời. Roussin rất là ăn khách ở Tây phương gần đây, lại chẳng có một tư tưởng gì mới ngoài cái cuộc sống trưởng giả lẩn quẩn. Ông cũng không tán thành lấy cái số tuổi để làm giới hạn cho nhà soạn kịch. Theo ông, lấy cái tuổi tác làm một thể lực là cái bệnh trạng của xã hội ta trong mấy năm nay. Cách đây chừng 3, 4 năm có một tác-giả viết sách triết-lý, văn-nghệ gì đó cho rằng hai mươi lăm tuổi trở lên là đồ bỏ cả. Bây giờ anh ta trên cái tuổi ấy, và vẫn cứ tiếp tục viết. Gần đây, một người cầm quyền lại bảo rằng trên 34, 35 là hết xài rồi. Và các bậc tuổi tác viết kịch lại muốn loại bỏ những kẻ ở dưới 40 !

Thực ra, có biết bao nhiêu là người ở trên 40 mà nào có viết được vở kịch nào đâu ? Ngay như ông Vi Huyền Đắc, đã có 70 kia đó, mà nào còn viết thêm ra được vở kịch nào ? Người ta có hai mươi tuổi thì vẫn có thể viết kinh nghiệm sống về hai mươi tuổi, có ba mươi tuổi thì viết về kinh nghiệm sống 30, văn nghệ không thể lấy cái tuổi tác làm một tiêu-chuẩn như là thi cử.

Theo ông Vũ Hạnh, vấn-đề thoai kịch bề tắc phải xét ở cái nguyên nhân chủ quan, khách quan của nó, chủ quan, nó là nghệ thuật tổng hợp đòi hỏi một sự yên vững và sự đóng góp tích cực của các ngành nghệ thuật khác. Khách quan, xã hội không ổn định, bị kiểm chế, khó đặt được vấn đề của xã hội, lại thêm tình trạng ăn xổi ở thì không ai muốn cố gắng làm những gì cho công phu, thích xem xi-nê làm môn giải trí dễ dàng thay cho tổ chức thoai-kịch khó khăn, một số những người hữu trách về kịch-nghệ không tìm cách nghiên cứu thực tại xã hội để đề ra những phương thức sáng tác, trình diễn phù hợp, không « tiêu thụ » hợp lý và xứng đáng những người tốt nghiệp ở trường quốc gia kịch nghệ v.v...

Ông Võ Lang mong đợi ông Vi Huyền Đắc và ông Hồ Hữu Tường lập một ban kịch, gọi là ban kịch Tường Đắc hay Đắc Tường và ông tình nguyện... kéo màn. Ông Đào Đăng Vỹ mong đợi có những loại nhà hát lớn cho ngành thoại kịch và khuyến khích sự ấn hành kịch bản. Cuối cùng ông Hồ Hữu Tường mong mỏi sẽ lập một sân khấu bỏ túi ở ngay tại Vạn Hạnh và ông và một người bạn có viết một hài kịch ngắn đang cần được trình diễn tên là «Đồng bào ơi, thật là đại biến»...

Nói chung, cuộc Đàm thoại không được đông đảo nhưng vui vẻ, không giải đáp được gì cụ thể nhưng có khả năng gợi ý tương đối phong phú.

THỀ NHÂN

SINH HOẠT VĂN HÓA, BÁO CHÍ của Tổng Hội Sinh Viên Saigon

Sau nhiều ngày trầm lặng, Tổng Hội Sinh Viên lại hoạt động với một Tân Ban Chấp Hành ra mắt ngày 14-5-1967.

Vì cho rằng Đại Học là môi trường sinh hoạt văn hóa và báo chí là cơ quan nói lên tiếng nói của sinh viên giữa lòng quần chúng, nên Tân Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Saigon đã coi hoạt động văn hóa, báo chí là những sinh hoạt chính.

Sau hơn một tháng làm việc, bán nguyệt san SINH VIÊN đã phát hành được ba số, với các chủ đề liên tiếp như sau :

- Sinh viên trước hiện tình đất nước.
- Sinh viên với sinh hoạt văn hóa nghệ thuật.
- Nghĩ về mùa sinh viên vùng dậy.

Song song với việc phát hành bán nguyệt san SINH VIÊN, Tổng Hội Sinh Viên Saigon đang xúc tiến tổ chức ĐẠI HỘI BÁO CHÍ SINH VIÊN vào ngày 2-7-1967. Đại Hội Báo Chí sinh viên được triệu tập để thảo luận về bản HIẾN CHƯƠNG BÁO CHÍ SINH VIÊN và thành lập một cơ cấu tổ chức cho sinh hoạt báo chí sinh viên.

Hiện nay Hội sinh viên những người sáng tác đã thành hình. Hội quy tụ những sinh viên có khả năng và ham thích thơ, văn, vẽ, nhạc. Tới nay, về bộ môn thơ, đã có sinh hoạt thường xuyên vào mỗi chiều chủ nhật. Những sinh viên trong hội thơ đang xúc tiến ấn hành tuyển tập đầu tiên: TIẾNG HÁT NHỮNG NGƯỜI ĐI TỚI. (1)

«Tiếng hát những người đi tới» là tuyển tập thơ phát hành định kỳ, thu gồm những bài thơ chọn lọc của những cây viết trẻ thuộc nhiều khuynh hướng.

Đề giới thiệu tập thơ và ý hướng sáng tác mới của những người sinh viên trẻ, Tổng hội Sinh viên sẽ tổ chức một đêm ngâm thơ tại trụ sở Sinh Viên.

Theo lời các anh sinh viên trong Ban Chấp Hành, đêm thơ này sẽ mở đầu những buổi sinh hoạt liên tiếp về văn hóa, nghệ thuật của Tổng Hội Sinh Viên Saigon. Người ta hy vọng sau những ngày khủng hoảng, sinh viên lại tạo được những sinh hoạt sôi nổi bằng những phương thức mới mẻ và thích hợp,

THỀ NHÂN

(1) Đề tiến hành xuất bản tập 2. «(Hội những người sinh viên sáng tác)» gợi ý mong cá bạn làm thơ trẻ gửi thi phẩm về trụ sở sinh viên, 40 Duy Tân trước ngày 15-7